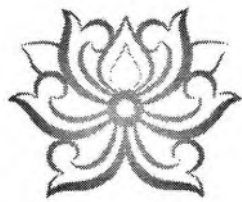


KINH TẬP

(*Suttanipāta*)



Dịch giả
Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU KINH TẬP CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU

Kinh Tập (Suttanipāta) gồm có 5 phẩm, 71 kinh: Phẩm I “*Phẩm Rắn*” (*Uragavagga*) gồm có 12 kinh; phẩm II “*Tiểu phẩm*” (*Cūlavagga*) gồm có 14 kinh; phẩm III “*Đại phẩm*” (*Mahāvagga*) gồm có 12 kinh; phẩm IV “*Phẩm Tám*” (*Aṭṭhakavagga*) gồm có 16 kinh, và phẩm V “*Phẩm Con đường đến bờ bên kia*” (*Pārāyanavagga*) gồm có 17 kinh.

Đặc biệt của tập này gồm những kinh có thể được xem là những kinh xưa nhất, cổ nhất, nghĩa là gần với thời đức Phật nhất. Chúng tôi dựa trên một số yếu tố để xác nhận tánh chất thật, sự nguyên thủy của tập *Suttanipāta* này về cả hai mặt văn cú và nội dung.

Trước hết, tập *Suttanipāta* viết bằng một thể văn Pāli xưa nhất và cổ kính nhất, so sánh với các thể văn chúng ta thường được gặp trong các bộ *Dīgha Nikāya* (Trường bộ), *Majjhima Nikāya* (Trung bộ), *Saṃyutta Nikāya* (Tương ưng bộ), *Aṅguttara Nikāya* (Tăng chi bộ). Nhiều thể văn gần với văn *Veda* (Vệ-đà) được tìm thấy rất nhiều trong tập này, nhưng không tìm thấy trong các tập khác, như các danh từ và động từ số nhiều: *Sitāse*, *upatthitāse*, *caramāse*. Các hình thức chủ cách số nhiều và sử dụng cách số ít của một số danh từ như: *Vinicchayā* thế cho *vinicchayāni*, *lakkhanā* thế cho *lakkhanāni*, *mantā* thế cho *mantāya*. Ngoài ra, chúng ta thường gặp các nguyên mẫu *Vedā* như *vippahātane*, *sampayātave*, *unnametave* rất ít khi được tìm thấy trong các tập kinh khác. Nhiều khi chúng ta thấy một số danh từ đặc biệt như chữ *datthu* thế cho *disvā*, *atisītvā* thế cho *atikkamivā*, *maga* thế cho *miga*, *tumo* thế cho *so*, v.v... Những danh từ này rất gần với tiếng Vệ-đà mà không tìm thấy ở các bộ kinh khác. Như vậy, chúng tỏ tập *Suttanipāta* được viết trong thời kỳ xưa nhất của ngôn ngữ Pāli, chưa được trau chuốt lưu loát nhiều âm điệu như ngôn ngữ Pāli sau này. Giá trị cổ kính của ngôn ngữ Pāli trong tập này đánh giá tánh chất nguyên thủy của tập *Suttanipāta*.¹

Một yếu tố nữa giúp chúng ta biết giá trị cổ kính của kinh này là một số kinh của tập này được tìm thấy trong các bộ kinh khác, và chứng tỏ các kinh khác đã sưu tầm một số kinh hiện có trong bộ *Suttanipāta*. Ví dụ: *Kinh Sela* (*Sn. III: 553-78*) được tìm thấy trong *M. I. 146*; *Kinh Vāseṭṭha* (*Sn. III: 599-661*) được tìm thấy cũng trong *M. II. 196*.

¹ Xem V. Fausboll (tr.), *The Sutta Nipāta* (Oxford: Clarendon Press, 1881), p. xi.

Ngoài ra, tập *Suttanipāta* có ghi chép lại một vài giai đoạn trong đời sống tìm đạo và học đạo của Thái tử, những mẫu chuyện này rất giản dị và mộc mạc, không có xen lẫn thần thông phù phép, với những hình ảnh thật đơn sơ và tươi đẹp.

Kinh Xuất gia (Sn. III: 407-26) diễn tả cuộc gặp gỡ giữa Thái tử với Vua Bimbisāra, khi Thái tử vừa mới xuất gia. Vua Bimbisāra đứng trên lầu nhìn xuống thấy Thái tử đang đi khát thực.

“Bình-sa vương thấy Ngài,	Đứng trên sân lầu thượng,
Thấy đầy đủ tướng tốt,	Bèn nói lên lời này.”

(Sn. III: 411)

Sau khi sai sứ giả đi theo để tìm chỗ ở của Thái tử, Vua Bimbisāra liền đi đến gặp Thái tử và thưa:

“Người thanh niên tuổi trẻ,	Ngây thơ, bước vào đời,
Cao đẹp được viên mãn,	Thiện sanh giòng Sát-lý...
...Tài sản ta cho người,	Hãy hưởng và trả lời.”

(Sn. III: 422-23)

Và Thái tử dứt khoát trả lời :

“Dòng họ thuộc Mặt Trời,	Sanh tộc là Thích-ca,
Từ bỏ gia tộc ấy,	Thừa vua, Ta xuất gia.
Ta không có thiết tha,	Đối với các loại dục,
Thấy nguy hiểm trong dục,	Bỏ chúng là an ổn,
Ta sẽ đi, tinh tấn,	Ý Ta được hoan hỷ.”

(Sn. III: 425-26)

Kinh Tinh cần tiếp theo nói lên sự căm dỗ của Ác ma. Khi Thái tử ngồi dưới cây Bồ-đề tu hành, Ác ma đến gần, nói lên giọng từ mẫn:

“Ông ốm, không dung sắc,	Ông đã gần chết rồi,
Cả ngàn phần ông chết,	Chỉ một phần còn sống.
Hãy sống, sống tốt hơn,	Sẽ làm các công đức.”

(Sn. III: 428-29)

Thái tử trả lời từ tốn nhưng không kém phần nghị lực:

“Bà con ác, phóng dật,	Ngươi đến đây làm gì?
Với công đức nhỏ bé,	Ta đâu có cần đến,
Với ai cần công đức,	Ác ma nên nói chúng.
Đây có tín, tinh tấn,	Và Ta có trí tuệ,
Như vậy Ta tinh tấn,	Sao ngươi hỏi Ta sống.”

(Sn. III: 432-34)

Và Thái tử nói lên quyết tâm chiến đấu của mình:

“Ôi, này Namuci!	Đây là quân đội ngươi,
Đây quân đội chiến trận,	Của dòng họ Kaṇha,

Kẻ nhất không thắng người,	Ai thắng người được lạc.
Ta mang cỏ muñja,	Vững thay đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,	Tốt hơn sống thất bại.”
(Sn. III: 441-42)	

Và cuối cùng, Ác ma thất bại trước dũng chí của Thái tử, vừa bỏ đi vừa than:

“Bảy năm ta bước theo,	Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,	Nơi Thế Tôn chánh niệm.
Như quạ bay xung quanh,	Hòn đá như đồng mờ.
Có thể có gì mềm?	Có thể có gì ngọt?
Không tìm được gì ngọt,	Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,	Ta bỏ Gotama.”
(Sn. III: 448-50)	

Câu chuyện thứ ba nói về Ân sĩ Asita (A-tư-đà) đoán tướng cho Thái tử. Asita thấy chư thiên vui mừng liền hỏi duyên cớ. Chư thiên đáp:

“Tại xứ Lâm-tỳ-ni,	Trong làng các Thích-ca,
Có sanh vị Bồ-tát,	Báu tối thắng, vô tỷ.
Ngài sanh, đem an lạc,	Hạnh phúc cho loài người,
Do vậy chúng tôi mừng,	Tâm vô cùng hoan hỷ.
Ngài, chúng sanh tối thượng,	Ngài, loài người tối thắng,
Bậc Nguru vương loài người,	Thượng thủ mọi sanh loại.
Ngài sẽ chuyển pháp luân,	Trong khu rừng ản sĩ,
Rống tiếng rống sư tử,	Hùng mạnh, nhiếp loài thú.”
(Sn. III: 688-89)	

Ân sĩ Asita liền vội vàng đi đến Kapilavatthu để được chiêm ngưỡng Thái tử.

“Sau khi thấy Thái tử,	Chói sáng như lửa ngọn,
Thanh tịnh như sao Nguru,	Vận hành giữa hư không,
Sáng chiếu như mặt trời,	Giữa trời thu, mây tịnh,
Ân sĩ tâm hân hoan,	Được hỷ lạc rộng lớn.”
(Sn. III: 692)	

Khi thấy Thái tử chói sáng như mặt trời, khi nghĩ đến viễn cảnh Chánh pháp được tuyên thuyết, nghĩ đến phận mình già yếu, Asita đã phát khóc.

“Khi vị ấy nghĩ đến,	Số mệnh của tự mình,
Số mệnh không tốt đẹp,	Vị ấy rơi nước mắt...”
(Sn. III: 696)	

Trước sự lo lắng của các vị Thích-ca, Ân sĩ Asita giải tỏa mối lo lắng:

“Thấy họ Thích lo lắng,	Vị ản sĩ trả lời:
‘Ta không thấy bất hạnh,	Xảy đến cho Thái tử,
Đối với Thái tử ấy,	Chướng ngại sẽ không có,

Vị này không hạ liệt,
 Thái tử này sẽ chứng
 Sẽ chuyển bánh xe pháp,
 Vì lòng từ thương xót,
 Và đời sống Phạm hạnh
 Thọ mạng ta ở đời,
 Đến giữa đời sống Ngài,
 Ta sẽ không nghe pháp,
 Do vậy ta sâu nảo,

Chớ có lo lắng gì.
 Tôi thượng quả Bồ-đề,
 Thấy thanh tịnh tôi thắng,
 Vì hạnh phúc nhiều người,
 Được truyền bá rộng rãi.
 Còn lại không bao nhiêu,
 Ta sẽ bị mạng chung.
 Bạc Tinh Cần Vô Tỷ,
 Bất hạnh và khổ đau’.”

(Sn. III: 697-99)

Yếu tố thứ tư xác nhận sự cổ kính của tập *Suttanipāta* này là một số câu văn, một số ví dụ, một số hình ảnh được diễn tả, đã trở thành những câu cách ngôn dân gian: “Biển lớn thì im lặng”, “Khe nước thì chảy ồn”, “Cái gì trống kêu to”, “Cái gì đầy yên lặng.” Những ví dụ này cho chúng ta thấy những kẻ ít hiểu biết thì hay nói nhiều, những kẻ hiểu biết nhiều thì thường im lặng như 2 câu kệ sau đây:

“Hãy học các dòng nước,
 Nước khe núi chảy ồn,

Từ khe núi vực sâu,
 Biển lớn thì im lặng.”

(Sn. III: 725)

“Cái gì trống kêu to,
 Ngu như ghè vơi nước,

Cái gì đầy yên lặng,
 Bạc trí như ao đầy.”

(Sn. III: 726)

Với những kẻ hay nói, họa sẽ tự miệng sanh, như câu kệ khéo diễn tả dưới đây:

“Phàm con người đã sanh,
 Kẻ ngu khi nói bậy,

Sanh với búa trong miệng,
 Tự chặt đứt lấy mình.”

(Sn. III: 662)

Hình ảnh sau đây có vẻ trào phúng, nói đến đàn quạ thấy hòn đá làm tưởng là miếng thịt mỡ, đến mổ để tìm cái gì ngọt, khi mổ xong biết mình làm liền bay đi. Câu kệ châm biếm Ác ma đi theo đức Phật để tìm cơ hội hại Ngài, cuối cùng hại Ngài không được nên bỏ đi.

“Như quạ bay xung quanh,
 Có thể có gì mềm?

Hòn đá như đông mỡ,
 Có thể có gì ngọt?”

(Sn. III: 449)

“Không tìm được gì ngọt,
 Như quạ mổ hòn đá,

Quạ từ đó bay đi,
 Ta bỏ Gotama.”

(Sn. III: 450)

Một câu kệ nữa nói đến sóng biển không sanh ở giữa đại dương, cho chúng ta biết, kẻ đã giải thoát bao giờ cũng trầm tĩnh yên lặng, như bài kệ sau đây:

“Nhu chính giữa trung ương	Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,	Biển hoàn toàn đứng lặng.
Cũng vậy này Tỷ-kheo,	Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,	Đối sự gì ở đời.”

(Sn. IV: 926)

Đức Phật khuyên các người xuất gia, nên sống riêng một mình tinh tấn tu hành, như con tê giác chỉ có một sừng sống một mình trong rừng.

“Do thân cận, giao thiệp,	Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,	Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,	Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,	Nhu tê ngưu một sừng.”

(Sn. I: 36)

“Nhu nai trong núi rừng,	Không gì bị trói buộc,
Tự đi chỗ nó muốn,	Để tìm kiếm thức ăn.
Nhu các bậc hiền trí,	Thấy tự do giải thoát,
Hãy sống riêng một mình,	Nhu tê ngưu một sừng.”

(Sn. I: 39)

Khi đức Phật thuyết pháp, giới thiệu đạo mới của Ngài, Ngài phải đương đầu với hai hệ thống xã hội rất hùng mạnh đang ngự trị trên xã hội Ấn Độ bấy giờ, tức là tổ chức Sa-môn và tổ chức Bà-la-môn. Mỗi hệ thống có một số giáo chủ cầm đầu với hội chúng, với chủ thuyết, với phương pháp tu hành sai biệt và nhiều khi mâu thuẫn nhau. Đức Phật đã mạnh dạn loại bỏ những gì Ngài xem là trở ngại cho con người giác ngộ, giải thoát, và tự mình vạch ra một con đường mới mẻ đặc biệt của Ngài.

Trước hết, đức Phật không chấp nhận đời sống người tu hành mà còn đoan số, đoán mộng, bói toán, ăn các đồ ăn do kẻ tụng đem lại:

“Ta không có thọ dụng,	Đồ ăn từ kẻ tụng,
Hỡi này Bà-la-môn,	Đây không phải là pháp,
Của những người có trí,	Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ,	Chỗ nào pháp an trú,
Hỡi này Bà-la-môn,	Đây chính là truyền thống.”

(Sn. III: 484)

“Chớ có dùng bùa chú,	Atharva, Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,	Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,	Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh, không sanh,	Không hành nghề lang băm.”

(Sn. IV: 933)

Đức Phật cũng không chấp nhận cầu mong điềm lành. Các chư thiên hỏi đức Phật làm thế nào được điềm lành (*maṅgala*), đức Phật trả lời bằng 38 hành

động tốt, vì chỉ có hành động lành là điềm lành tối thượng, như *Kinh Maṅgala* đã khéo diễn tả:

“Không thân cận kẻ ngu, Đánh lể người đáng lể,	Nhưng gần gũi bậc trí, Là điềm lành tối thượng.”
(Sn. II: 259)	

“Học nhiều, nghề nghiệp giỏi, Nói những lời khéo nói,	Khéo huấn luyện, học tập, Là điềm lành tối thượng.”
(Sn. II: 264)	

“Hiếu dưỡng mẹ và cha, Làm nghề không rắc rối,	Nuôi dưỡng vợ và con, Là điềm lành tối thượng.”
(Sn. II: 265)	

“Bồ thí, hành đúng pháp, Làm nghiệp không lỗi lầm,	Săn sóc các bà con, Là điềm lành tối thượng.”
(Sn. II: 266)	

“Chăm dứt, từ bỏ ác, Trong pháp không phóng dật,	Chế ngự đam mê rượu, Là điềm lành tối thượng.”
(Sn. II: 267)	

“Kính lể và hạ mình, Đúng thời nghe Chánh pháp,	Biết đủ và biết ơn, Là điềm lành tối thượng.”
(Sn. II: 268)	

Như vậy, đức Phật bác bỏ sự tin tưởng ở điềm lành và khuyến khích làm các hạnh lành, vì các hạnh lành là điềm lành tối thượng.

Thêm một bước nữa, đức Phật không chấp nhận quan điềm của các Bà-la-môn tin tưởng ở thuyết thọ sanh, cho mình là giai cấp đáng tôn trọng nhất, chỉ vì sanh ra từ miệng Phạm thiên và do vậy các giai cấp Sát-đế-ly, Phệ-xá và Thủ-đa phải tôn trọng phục vụ giai cấp Bà-la-môn. Đức Phật chống lại quan điềm thọ sanh này và tuyên bố rằng chỉ do hành động mới đánh giá giá trị con người, xem con người có đáng tôn trọng hay không.

“Bần tiện không vì sanh, Do hành thành bần tiện,	Phạm chí không vì sanh, Do hành thành Phạm chí.”
(Sn. I: 136)	

“Không phải do sanh đẻ, Không phải do sanh đẻ, Chính do sự hành động, Chính do sự hành động,	Được gọi Bà-la-môn, Gọi phi Bà-la-môn. Được gọi Bà-la-môn, Gọi phi Bà-la-môn.”
(M. 98, <i>Kinh Vāseṭṭha</i>)	

Bước thêm một bước nữa, đức Phật bác bỏ các luận thuyết, các triết lý suông, vì chúng không thể đưa con người đến giải thoát, an tịnh. Có đến 63 luận

thuyết thịnh hành trong thời đức Phật và đức Phật đều bác bỏ chúng, vì chúng chỉ gây thêm tranh luận:

“Các Sa-môn tranh luận, Các ngôn thuyết văn tự, Vị ấy vượt qua được,	Có đến sáu ba thuyết, Y đây các tướng khởi, Dòng nước mạnh sanh tử.”
--	--

(Sn. III: 543)

“Ai thiên trú trong kiến, Ở đời đặt kiến ấy, Người ấy nói tất cả Do vậy không vượt khỏi	Xem kiến ấy tối thắng, Vào địa vị tối thượng, Người khác là hạ liệt, Sự tranh luận ở đời.”
--	---

(Sn. IV: 802)

“Những ai muốn tranh luận, Họ công kích lẫn nhau, Họ đi đến người khác, Họ muốn được tán thán,	Sau khi vào hội chúng, Họ gọi nhau là ngu, Và khởi lên tranh luận, Họ gọi chúng thiện xảo.”
---	--

(Sn. IV: 831)

“Cái làm nó cống cao, Tuy vậy nó vẫn nói, Khi thấy được như vậy, Bậc thiện xảo nói rằng,	Cũng là đất hại nó, Lời cống cao, kiêu mạn, Hãy đừng có tranh luận, Thanh tịnh không do vậy.”
---	--

(Sn. IV: 836)

“Không phải từ tri kiến, Không phải từ giới cấm,	Từ truyền thống, từ trí, Thanh tịnh được đem đến.”
---	---

(Sn. IV: 845)

“Người đã có cuồng tín, Vì đã có thiên vị, Y chỉ nơi cái gì, Người tuyên bố thanh tịnh,	Không đưa đến thanh tịnh, Vớ tri kiến tác thành, Nơi đây là tịnh sạch, Thấy ở đây như vậy.”
--	--

(Sn. IV: 916)

Sau khi bác bỏ mê tín dị đoan, tà kiến, truyền thống, điềm lành, các luận thuyết, tế thần, tế lửa, v.v..., đức Phật tự mình xây dựng con đường giải thoát, giác ngộ của mình. Và tập *Suttanipāta* sưu tầm cho chúng ta thấy những bài kệ diễn tả đức Phật sai khác với các ngoại đạo sư hiện tại như thế nào.

Trước hết, Ngài là bậc Có Mắt (*Cakkhumantu*), Có Pháp Nhãn thấy rõ tất cả:

“Đức Phật thật có mắt,	Đối với tất cả pháp.”
------------------------	-----------------------

(Sn. I: 161)

“Bậc Có Mắt xuất hiện,
Quét sạch mọi u ám,

Đời này và thiên giới,
Độc cư, chứng an lạc.”

(Sn. IV: 962)

“Vị ấy, Chánh Đẳng Giác,
Đã đi đến bờ kia,
Đạt được cả sức mạnh,
Bậc Có Mắt thấy được,
Đạt được sự diệt tận,
Được giải thoát, diệt tận,

Hồi này Bà-la-môn,
Đối với tất cả pháp,
Của tất cả thắng trí,
Trong tất cả các pháp,
Của tất cả các pháp,
Đối với các sanh y.”

(Sn. V: 998)

Đức Phật là vị có một cái nhìn sáng suốt, một sự hiểu biết thấu triệt, thấy đau khổ trong các chủ thuyết, không chấp nhận chủ thuyết nào, tìm đến chân lý, Ngài thấy được sự an tịnh nội tâm.

“Với Ta không có nói,
Sau khi quán sát kỹ,
Trong tất cả tri kiến,
Ta thấy sự cất chứa,

Ta nói như thế này,
Sự chấp thủ trong pháp.
Ta không có chấp trước,
Tịch tịnh trong nội tâm.”

(Sn. IV: 843)

“Ai đã chặt sanh hữu,
Sanh hữu đã đoạn tận,
Được gọi là Ân sĩ,
Bậc Ân sĩ đã thấy,

Không còn gieo giống thêm,
Không muốn nó tùy sanh,
Một mình đi im lặng,
Con đường tịch tịnh ấy.”

(Sn. I: 210)

Nếp sống đức Phật giới thiệu là một nếp sống của vị Ân sĩ Mâu-ni, một vị đã từ bỏ gia đình sống không gia đình, không có trú xứ nào.

“Thân mật sanh sợ hãi,
Không trú xứ, không thân,

Trú xứ sanh bụi bặm,
Hình ảnh bậc Ân sĩ.”

(Sn. I: 209)

Một vị đã nhiếp phục tham ái và ái dục, không để ái dục chi phối.

“Vị ấy sống viễn ly,
Bậc Long tượng không chấp,
Như hoa sen có gai,
Không bị nước và bùn,
Như vậy bậc Ân sĩ,
Không bị dục và đời,

Mọi sự việc ở đời,
Và không nói đến họ,
Sanh ra ở trong nước,
Mắc dính và thân ướt.
Nói an tịnh, không tham,
Mắc dính và thấm ướt.”

(Sn. IV: 851)

Một vị ân sĩ không có thiếu thốn, không có tri kiến, không có tà kiến, từ bỏ các chủ thuyết và không có tranh luận với ai ở đời.

“Vớ ai có chấp thủ,
Vớ ai không chấp thủ,
Chính đối với vị ấy,
Vị ấy đã tẩy sạch,

Bị chỉ trích trong pháp,
Lấy gì có thể nói?
Ngã, phi ngã đều không,
Mọi tà kiến ở đời.”

(Sn. IV: 793)

“Một số người nói rằng:
Họ nói các người khác,
Do chấp thủ như vậy,
Vì sao bậc Sa-môn,

‘Đây mới là sự thật’,
Là trống không, giả dối.
Họ tranh luận, đấu tranh,
Không cùng nói một lời?”

(Sn. IV: 889)

“Thường trú xả, chánh niệm,
Bằng, hơn hay thua người,

Ở đời không nghĩ mình,
Vị ấy không bông bột.”

(Sn. IV: 861)

Sống đời sống viễn ly, không tham đắm vật gì, vị ẩn sĩ sống đời sống vô hữu, không có “ta”; không có “của ta”, thực hành hạnh vô ngã một cách tốt đẹp.

“Vị ấy không con cái,
Không có gì nắm lấy,

Thú vật, ruộng, đất đai,
Là ta, là không ta.”

(Sn. IV: 864)

“Ai không có vật gì,
Không đi đến các pháp,

Không có, không sầu muộn,
Vị ấy gọi an tịnh.”

(Sn. IV: 867)

“Không nghĩ ‘đây của tôi’,
Người không có tự ngã,

Không nghĩ ‘đây của người’,
Không sầu vì không ngã.”

(Sn. IV: 957)

Nhờ thực hành vô ngã, vị ẩn sĩ đi đến an tịnh trong nội tâm:

“Hãy giữ được an tịnh,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
Vớ người được an tịnh,
Đã không có tự ngã,

Về phía tự nội tâm,
An tịnh từ chỗ khác.
Từ phía tự nội tâm,
Từ đâu có vô ngã!”

(Sn. IV: 925)

Và đích cuối cùng của con đường tu hành, đối với vị ẩn sĩ là “Niết-bàn tịch tịnh”.

“Từ bỏ lòng tham dục,
Chứng bất tử, tịch tịnh,

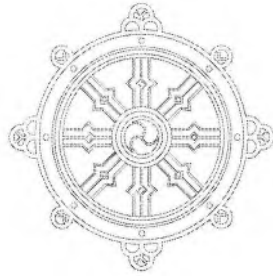
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Niết-bàn giới thường trú.”

(Sn. II: 206)

Một điểm son đáng chú ý là tập này có một số kinh rất phổ thông, và được chư Tăng các nước Nam tông tụng đọc thường xuyên như *Kinh Châu báu* (*Ratanasutta*), *Kinh Điềm lành* (*Maṅgalasutta*) và *Kinh Tâm từ* (*Mettasutta*).

Ngoài ra, có nhiều bài kinh ngắn gọn, ý tứ hàm súc, tán thán hạnh ản sĩ, làm nổi bật đặc điểm của tập này là tán dương đời sống của vị xuất gia tầm đạo như *Kinh Rắn* (*Uragasutta*), *Kinh Ản sĩ* (*Munisutta*), *Kinh Rāhula* (*Rāhulasutta*), *Kinh Dhammika* (*Dhammikasutta*), *Kinh Nālaka* (*Nālakasutta*), *Kinh Bại vong* (*Parābhavasutta*), *Kinh Con đường mau chóng* (*Tuvaṭṭakasutta*), *Kinh Cháp trọng* (*Attadaṇḍa*), *Kinh Sāriputta* (*Sāriputtasutta*). Những kinh này phần lớn đề cập đến hạnh ản sĩ, và như vậy làm nổi bật bối cảnh an tịnh tu hành mà tập *Suttanipāta* này đề cao một cách đặc biệt.

(Lời Giới thiệu Kinh tập 1978 và 1982)



DẪN LUẬN KINH TẬP (SUTTANIPĀṬA)

1. Về từ ngữ và sự trùng lặp

Nói về ý nghĩa từ nguyên của *Kinh tập*, các tác giả của *Phật Quang đại từ điển* (佛光大辭典) cho rằng: “Vì các bộ kinh khác đều có bản sắc, có tựa đề riêng, chỉ có *Kinh tập* là tuyển tập do tổng hợp từ các bộ kinh khác nên gọi là *Kinh tập*.”¹

Bản văn kinh thứ năm của *Kinh Tiểu bộ* trong Kinh tạng Pāli có tên nghĩa đen là “*Tuyển tập các bài kinh*” (*The Sutta Collection*) gồm 5 phẩm (*vagga*, 品), 70 kinh (*sutta*, 經), 1.155 bài thi tụng (*gāthā*, 頌詩), mỗi bài có 4-12 câu thơ. *Phẩm Nhóm tám* (*Aṭṭhakavagga*, Sn. IV: 772-981, 八頌經品²) và phẩm *Con đường đến bờ bên kia* (*Pārāyanavagga*, Sn. V: 982-1155, 彼岸道品) được lưu truyền dưới dạng biệt bản rất sớm nên *Kinh tập* được xem là bản văn cổ xưa nhất của kinh điển Phật giáo Thượng Tọa bộ.³

Dựa trên ấn bản Pāli Tích Lan, PTS và ấn bản Pāli của Chaṭṭha Saṅgāyana Tipiṭaka (CST), cách phân chia và bố cục cũng có phần chưa ăn khớp với nhau:

	Bản CST		Bản Tích Lan		Bản PTS	
Phẩm	Số kinh	Số thi kệ	Số kinh	Số thi kệ	Số kinh	Số thi kệ
Phẩm I	12 kinh	1-223	12 kinh	1-223	12 kinh	1-221
Phẩm II	14 kinh	224-406	14 kinh	224-406	14 kinh	222-404
Phẩm III	12 kinh	407-771	12 kinh	407-769	12 kinh	405-765
Phẩm IV	16 kinh	772-981	16 kinh	770-979	16 kinh	766-975

¹ Tham chiếu: *Phật Quang đại từ điển* (佛光大辭典): “因其他各經分別有其獨自之特徵，故均有其特定之名稱，唯有本集乃是由雜多之經所集成，故稱經集。” https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 14/2/2021).

² Xem https://cbetaonline.dila.edu.tw/zh/N0012_001/ (truy cập này 10.5.2021): 義品原文 *Aṭṭhakavagga*，乃有「八品」之意義，或應為「八法品」或「八偈品」亦說不一定 *Aṭṭhakavagga* còn được dịch nghĩa là *Phẩm Tám*, *Phẩm Tám pháp* hoặc *Phẩm Tám kệ*.

³ Tham chiếu: *Phật Quang đại từ điển* (佛光大辭典): 係原始佛教聖典中最古老之作品。尤其是義品，彼岸道品兩章乃最早獨立流通者，故可謂為佛教最古老之聖典。 https://www.fgs.org.tw/fgs_book/fgs_drser.aspx/ (truy cập ngày 14/2/2021).

Phẩm V	16 kinh, 3 bài kệ	982-1155	16 kinh, 2 bài kệ	980-1154	16 kinh, 2 bài kệ	976-1149
	70 kinh, 3 bài kệ	1155 thi kệ	72 kinh, 2 bài kệ	1154 thi kệ	72 kinh, 2 bài kệ	1149 thi kệ

Về ngôn ngữ và văn phong, *Kinh tập* được viết bằng văn phong Pāli cổ xưa, cách chia động từ, danh từ số nhiều, chủ cách số nhiều và sử dụng cách số ít của danh từ không tìm thấy trong 4 bộ kinh Pāli nhưng rất gần với văn phong kinh điển Veda của Ấn Độ giáo. Điều này góp phần tạo nên tính chất nguyên thủy của *Kinh tập*.⁴

Đối tượng người nghe và đối thoại với đức Phật trong *Kinh tập* rất đa dạng, đại diện cho nhiều thành phần trong xã hội như nhà vua, đạo sĩ Bà-la-môn, tiên nhân, người nông dân và người chăn trâu. Ngôn ngữ lời thoại trong *Kinh tập* rất giản dị, đi vào các vấn đề thực tiễn, đồng thời cũng nhấn mạnh đến việc tu dưỡng đạo đức.

Khi phiên dịch và giới thiệu kinh này, Laurence Khantipalo Mills có ý cho rằng đặc điểm của *Kinh tập* là bản văn không trùng lặp so với Kinh tạng Trung Quốc và Kinh tạng của Phật giáo Tây Tạng, mặc dù có một số trùng lặp so với Kinh tạng Pāli.⁵ Bhikkhu Thanissaro chứng minh ngược lại một cách thuyết phục rằng: “Nhiều truyền thống [Phật giáo] chia sẻ cùng các thi kệ nhưng có cách sắp xếp các thi kệ theo cách khác nhau. Chẳng hạn, kinh điển Trung Quốc có 16 bài kệ giống với 16 bài kệ trong phẩm IV của *Kinh tập*, phẩm *Atthaka*, nhưng 2 trong các bài thi kệ này lại được tìm thấy trong các kinh điển Pāli khác”,⁶ như 16 kinh thuộc *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* (佛說義足經).⁷ Ngoài ra, còn có nhiều bài kinh của *Kinh tập* có thể tìm thấy trong *Trung A-hàm* (中阿含) và *Tạp A-hàm* (雜阿含). Ví dụ: *Sn. II. §7* được tìm thấy trong *MĀ. 156*;⁸ *Sn. I. §10* được tìm thấy trong *SĀ. 1326*.⁹

⁴ Tham chiếu chi tiết trong “Lời giới thiệu” của HT. Thích Minh Châu về *Kinh tập* (TP. HCM: Thiền viện Vạn Hạnh, 1978), tr. 204-05.

⁵ Tham chiếu: Laurence Khantipalo Mills (tr.), *Anthology of Discourses (Kinh tập)* (SuttaCentral, 2015), p. xiii: “The text is, so far as we know, unique to the Pali tradition. There are no parallels to the book as a whole in the Tibetan or Chinese canons, nor any references to it in the northern traditions. There are, however, many parallels to specific verses or sections of the text; among others, the Ratana Sutta, Khaggavisāṇa Sutta, and Atthakavagga have important parallels. Several of the texts, such as the Sela Sutta, are found elsewhere in the Pali canon.” <http://ftp.budaedu.org/ebooks/pdf/EN391.pdf> (truy cập ngày 14/2/2021).

⁶ Bhikkhu Thanissaro: “Different traditions shared many of the same verses, but that they organized those verses in different ways. The Chinese Canon, for instance, contains a section composed of 16 poems similar to the 16 poems in the fourth chapter of the Sutta Nipāta - the Atthaka Vagga - but to two of those poems it adds verses found elsewhere in the Pali Canon.” Xem https://www.dhammatalks.org/suttas/KN/StNp/introduction.html#stnp_intro_note01/ (truy cập ngày 14/2/2021).

⁷ Xem 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b08).

⁸ Xem *Trung A-hàm* “Phạm chí phẩm”, *Phạm Bà-la-diễn kinh* 中阿含梵志品梵波羅延經 (T.01. 0026.156. 0678a25).

⁹ Xem *Tạp A-hàm kinh* 雜阿含經 (T.02. 0099.1326. 0364b21).

Có một số kệ trùng lặp giữa *Kinh tập* với kinh điển Pāli khác. *Kinh Dhaniya* (Sn. I: 18-34) trùng với S. I. 6, 107; *Kinh Thế nào là giới?* (Sn. II: 326-32) trùng với J. III. 441; *Kinh Tinh cần* (Sn. III: 427-51) trùng với S. I. 122; *Kinh Khéo thuyết* (Sn. III: 452-56) trùng với S. I. 188, *Thag.* v. 1209; *Kinh Sundarika Bhāradvāja* (Sn. III: 457-90) trùng với S. I. 167; *Kinh Mũi tên* (Sn. III: 579-98) trùng với Vin. I. 199; *Kinh Vāseṭṭha* (Sn. III: 599-661) tìm thấy trong *Kinh Vāseṭṭha* (số 98) thuộc *Kinh Trung bộ*.

Hai kệ Sn. I: 45-6 trong *Kinh Con tê ngưu một sừng* trùng với M. III. 152, *Dh.* v. 328-9, Vin. I. 337. Kệ Sn. I: 73, Sn. I: 175-77 trùng với S. I. 16, 53. *Kinh Kasibhāradvāja* (Sn. I: 76-82) trùng với S. I. 172, Sn. 79. Các bài kinh Sn. I. §4 trùng với S. I. 172; Sn. I. §10 trùng với S. I. 213; Sn. II. §5, Sn. III. §3, Sn. III. §7 và Sn. III. §9 trùng lặp với *Kinh Vāseṭṭha* (số 98) trong *Kinh Trung bộ* (*Majjhima Nikāya*).

Các *Kinh Châu báu* (*Ratanasutta*, Sn. II: 224-41) trùng với *Kh.* VI; *Kinh Tâm từ* (*Mettasutta*, Sn. I: 143-52) trùng với *Kh.* VIII; *Kinh Điềm lành* (*Maṅgalasutta*, Sn. II: 261-72) trùng với *Kh.* II. Trải qua hàng thế kỷ, các bài kinh nêu trên đã trở thành các kinh gối đầu giường rất quen thuộc với cộng đồng Phật giáo Nam truyền.

2. Về các bản dịch

Bản dịch tiếng Trung của “*Kinh tập*” do Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội Trung Quốc xuất bản (中國社會科學出版社出版) và phát hành lần đầu tiên vào tháng 1 năm 1990, chỉ có 1.000 bản.

Kinh tập có các bản dịch tiếng Anh của I. B. Horner, Walapola Rahula và Hội Thánh điển Pāli. Ngoài ra còn có các bản dịch:

Bodhi Bhikkhu (tr.), *The Suttanipāta: An Ancient Collection of the Buddha's Discourses Together with Its Commentaries* (*Kinh tập: Tuyển tập cổ về các bài kinh Phật và bản Chú giải*) (Boston: Wisdom Publications, 2017).

John Ireland, *The Discourse Collection: Selected Texts from the Sutta Nipāta* (*Tuyển tập các bài kinh: Các bản văn chọn lọc từ Kinh tập*) (Sri Lanka: BPS “Wheel” Publication, No. 82).

Norman, K. R., *The Group of Discourses* (*Nhóm các bài kinh*) (Oxford: PTS, 2001, 2nd edn.).

Saddhatissa, H., *The Sutta Nipāta* (*Kinh tập*) (London: Curzon Press, 1985).

Thanissaro Bhikkhu (tr.), *Sutta Nipāta: The Discourse Group* (*Kinh tập: Nhóm các bài kinh*) (USA: Metta Forest Monastery, 2016).

Mills, Laurence Khantipalo (tr.), *Anthology of Discourses* (*Kinh tập*) (SuttaCentral, 2015).

Đối với hơn 10 bản dịch trong các ngôn ngữ khác, độc giả có thể xem tại trang nhà: <https://suttacentral.net/snp/> (truy cập ngày 15/2/2021).

3. Về thể tài văn học và số lượng bài kinh kệ

Phần lớn *Kinh tập* là tuyển tập các bài kinh thuộc giai đoạn đầu của Kinh tạng, với tổng cộng 1.155 bài thi tụng (頌詩). Nếu *Kinh Pháp cú* (*Dhammapada*) là tuyển tập các thi kệ gắn liền với các chủ đề khác nhau, hoặc *Kinh Phật tự thuyết* (*Udāna*) và *Kinh Phật thuyết như vậy* (*Itivuttaka*) là hai tuyển tập thi kệ gắn liền với các câu chuyện văn xuôi trước đó thì *Kinh tập* là chuỗi các bài thi kệ không thuộc các mô-típ trên. Có rất nhiều bài kinh chỉ là các thi kệ.

Về số lượng, các bài thi kệ trong *Kinh tập* rất khác nhau trong các phẩm. Về hình thức, bài kinh dài nhất trong *Kinh tập* có 63 thi kệ (*Vāsetṭhasutta*, *Sn.* III. §9), trong khi kinh ngắn nhất chỉ có 3 thi kệ (*Sūcilomasutta*, *Sn.* II. §5). Có điểm tương đồng giữa *Kinh tập* và *Phẩm Sagāthā* trong *Kinh Tương ưng bộ* (*Samyutta Nikāya*) gồm chuỗi các thi kệ được trình bày theo dạng đối thoại và vấn đáp. Có các câu chuyện đối thoại khá dài như *Sn.* III. §1, §2, §10. Đây được xem là đặc điểm thi kệ trong *Kinh tập*, so với các bản kinh thuộc *Kinh Tiểu bộ* có nhiều thi kệ.

Kinh tập có nhiều bài kinh chứa những ẩn dụ (*upamā*) sâu sắc như *Sn.* I. §1, §3, §8, §9, §12; II. §1, §3, §5, §6, §8, §14; III. §1, §2, §4, §6, §8-12; IV. §1, §2, §4, §6-9, §14-6; V. §6, §11. Đồng thời, *Kinh tập* cũng có nhiều dụ ngôn như *Sn.* I. §4, §6, §9, §12; II. §1, §9, §13-4; III. §2, §6, §7, §11-2; IV. §7, §13, §15; V. §1-3, §6, §10, §13.

4. Về chủ đề và nội dung

Phẩm thứ nhất là *Phẩm Rắn* (*Uragavagga*, 蛇品) gồm có 12 kinh với 223 thi kệ, bắt đầu từ kệ 1-223, phần lớn một khổ kệ có 8 câu.

Kinh Rắn (*Uragasutta*, *Sn.* I. §1, 蛇經) gồm các kệ 1-17, khích lệ từ bỏ các trói buộc tâm gồm phần nộ, tham dục, tham ái, kiêu ngạo, sanh hữu, phần hận, nghi hoặc.

Kinh Dhaniya (*Dhaniyasutta*, *Sn.* I. §2, 陀尼耶經) gồm các kệ 18-34. Đức Phật nói về việc Ngài đã dứt tâm phần nộ, sống nhu thuận, không chấp sở hữu, an vui, vượt qua bờ bên kia, không còn tái sanh.

Kinh Con tê ngưu một sừng (*Khaggavisāṇasutta*, *Sn.* I. §3, 犀牛經) gồm các kệ 35-75. Đức Phật dạy dứt nghiệp sát hại, hận thù; từ bỏ tham ái, tham dục buộc ràng; buông bỏ tranh luận, hý luận; gần bạn thiện, thích nghe chân lý; từ bỏ các trói buộc tâm; xuất gia có lý tưởng, cứu độ nhân sinh.

Kinh Kasibhāradvāja (*Kasibhāradvājasutta*, *Sn.* I. §4, 耕田婆羅墮闍經) gồm các kệ 76-82. Đức Phật dạy kỹ năng cày ruộng tâm gồm niềm tin, sự thực hành, trí tuệ, xấu hổ, chánh niệm, phòng hộ các giác quan, tinh tấn không ngừng.

Kinh Cunda (Cundasutta, Sn. I. §5, 淳陀經) gồm các kệ 83-90, nói về bốn hạng Sa-môn gồm người chiến thắng con đường, người thuyết giảng con đường, người sống trên con đường và kẻ làm ô uế đạo.

Kinh Bại vong (Parābhavasutta, Sn. I. §6, 敗亡經) gồm các kệ 91-115, nói về 12 cửa ngõ bại vong.

Kinh Kẻ bần tiện (Vasalasutta, Sn. I. §7, 賤民經) gồm các kệ 116-42, trình bày cách nhận biết người bần tiện qua các thói xấu như phần nộ, hiềm hận, gièm pha, tà kiến, man trá, hại vật, cướp đoạt, lấy của không cho, trốn nợ, giết người, cướp của, nói láo, ép tình, không báo hiếu, dối trá, nguy quân tử, vô ơn, lường gạt, hám lợi, cao ngạo, khinh người, gây hấn, hà tiện, ác độc, xan tham, xảo quyệt, không có tâm quý, phỉ báng đức Phật và đệ tử của Phật, không phải là bậc A-la-hán nhưng lại tự nhận mình là A-la-hán và ăn thịt chó.

Kinh Tâm từ (Mettasutta, Sn. I. §8, 慈經) gồm các kệ 143-52. Đức Phật dạy cách phát triển và trải tâm từ đến với mọi người, động vật và thực vật để xây dựng một cuộc sống hòa bình và hạnh phúc.

Kinh Hemavata (Hemavatasutta, Sn. I. §9, 雪山 (夜叉) 經) gồm các kệ 153-82. Hai vị dạ-xoa ca ngợi đức Phật được đức Phật dạy về sáu pháp tác thành thế giới và chỉ ra con đường thoát khổ.

Kinh Ālavaka (Ālavakasutta, Sn. I. §10, 曠野 (夜叉) 經) gồm các kệ 183-94, nói về giá trị đặc biệt của lòng tin, Chánh pháp, chân lý và trí tuệ.

Kinh Thắng trận (Vijayasutta, Sn. I. §11, 征勝經) gồm các kệ 195-208, nói về nhận thức tính tổ hợp, duyên sinh, bất tịnh của 32 thể trược và sự tan rã thân sau khi chết.

Kinh Ấn sĩ (Munisutta, Sn. I. §12, 牟尼經) gồm các kệ 209-23, ca ngợi ấn sĩ chiến thắng tham ái, dứt được tái sinh, làm chủ tâm trong mọi hoàn cảnh.

Phẩm thứ hai là *Phẩm Nhỏ (Cūlavagga, 小品)* gồm 14 kinh với 183 thi kệ, bắt đầu từ kệ 224-406.

Quen thuộc nhất là *Kinh Châu báu (Ratanasutta, Sn. II. §1, 寶經)* gồm các kệ 224-41, nói về giá trị siêu tuyệt của Phật, Pháp, Tăng; giá trị về sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm do thiền định.

Kinh Hôi thối (Āmagandhasutta, Sn. II. §2, 臭穢經) gồm các kệ 242-55. Đức Phật Kassapa dạy thế nào gọi là người ăn đồ thối và không ăn đồ thối.

Kinh Xấu hổ (Hirisutta, Sn. II. §3, 慚經) gồm các kệ 256-60, nói về bạn đáng xấu hổ với các tính cách không chịu khó, nói suông, nghi ngờ, tìm nhọc điềm người khác.

Kinh Điềm lành hay Kinh Cát tường (Maṅgalasutta, Sn. II. §4, 吉祥經) gồm các kệ 261-72, dạy về 38 giá trị sống tạo nên chất lượng hạnh phúc cao và bền vững.

Kinh Sūciloma (Sūcilomasutta, Sn. II. §5, 針毛夜叉經) gồm các kệ 273-75, cho rằng tham, sân, ghét, thích, sợ hãi phát sanh từ cao ngạo và chấp ngã.

Kinh Hành Chánh pháp (Dhammacariyasutta, Sn. II. §6, 法行經) gồm các kệ 276-85, nói về người xuất gia chân chánh phải vượt qua thói lấm mồm, ưa tranh cãi, vô minh, ác dục, ác tư duy, ác oai nghi.

Kinh Theo pháp Bà-la-môn (Brāhmaṇadhammikasutta, Sn. II. §7, 婆羅門法經) gồm các kệ 286-317. Đức Phật nhắc lại pháp Bà-la-môn thời xưa, đó là pháp của bậc ẩn sĩ sống chế ngự, từ bỏ năm dục trường dưỡng, sống Phạm hạnh, nhẫn nhục, tổ chức tế tự đúng pháp, không có giết hại,...; pháp Bà-la-môn thời xưa này đem lại sự an lạc cho dân chúng.

Kinh Chiếc thuyền (Nāvāsutta, Sn. II. §8, 船經) gồm các kệ 318-25, dạy mọi người cung kính, thực hành theo vị đa văn rõ biết Chánh pháp, truyền bá chân lý, hướng dẫn cách tu hành.

Kinh Thế nào là giới? (Kimsīlasutta, Sn. II. §9, 何謂戒經) gồm các kệ 326-32, nói về giới đức và hạnh chân chánh, đạt được mục đích giải thoát.

Kinh Đứng dậy (Uṭṭhānasutta, Sn. II. §10, 起立經) gồm các kệ 333-36, dạy cách phải sống tỉnh thức để tinh tấn tu tập không bị phóng dật, vượt qua ái dục, vô minh.

Kinh Rāhula (Rāhulasutta, Sn. II. §11, 羅喉羅經) gồm các kệ 337-44. Đức Phật dạy Tôn giả Rāhula hạnh tôn trọng những bậc có trí tuệ và cách sống để trở thành người trí.

Kinh Vaṅgīsa (Vaṅgīsasutta, Sn. II. §12, 鵬耆舍經) gồm các kệ 345-60. Tôn giả Vaṅgīsa đến gặp đức Phật hỏi về việc nhập Niết-bàn của vị thầy tế độ của mình và xin cầu pháp giải thoát.

Kinh Du hành chơn chánh (Sammāparibbājanīyasutta, Sn. II. §13, 正普行經) gồm các kệ 361-77. Đức Phật dạy các phẩm chất để trở thành người xuất gia có lý tưởng và độ sanh hữu hiệu.

Kinh Dhammika (Dhammikasutta, Sn. II. §14, 曇彌迦經) gồm các kệ 378-406. Đức Phật dạy cách tu để người xuất gia hoàn thành hạnh Thánh.

Phẩm thứ ba là *Phẩm Lớn (Mahāvagga, 大品)* gồm 12 bài kinh với 365 thi kệ, bắt đầu từ kệ 407-771.

Kinh Xuất gia (Pabbajjāsutta, Sn. III. §1, 出家經) gồm các kệ 407-26, ca ngợi hạnh xuất gia của đức Phật.

Kinh Tinh cần (Padhānasutta, Sn. III. §2, 精勤經) gồm các kệ 427-51. Đức Phật dạy cách tu tập tinh tấn và trí tuệ để đạt được thành quả tu học.

Kinh Khéo thuyết (Subhāsitasutta, Sn. III. §3, 善說經) gồm các kệ 452-56, dạy cách nói lời khả ái, vượt qua tự ngã.

Kinh Sundarika Bhāradvāja (Sundarikabhāradvājasutta, Sn. III. §4, 孫陀利迦婆羅墮闍經) gồm các kệ 457-90. Phật nói về những phẩm chất đạo đức và trí tuệ mà đạo sĩ Bà-la-môn cần có.

Kinh Māgha (Māghasutta, Sn. III. §5, 摩伽經) gồm các kệ 491-514. Đức Phật dạy bố thí và tạo dựng sự nghiệp đúng cách để được hưởng quả phúc, qua đó, đề cao giá trị của người xuất gia.

Kinh Sabhiya (Sabhiyasutta, Sn. III. §6, 薩毘耶經) gồm các kệ 515-52. Đức Phật dạy những pháp mà người xuất gia cần thực tập để đưa đến giác ngộ, giải thoát.

Kinh Sela (Selasutta, Sn. III. §7, 施羅經) gồm các kệ 553-78, trùng với nội dung *Kinh Sela* (số 92) trong *Kinh Trung bộ* và *Vin. I. 199*.

Kinh Mũi tên (Sallasutta, Sn. III. §8, 箭經) gồm các kệ 579-98, nói về vòng sinh mạng của con người và cách trở thành người hữu ích.

Kinh Vāsetṭha (Vāsetṭhasutta, Sn. III. §9, 婆私吒經) gồm các kệ 599-661, nói về những đức tính của một Bà-la-môn chân chính.

Kinh Kokāliya (Kokāliyasutta, Sn. III. §10, 拘迦利耶經) gồm các kệ 662-83, nói về nguyên nhân sa đọa cõi dữ chính bởi các hành động và lối sống bất thiện.

Kinh Nālaka (Nālakasutta, Sn. III. §11, 那羅迦經) gồm các kệ 684-728, nói về câu chuyện đức Phật đản sinh tại Lumbini và xuất gia tu tập.

Kinh Hai pháp tùy quán (Dvayatānupassanāsutta, Sn. III. §12, 二種隨觀經) gồm các kệ 729-71, dạy hai pháp quán về khổ và nguyên nhân khổ cũng như Niết-bàn và con đường giải thoát.

Phẩm thứ tư là *Phẩm Nhóm Tám (Aṭṭhakavagga, 八頌經品)* có 16 bài kinh, với 210 thi kệ, bắt đầu từ kệ 772-981.

Kinh về dục (Kāmasutta, Sn. IV. §1, 欲經) gồm các kệ 772-77, giảng về giá trị của sự chuyển hóa tham dục đưa đến bờ giải thoát.

Kinh Hang động tám kệ (Guhaṭṭhakasutta, Sn. IV. §2, 窟八偈經) gồm các kệ 778-85, đề cập đến tác hại của dục, si mê trói buộc và cách tu tập để vượt qua.

Kinh Sai lạc tám kệ (Duṭṭhaṭṭhakasutta, Sn. IV. §3, 瞋怒八偈經) gồm các kệ 786-93, nói về cách vượt qua sân hận, gian dối, cao ngạo và chấp thủ.

Kinh Thanh tịnh tám kệ (Suddhaṭṭhakasutta, Sn. IV. §4, 淨八偈經) gồm các kệ 794-801, giải thích cách tu để đạt được sự thanh tịnh, hoàn thiện đạo đức, trí tuệ, không chấp thủ mọi thứ trên đời.

Kinh Tối thắng tám kệ (Paramaṭṭhakasutta, Sn. IV. §5, 第一八偈經) gồm các kệ 802-09, phản ánh kiên chấp cực đoan của những người tự cho mình là tối thượng, người vượt qua chấp ngã, không nắm giữ bất cứ điều gì sẽ đến bờ bên kia.

Kinh Già (Jarāsutta, Sn. IV. §6, 老經) gồm các kệ 810-19. Sự vô thường, già chết của đời người, kéo theo sầu khổ, nên đức Phật dạy từ bỏ mọi chấp thủ về sở hữu. Bậc hiền trí với hạnh sống viễn ly, vượt qua các trói buộc, những ham muốn và ganh tị không làm bản tâm vị ấy.

Kinh Tissa Metteyya (Tissametteyyasutta, Sn. IV. §7, 帝須彌勒經) gồm các kệ 820-29, nói đến tác hại của dâm dục. Bậc ẩn sĩ là vị vượt khỏi bực lưu, không bị tham dục trói buộc, không còn sầu não nên người đời ganh tị.

Kinh Pasūra (Pasūrasutta, Sn. IV. §8, 波須羅經) gồm các kệ 830-40, khích lệ vượt qua mọi tranh luận hơn thua để không chìm trong vui buồn tương đối, sống hữu ích và giá trị.

Kinh Māgaṇḍiya (Māgaṇḍiyasutta, Sn. IV. §9, 摩健地耶經) gồm các kệ 841-53. Nhân việc từ chối ông Māgaṇḍiya muốn gả con gái cho Phật, đức Phật dạy cách vượt qua mọi sự so sánh, tranh chấp, sông không bị trói buộc, xung đột, như hoa sen trong bùn.

Kinh Trước khi bị hủy hoại (Purābhedasutta, Sn. IV. §10, 死前經) gồm các kệ 854-67, dạy cách sống an lạc, vượt lên trên mọi đối đãi, giới hạn.

Kinh Tranh luận (Kalahavivādasutta, Sn. IV. §11, 鬥諍經) gồm các kệ 868-83. Đức Phật giải thích nguyên nhân của tranh luận, tranh chấp, tham ái, cảm xúc, đồng thời chỉ ra lối sống đạt được sự an tịnh.

Kinh Những vấn đề nhỏ bé (Cūḷabyūhasutta, Sn. IV. §12, 小集積經) gồm các kệ 884-900, đề cập giá trị của sự thật đích thực giữa vô vàn các tuyên bố về sự thật của các tôn giáo và học thuyết.

Kinh Những vấn đề to lớn (Mahābyūhasutta, Sn. IV. §13, 大集積經) gồm các kệ 901-20, nói về quan điểm thấy biết, chân lý và kỹ năng sống vượt qua các hệ lụy của tà kiến và giới cấm thủ.

Kinh Con đường mau chóng (Tuvaṭakasutta, Sn. IV. §14, 迅速經) gồm các kệ 921-40. Đức Phật dạy cách làm chủ giác quan, cảm xúc, ăn uống tiết độ, tu thiền định, không bừa chú, không sợ hãi, không phóng túng để được an vui.

Kinh Chấp trượng (Attadaṇḍasutta, Sn. IV. §15, 執杖經) gồm các kệ 941-60. Đức Phật hướng dẫn cách vượt qua tranh luận, đấu đá, tâm sở hữu và chấp ngã, nhờ đó được an lạc.

Kinh Sāriputta (Sāriputtasutta, Sn. IV. §16, 舍利弗經) gồm các kệ 961-81. Ngài Sāriputta ca ngợi các phẩm chất đạo đức và trí tuệ cao quý của đức Phật, và hỏi đức Phật cách để vượt qua những thói phạm.

Phẩm thứ năm là Phẩm Con đường đến bờ bên kia (Pārāyanavagga, 彼岸道品) gồm có 16 kinh, 1 bài kệ đầu, 2 bài kệ cuối, với 174 thi kệ, bắt đầu từ kệ 982-1155.

Bài kệ mở đầu (Vatthugāthā, Sn. V. §1, 序偈) gồm các kệ 982-1037, kể về câu chuyện Bà-la-môn Bāvarī phái 16 đệ tử trẻ đến đánh giá Phật có thật sự là vị đã giác ngộ, giải thoát.

Câu hỏi của thanh niên Ajita (Ajitamāṇavapucchā, Sn. V. §2, 阿耆多學童所問) gồm các kệ 1038-45. Thanh niên Ajita hỏi và đức Phật trả lời vấn đề xoay quanh chánh niệm, tỉnh thức và cách để vượt qua danh, sắc.

Câu hỏi của thanh niên Tissa Metteyya (Tissametteyyamāṇavapucchā, Sn. V. §3, 帝須彌勒學童所問) gồm các kệ 1046-48. Đức Phật dạy cách nhận diện người vượt qua sự nhiễm đắm, luôn giữ chánh niệm và không bị dao động.

Câu hỏi của thanh niên Puṇṇaka (Puṇṇakamāṇavapucchā, Sn. V. §4, 富那迦學童所問) gồm các kệ 1049-54. Đức Phật dạy cách vượt qua già chết mà không cần té đàn, cầu nguyện, chỉ cần làm chủ tâm.

Câu hỏi của thanh niên Mettagū (Mettaḡamāṇavapucchā, Sn. V. §5, 彌多求學童所問) gồm các kệ 1055-66. Đức Phật khẳng định chánh niệm giúp ta vượt qua sanh, già và khổ đau.

Câu hỏi của thanh niên Dhotaka (Dhotakamāṇavapucchā, Sn. V. §6, 度多迦學童所問) gồm các kệ 1067-74. Đức Phật chỉ cách vượt qua hoài nghi, trải nghiệm chân lý, sống an tĩnh giữa đời bằng cách giữ chánh niệm.

Câu hỏi của thanh niên Upasīva (Upasīvamāṇavapucchā, Sn. V. §7, 優波私婆學童所問) gồm các kệ 1075-82. Đức Phật dạy gìn giữ chánh niệm là cách vượt qua dòng chảy tham ái lớn mạnh, và thành tựu Niết-bàn chính là khi nghi ngờ, ái đã hoàn toàn chấm dứt.

Câu hỏi của thanh niên Nanda (Nandamāṇavapucchā, Sn. V. §8, 難陀學童所問) gồm các kệ 1083-89, thảo luận tiêu chí đánh giá ai thực sự là ẩn sĩ theo đạo Bà-la-môn và Phật giáo, và làm thế nào để có thể vượt thoát sanh tử.

Câu hỏi của thanh niên Hemaka (Hemakamāṇavapucchā, Sn. V. §9, 醯摩迦學童所問) gồm các kệ 1090-93. Đức Phật khẳng định vượt qua tham ái và giữ chánh niệm là cách đạt được Niết-bàn.

Câu hỏi của thanh niên Todeyya (Todeyyamāṇavapucchā, Sn. V. §10, 刀提耶學童所問) gồm các kệ 1094-97, nói về giá trị của bậc trí không nhiễm dục tham, ước vọng, sống đời thông dong.

Câu hỏi của thanh niên Kappa (Kappamāṇavapucchā, Sn. V. §11, 劫波學童所問) gồm các kệ 1098-1101, đề cao sự vô chấp và vô sở hữu dẫn đến việc thoát khỏi ma lực.

Câu hỏi của thanh niên Jatukaṇṇi (Jatukaṇṇimāṇavapucchā, Sn. V. §12, 閼都乾耳學童所問) gồm các kệ 1102-06, đề cao sự vượt qua lòng tham và dục vọng, không bị nhiễm đắm vào danh, sắc để dẫn đến khổ đau.

Câu hỏi của thanh niên Bhadrāvudha (Bhadrāvudhamāṇavapucchā, Sn. V. §13, 跋陀羅浮陀學童所問) gồm các kệ 1107-10, nói rõ lợi ích của vượt qua tham ái và chấp thủ, giữ chánh niệm.

Câu hỏi của thanh niên Udaya (Udayamāṇavapucchā, Sn. V. §14, 優陀耶學童所問) gồm các kệ 1111-17. Đức Phật dạy cách vượt qua dục vọng, hôn trầm, hối hận và vô minh bằng cách giữ chánh niệm.

Câu hỏi của thanh niên Posāla (Posālamāṇavapucchā, Sn. V. §15, 布沙羅學童所問) gồm các kệ 1118-21. Đức Phật chỉ ra giá trị của trí tuệ vượt mọi trói buộc, được giải thoát.

Câu hỏi của thanh niên Mogharāja (Mogharājamāṇavapucchā, Sn. V. §16, 莫伽羅闍學童所問) gồm các kệ 1122-25. Đức Phật dạy cách nhìn đời bằng duyên sinh, luôn giữ chánh niệm để vượt qua ngã chấp kiến.

Câu hỏi của thanh niên Piṅgiya (Piṅgiyamāṇavapucchā, Sn. V. §17, 賓祇耶學童所問) gồm các kệ 1126-29. Đức Phật khuyên chớ có phóng dật, vượt qua tham ái để không còn bị tái sanh.

Các kệ ngôn kết luận tán thán con đường đưa đến bờ bên kia (Pārāyanatthutigāthā, Sn. V. §18, 彼岸道讚頌偈) gồm các kệ 1130-36. Khi mười sáu vị đệ tử của Bāvarī thay nhau hỏi đức Phật, Ngài khẳng định ai tu học theo lời dạy của Ngài đều đến được bờ bên kia.

Các kệ ngôn tường thuật con đường đưa đến bờ bên kia (Pārāyanānugītigāthā, Sn. V. §19, 彼岸道結語偈) gồm các kệ 1137-55. Piṅgiya tường thuật với Bāla-môn Bāvarī về “Con đường đưa đến bờ bên kia” và ông ấy đã trở thành đệ tử Phật.

Kinh tập không những bao hàm các bài kinh tiêu biểu của giai đoạn đầu mà còn là tuyển tập các bài thi kệ sâu sắc về Phật pháp, đa dạng về nội dung, phong phú về tư tưởng, đại diện cho nền minh triết siêu việt của đức Phật. Cùng với *Kinh Pháp cú*, vị trí của *Kinh tập* vượt qua nhiều tập trong *Kinh Tiểu bộ*, được trích tụng phổ biến trong các nước Phật giáo Nam truyền và Bắc truyền.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13/2/2021

TT.TS. Thích Nhật Từ

(Đồng Tổng Biên tập Tam tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam)

I. PHẨM RẮN (URAGAVAGGA)

§1. KINH RẮN (*Uragasutta*) (Sn. 1)

- | | | |
|----|---|--|
| 1. | Ai nhiếp phục phần nộ,
Như dùng chất linh dược,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Đang được đẩy khởi lên,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. ¹ |
| 2. | Ai cắt đứt tham dục,
Như kẻ hái hoa sen,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Không còn chút dư tàn,
Sanh ra từ ao hồ,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. |
| 3. | Ai cắt đứt tham ái,
Làm cho nước cạn khô,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Không còn chút dư tàn,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. |
| 4. | Ai phá hoại kiêu mạn,
Như nước mạnh tàn phá,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Không còn chút dư tàn,
Dải cỏ lau yếu hèn,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. |
| 5. | Ai trong các sanh hữu,
Như kẻ đi kiếm hoa,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Không tìm thấy bản thể,
Trên cây sung không hoa,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. |
| 6. | Với ai trong nội tâm,
Đã vượt thoát ra khỏi,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Không còn có phần hận,
Cả hữu và phi hữu,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. ² |
| 7. | Với ai những tầm tư,
Nội tâm khéo sửa soạn, | Được làm cho tan biến,
Không còn chút dư tàn, |

¹ Tham chiếu: *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hoa dụ phẩm” 法集要頌經華喻品 (T.04. 0213.18. 0786a02).

² Tham chiếu: *Ud. 18, Bhaddiyasutta (Kinh Bhaddiya)*; *Vin. II. 180; Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Lạc phẩm” 法集要頌經樂品 (T.04. 0213.30. 0794a16).

8. Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
Ai không đi quá trớn,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
9. Ai không đi quá trớn,
 Biết rõ được ở đời,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
10. Ai không đi quá trớn,
 Từ bỏ, không có tham,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
11. Ai không đi quá trớn,
 Từ bỏ, không tham dục,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
12. Ai không đi quá trớn,
 Từ bỏ, ly sân hận,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
13. Ai không đi quá trớn,
 Từ bỏ, ly si ám,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
14. Với ai, các tùy miên,
 Các nguồn gốc bất thiện,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
15. Với ai, không có gì,
 Làm duyên trở lui lại,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
16. Với ai, không có gì,
 Tạo nhân khiến trói buộc,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
 Như loài rắn thoát bỏ,
- Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Cũng không quá chậm trễ,
Hý luận chương ngại này,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Cũng không quá chậm trễ,
Sự này toàn hư vọng,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Cũng không quá chậm trễ,
Sự này toàn hư vọng,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Cũng không quá chậm trễ,
Sự này toàn hư vọng,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Cũng không quá chậm trễ,
Sự này toàn hư vọng,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Cũng không quá chậm trễ,
Sự này toàn hư vọng,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Hoàn toàn không hiện hữu,
Được nhổ lên trừ sạch,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Do phiền não sanh khởi,
Về lại bờ bên này,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.
Do rừng ái sanh khởi,
Con người vào tái sanh,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa.

- | | | |
|-----|---|--|
| 17. | Ai đoạn năm triển cái,
Vượt qua được nghi hoặc,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Như loài rắn thoát bỏ, | Không sâu khô bực phiền,
Thoát mũi tên phiền não,
Bờ này và bờ kia,
Da rắn cũ, già xưa. |
|-----|---|--|

§2. KINH DHANIYA (*Dhaniyasutta*) (Sn. 3)

- | | | |
|-----|---|---|
| 18. | Mục đồng Dhaniya
Cơm ta nấu đã chín,
Trên bờ sông Mahī,
Chòi lá được khéo lợp,
Nếu là ý người muốn, | Đã nói lên như vậy:
Sữa uống ta vắt xong,
Ta chung sống đồng cư,
Lửa đốt được cháy đỏ.
Thần mưa, hãy mưa đi. |
| 19. | Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Ta đoạn được phần nộ,
Trên bờ sông Mahī,
Chòi lá được rộng mở,
Nếu là ý người muốn, | Đã nói lên như vậy:
Tâm hoang vu không còn,
Ta chỉ sống một đêm,
Lửa đốt được tịch tịnh.
Thần mưa, hãy mưa đi. ³ |
| 20. | Mục đồng Dhaniya
Ruồi lẩn và muỗi mòng,
Trên cánh đồng cỏ mọc,
Dầu cơn mưa có đến,
Nếu là ý người muốn, | Đã nói lên như vậy:
Ở đây không tìm thấy,
Đàn bò đi ăn cỏ,
Chúng có thể chịu đựng.
Thần mưa, hãy mưa đi. |
| 21. | Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Các bè đã được cột,
Ai qua được bờ kia,
Lợi ích của chiếc bè,
Nếu là ý người muốn, | Đã nói lên như vậy:
Khéo tác thành tốt đẹp,
Nhiếp phục dòng nước mạnh,
Đâu còn thấy cần thiết.
Thần mưa, hãy mưa đi. |
| 22. | Mục đồng Dhaniya
Vợ ta khéo nhu thuận,
Đã lâu ngày chung sống,
Ta không nghe điều gì,
Nếu là ý người muốn, | Đã nói lên như vậy:
Không có tham dục gì,
Vừa đẹp ý, đẹp lòng,
Thuộc ác hạnh về nằng.
Thần mưa, hãy mưa đi. |
| 23. | Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Tâm Ta khéo nhu thuận,
Lâu ngày tu viên mãn,
Trong Ta các pháp ác,
Nếu là ý người muốn, | Đã nói lên như vậy:
Được giải thoát, mở rộng,
Khéo nhiếp phục, chế ngự,
Không còn được tìm thấy.
Thần mưa, hãy mưa đi. |
| 24. | Mục đồng Dhaniya
Với lợi tức thâm hoạch, | Đã nói lên như vậy:
Ta tự nuôi sống ta, |

³ Xem Miln. 187, *Bhikkhupaṇāmitapaṇho* (Câu hỏi về việc đã giải tán các vị Tỷ-kheo).

- Con ta và cả ta,
Ta không nghe điều gì,
Nếu là ý người muốn,
25. Bạc Thế Tôn, Chánh Giác
Ta không có làm mướn,
Vớ điều được chứng đắc,
Về tiền công cần thiết,
Nếu là ý người muốn,
26. Mục đồng Dhaniya
Đây có các bò cái,
Đây có những bò mẹ,
Đây có những bò đực,
Nếu là ý người muốn,
27. Bạc Thế Tôn, Chánh Giác
Đây không có bò cái,
Đây không có bò mẹ,
Đây không có bò đực,
Nếu là ý người muốn,
28. Mục đồng Dhaniya
Cây cột được đóng sâu,
Các dây bằng cây lau,
Và các con bò con,
Nếu là ý người muốn,
29. Bạc Thế Tôn, Chánh Giác
Giống như con bò đực,
Như voi làm bứt đứt,
Ta không còn đi đến,
Nếu là ý người muốn,
30. Rồi mưa lớn đổ xuống,
Làm tràn ngập đất cao,
Mục đồng Dhaniya,
31. Lợi thay cho chúng ta,
Chúng ta được chiêm ngưỡng,
Ôi! Kính bậc Pháp Nhãn,
Kính bậc Đại Ân Sĩ,
32. Vợ con và cả con,
Xin sống đời Phạm hạnh,
- Sống chung, không bệnh hoạn,
Thuộc ác hạnh về chúng.
Thần mưa, hãy mưa đi.
Đã nói lên như vậy:
Cho một ai ở đời,
Ta du hành thế giới,
Không thể có nơi Ta.
Thần mưa, hãy mưa đi.
Đã nói lên như vậy:
Đây có các bò con,
Mang thai nổi giống dòng,
Những con chúa đầu đàn.
Thần mưa, hãy mưa đi.
Đã nói lên như vậy:
Đây không có bò con,
Mang thai nổi giống dòng,
Những con chúa đầu đàn.
Thần mưa, hãy mưa đi.
Đã nói lên như vậy:
Không còn bị dao động,
Được bện lại mới chắc,
Không thể nào giật đứt.
Thần mưa, hãy mưa đi.
Đã nói lên như vậy:
Giật đứt các trói buộc,
Các dây leo héo mục,
Chỗ thai tạng tái sanh.
Thần mưa, hãy mưa đi.⁴
Làm đầy tràn đất trũng,
Nghe trời gầm, mưa thét,
Nói lên lời như sau:
Đâu phải là lợi nhỏ,
Bậc Chánh Giác, Thế Tôn.
Con xin quy y Ngài,
Hãy là Thầy chúng con!
Là những người nhu thuận,
Dưới chân bậc Thiện Thệ.

⁴ Xem Miln. 369, *Dīpinīyaṅgaṇho* (Câu hỏi về tính chất của loài beo cái).

- Được đến bờ bên kia,
Chúng con sẽ trở thành,
33. Đây là lời Ác ma
Ai có các con trai,
Người chủ các con bò,
Còn người thì hoan hỷ,
Ai không có sanh y,
Vượt khỏi sanh, già, chết,
Người đoạn tận đau khổ. ”
Đã nói lên như vậy:
Hoan hỷ với con trai,
Hoan hỷ với con bò,
Đối với sự sanh y,
Không thể có hoan hỷ.
34. Bậc Thế Tôn, Chánh Giác
Ai có các con trai,
Người chủ các con bò,
Sầu muộn của con người,
Ai không có sanh y,
Đã nói lên như vậy:
Sầu muộn với con trai,
Sầu muộn với con bò,
Chính do sự sanh y,
Không thể có sầu muộn.⁵

§3. KINH CON TÊ NGƯU MỘT SỪNG (*Khaggavisāṇasutta*)⁶ (Sn. 6)

35. Đối với các hữu tình,
Chớ làm hại một ai,
Con trai không ước muốn,
Hãy sống riêng một mình,
Từ bỏ gây và trượng,
Trong chúng hữu tình ấy;
Còn nói gì bạn bè,
Như tê ngưu một sừng.
36. Do thân cận, giao thiệp,
Tùy thuận theo thân ái,
Nhìn thấy những nguy hại,
Hãy sống riêng một mình,
Thân ái từ đây sanh,
Khổ này có thể sanh.
Do thân ái sanh khởi,
Như tê ngưu một sừng.⁷
37. Do lòng từ thương mến,
Mục đích bị bỏ quên,
Do thấy sợ hãi này,
Hãy sống riêng một mình,
Đối bạn bè thân hữu,
Tâm tư bị buộc ràng.
Trong giao du mật thiết,
Như tê ngưu một sừng.⁸
38. Ai nhớ nghĩ chớ mong,
Người ấy bị buộc ràng,
Còn các ngọn tre cao,
Hãy sống riêng một mình,
Đối với con và vợ,
Như cành tre rậm rạp,
Nào có gì buộc ràng,
Như tê ngưu một sừng.⁹
39. Như nai trong núi rừng,
Tự đi chỗ nó muốn,
Không gì bị trói buộc,
Để tìm kiếm thức ăn.

⁵ Tham chiếu: S. I. 6, *Nandatisutta* (Kinh Vui thích); S. I. 107, *Nandatisutta* (Kinh Vui thích); *Netti*. 33, *Pe*. 23; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1004. 0263a14); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.142. 0428a16).

⁶ Xem *Ap*. I. 6, *Paccakabuddhaapadāna* (Ký sự Phật Độc Giác); *CNid*. 56, *Khaggavisāṇasutta* (bản dịch của TT. Chánh Thân: *Kinh Sừng tê ngưu*).

⁷ Xem *CNid*. 57, (như trên).

⁸ Xem *CNid*. 62, (như trên).

⁹ Xem *CNid*. 58, (như trên).

- Như các bậc hiền trí,
Hãy sống riêng một mình,
40. Giữa bạn bè thân hữu,
Tại chỗ ở trú xứ,
Thấy tự do giải thoát,
Hãy sống riêng một mình,
41. Giữa bạn bè thân hữu,
Đôi với con, với cháu,
Nhằm chán sự hệ lụy,
Hãy sống riêng một mình,
42. Khắp cả bốn phương trời,
Tự mình biết vừa đủ,
Vững chịu các hiểm nguy,
Hãy sống riêng một mình,
43. Có số người xuất gia,
Cũng như các gia chủ,
Sống vô tư vô lự,
Hãy sống riêng một mình,
44. Từ bỏ, để một bên,
Như loại cây san hô,
Bậc anh hùng cắt đứt,
Hãy sống riêng một mình,
45. Nếu tìm được bạn lành,
Bạn đồng hành chung sống,
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Hãy sống với bạn ấy,
46. Nếu không được bạn lành,
Bạn đồng hành chung sống,
Hãy như vua từ bỏ,
Hãy sống riêng một mình,
- Thấy tự do giải thoát,
Như tê ngu một sừng.¹⁰
- Bị gọi lên gọi xuống,
Hay trên đường bộ hành.
Không có gì tham luyến,
Như tê ngu một sừng.¹¹
- Ưu thích, vui cười đùa,
Ái luyến thật lớn thay.
Với những người thân ái,
Như tê ngu một sừng.¹²
- Không sân hận với ai,
Với vật này vật khác,
Không run sợ dao động,
Như tê ngu một sừng.¹³
- Chung sống thật khó khăn,
Ở tại các cửa nhà,
Giữa con cháu người khác,
Như tê ngu một sừng.¹⁴
- Mọi biểu dương gia đình,
Tước bỏ mọi lá cây,
Mọi trói buộc gia đình.
Như tê ngu một sừng.¹⁵
- Thận trọng và sáng suốt,
Bạn thiện trú hiền trí,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.¹⁶
- Thận trọng và sáng suốt,
Bạn thiện trú hiền trí,
Đất nước bị bại vong,
Như tê ngu một sừng.

¹⁰ Như trên.¹¹ Xem CNid. 59, (như trên).¹² Như trên.¹³ Như trên.¹⁴ Xem CNid. 60, (như trên).¹⁵ Xem CNid. 60, (như trên).¹⁶ Kệ 45-6, tham chiếu: M. III. 152, *Upakkilesasutta* (Kinh Tùy phiên nào), số 128; Dh. v. 328, 329; J. III. 488, *Kosambīyajātaka* (Chuyện ở Kosambī), số §428; Vin. I. 337; *Trường Thọ Vương bốn khởi kinh* 長壽王本起經 (T.01. 0026.72. 0532c09); *Pháp cú kinh* “Tượng dụ phẩm” 法句經象喻品 (T.04. 0210.31. 0570b10); *Xuất diệu kinh* “Phân nô phẩm” 出曜經忿怒品 (T.04. 0212.15. 0693b19); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Oán gia phẩm” 法集要頌經怨家品 (T.04. 0213.14. 0784a14).

47. Thật chúng ta tán thán,
Bậc hơn ta, bằng ta,
Nếu không gặp bạn này,
Hãy sống riêng một mình,
48. Thấy đồ trang sức vàng,
Được con người thợ vàng,
Hai vòng chạm vào nhau,
Hãy sống riêng một mình,
49. Như vậy nếu ta cùng,
Tranh luận cãi vã nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Hãy sống riêng một mình,
50. Các dục thật mỹ miều,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Thấy sự nguy hiểm này,
Hãy sống riêng một mình,
51. Đây là một mụn nhọt,
Một tật bệnh, mũi tên,
Thấy sự nguy hiểm này,
Hãy sống riêng một mình,
52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Gió thổi, ánh mặt trời,
Tất cả xúc chạm này,
Hãy sống riêng một mình,
53. Như con voi rời đàn,
Tùy theo sự thích thú,
Hãy sống riêng một mình,
54. Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cân nhắc lời giảng dạy,
Hãy sống riêng một mình,
- Các bằng hữu chu toàn,
Nên sống gần thân cận.
Những bậc không lầm lỗi,
Như tê ngu một sừng.¹⁷
- Lấp lánh và sáng chói,
Khéo làm, khéo tay làm,
Trên một tay đeo chúng,
Như tê ngu một sừng.¹⁸
- Với một người thứ hai,
Sân hận gây hấn nhau,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Như tê ngu một sừng.¹⁹
- Ngọt thơm và đẹp ý,
Làm mê loạn tâm tư.
Trong các dục trưởng dưỡng,
Như tê ngu một sừng.²⁰
- Và cũng là tai họa,
Là sợ hãi cho ta.
Trong các dục trưởng dưỡng,
Như tê ngu một sừng.²¹
- Đói bụng và khát nước,
Muối lặn và rắn rết,
Đều chịu đựng vượt qua,
Như tê ngu một sừng.²²
- Thân lớn, loài cao quý,
Sống tại chỗ rừng núi,
Như tê ngu một sừng.²³
- Ài ưa thích hội chúng,
Sự giải thoát tạm thời.
Đấng Bà Con Mặt Trời,
Như tê ngu một sừng.²⁴

¹⁷ Xem CNid. 61, *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngu).

¹⁸ Xem CNid. 62, (như trên).

¹⁹ Như trên.

²⁰ Xem M. II. 54, *Raṭṭhapālasutta* (Kinh Raṭṭhapāla), số 82; *Thag.* v. 769; CNid. 62; *Pe.* 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyaḥmūmi* (Phần thứ hai về Sự hình thành giáo pháp).

²¹ Xem CNid. 63, *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngu).

²² Như trên.

²³ Xem CNid. 64, (như trên).

²⁴ Như trên.

55. Được giải thoát vượt khỏi,
Đạt được quyết định tánh,
Nơi ta trí được sanh,
Hãy sống riêng một mình,
56. Không tham, không lừa đảo,
Mọi si mê ác trực,
Trong tất cả thế giới,
Hãy sống riêng một mình,
57. Với bạn bè độc ác,
Bạn không thấy mục đích,
Chớ tự mình thân cận,
Hãy sống riêng một mình,
58. Bậc nghe nhiều, trí pháp,
Bạn người tâm rộng lớn,
Biết điều không nên làm,
Hãy sống riêng một mình,
59. Mọi du hí vui đùa,
Không điểm trang, bày biện,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Hãy sống riêng một mình,
60. Với con và với vợ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Hãy sống riêng một mình,
61. Chúng đều là trói buộc,
Vị ngọt thật ít oi,
Chúng đều là câu móc,
Hãy sống riêng một mình,
62. Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Như các loài thủy tộc,
Như lửa đã cháy xong,
Hãy sống riêng một mình,
- Các tri kiến hý luận,
Chúng đắc được con đường,
Không cần nhờ người khác,
Như tê ngưu một sừng.²⁵
- Không khát dục, gièm pha,
Được gạn sạch, quạt sạch,
Không tham ái, ước vọng,
Như tê ngưu một sừng.²⁶
- Hãy từ bỏ, lánh xa,
Quen nếp sống quanh co,
Kẻ đam mê phóng dật,
Như tê ngưu một sừng.²⁷
- Hãy gần gũi người ấy,
Người thông minh biện tài,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Như tê ngưu một sừng.²⁸
- Và dục lạc ở đời,
Không ước vọng mong cầu,
Nói lên lời chơn thật,
Như tê ngưu một sừng.²⁹
- Với cha và với mẹ,
Những trói buộc bà con,
Các dục vọng như vậy,
Như tê ngưu một sừng.³⁰
- Lạc thú thật nhỏ bé,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Bậc trí biết như vậy,
Như tê ngưu một sừng.³¹
- Các kiết sử trói buộc,
Phá hoại các mạng lưới,
Không còn trở lui lại,
Như tê ngưu một sừng.³²

²⁵ Xem CNid. 65, (như trên).

²⁶ Như trên.

²⁷ Xem CNid. 66, (như trên).

²⁸ Như trên.

²⁹ Xem CNid. 67, (như trên).

³⁰ Như trên.

³¹ Xem CNid. 68, (như trên).

³² Như trên.

63. Với mắt cúi nhìn xuống,
Các căn được hộ trì,
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Hãy sống riêng một mình,
64. Hãy trút bỏ, để lại,
Như loại cây san hô,
Đã đắp áo cà-sa,
Hãy sống riêng một mình,
65. Không tham đắm các vị,
Không nuôi dưỡng người khác,
Đối với mọi gia đình,
Hãy sống riêng một mình,
66. Từ bỏ năm triền cái,
Đối với mọi kiết sử,
Không y cứ, nương tựa,
Hãy sống riêng một mình,
67. Hãy xoay lưng trở lại,
Cả đối với hỷ ưu,
Hãy chứng cho được xả,
Hãy sống riêng một mình,
68. Tinh cần và tinh tấn,
Tâm không còn thụ động,
Kiên trì trong cố gắng,
Hãy sống riêng một mình,
69. Không từ bỏ độc cư,
Thường thường sống hành trì,
Chon chánh nhận thức rõ,
Hãy sống riêng một mình,
70. Mong cầu đoạn diệt ái,
Không đần độn, cam ngọng,
Các pháp được giác sát,
Hãy sống riêng một mình,
- Chân đi không lưu luyến,
Tâm ý khéo chế ngự,
Không cháy đỏ bùng lên,
Như tê ngu ru một sừng.³³
- Các biểu tượng gia chủ,
Loại bỏ các nhành lá,
Xuất gia bỏ thế tục,
Như tê ngu ru một sừng.³⁴
- Không tác động, không tham,
Chỉ khát thực từng nhà,
Tâm không bị trói buộc,
Như tê ngu ru một sừng.³⁵
- Che đậy trói buộc tâm,
Hãy trừ khử, dứt sạch,
Chặt đứt ái sân hận,
Như tê ngu ru một sừng.³⁶
- Đối với lạc và khổ,
Được cảm thọ từ trước,
An chỉ và thanh tịnh,
Như tê ngu ru một sừng.³⁷
- Đạt được lý chân đế,
Không còn có biếng nhác,
Đồng lực được sanh khởi,
Như tê ngu ru một sừng.³⁸
- Hạnh viễn ly thiền định,
Tùy pháp trong các pháp,
Nguy hiểm trong sanh hữu,
Như tê ngu ru một sừng.³⁹
- Sống hạnh không phóng dật,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm,
Quyết định, chánh tinh cần,
Như tê ngu ru một sừng.⁴⁰

³³ Xem CNid. 69, (như trên).³⁴ Như trên.³⁵ Như trên.³⁶ Như trên.³⁷ Xem CNid. 69, (như trên).³⁸ Như trên.³⁹ Xem CNid. 70, (như trên).⁴⁰ Xem CNid. 71, (như trên).

- | | | |
|-----|--|--|
| 71. | Như sư tử không động,
Như gió không vương mắc,
Như hoa sen không dính,
Hãy sống riêng một mình, | An tịnh giữa các tiếng,
Khi thổi qua màn lưới,
Không bị nước thấm ướt,
Như tê ngưu một sừng. ⁴¹ |
| 72. | Giống như con sư tử,
Bậc chúa của loài thú,
Hãy sống các trú xứ,
Hãy sống riêng một mình, | Vội quai hàm hùng mạnh,
Sống chinh phục, chế ngự,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Như tê ngưu một sừng. ⁴² |
| 73. | Từ tâm, sống trú xả,
Sống hành trì, thực hiện,
Không bị chống, trở ngại,
Hãy sống riêng một mình, | Bi tâm, hạnh giải thoát,
Hỷ tâm cho đúng thời,
Với một ai ở đời,
Như tê ngưu một sừng. ⁴³ |
| 74. | Đoạn tận lòng tham ái,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Không có gì sợ hãi,
Hãy sống riêng một mình, | Sân hận và si mê,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Khi mạng sống gần chung,
Như tê ngưu một sừng. ⁴⁴ |
| 75. | Có những bạn vì lợi,
Những bạn không mưu lợi,
Người sáng suốt lợi mình,
Hãy sống riêng một mình, | Thân cận và chung sống,
Nay khó tìm ở đời,
Không phải người trong sạch,
Như tê ngưu một sừng. ⁴⁵ |

§4. KINH KASIBHĀRADVĀJA (*Kasibhāradvājasutta*)⁴⁶ (Sn. 12)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại Dakkhināgiri, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanālā. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhāradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhāradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhāradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên. Bà-la-môn Kasibhāradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên để khát thực, liền nói với Thế Tôn:

– Nay Sa-môn, ta cày và ta gieo; sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo; sau khi cày và gieo, hãy ăn!

⁴¹ Như trên.

⁴² Như trên.

⁴³ Như trên.

⁴⁴ Như trên.

⁴⁵ Xem CNid. 72, (như trên).

⁴⁶ Tham chiếu: S. I. 172, *Kasibhāradvājasutta* (Kinh *Kasibhāradvāja*); *Tap. 雜* (T.02. 0099.98. 0027a10); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.264. 0466b18); *Tap A-hàm kinh 雜阿含經* (T.02. 0101.1. 0493a07).

– Nay Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo; sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.

– Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, cái cày, lưỡi cày, gậy thúc trâu bò hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: “Nay Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo; sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.”

Rồi Bà-la-môn Kasibhāradvāja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

- | | |
|--|--|
| 76. Người tự nhận Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Chúng tôi muốn rõ biết, | Ta không thấy Người cày,
Đã hỏi về Người cày,
Người cày như thế nào? |
|--|--|

[Thế Tôn:]

- | | |
|--|--|
| 77. Lòng tin là hạt giống,
Trí tuệ đối với Ta,
Xấu hổ là cán cày,
Và niệm đối với Ta, | Khô hạnh là cơn mưa,
Là ách và lưỡi cày,
Ý là sợi dây buộc,
Là lưỡi cày, gậy thúc. |
| 78. Với thân khéo phòng hộ,
Với món ăn trong bụng,
Ta tác thành chơn thật,
Sự giải thoát của Ta, | Với lời khéo phòng hộ,
Biết tiết độ, chế ngự,
Để cắt dọn cỏ rác,
Thật hiền lành, nhu thuận. |
| 79. Với tinh cần tinh tấn,
Gánh vác và đem lại,
Như vậy Ta đi tới,
Chỗ nào Ta đi tới, | Là con vật kéo cày,
An ổn khỏi khổ ách.
Không trở ngại thối lui,
Chỗ ấy không sâu muộn. |
| 80. Cày bừa là như vậy,
Sau cày bừa như vậy, | Được quả là bất tử,
Mọi khổ được giải thoát. ⁴⁷ |

Rồi Bà-la-môn Kasibhāradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

– Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!

[Thế Tôn:]

- | | |
|---|---|
| 81. Ta không hưởng vật dụng,
Đây không phải là pháp,
Chư Phật đều bác bỏ,
Khi pháp có hiện hữu, | Do tưng kệ đem lại,
Của bậc có chánh kiến,
Tụng hát các bài kệ,
Truyền thông là như vậy. ⁴⁸ |
| 82. Hỡi này Bà-la-môn,
Đồ ăn vật uống khác, | Người cần phải cúng dường,
Bậc Đại Sĩ Toàn Diện, |

⁴⁷ Tham chiếu: S. I. 172, *Kasibhāradvājasutta* (Kinh *Kasibhāradvāja*).

⁴⁸ Kệ 81-82, tham chiếu: Sn. 79, *Pāraḷasasutta*; S. I. 172, *Kasibhāradvājasutta* (Kinh *Kasibhāradvāja*); S. I. 166, *Aggikasutta* (Kinh *Người thờ lửa*); S. I. 167, *Sundarikasutta* (Kinh *Sundarika*).

Đã đoạn các lậu hoặc,
Ta chính là thừa ruộng,

Đã lắng dịu dao động,
Cho những ai cầu phước.

– Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

– Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Vậy này Bà-la-môn, ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhāradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhāradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ Đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhāradvāja được xuất gia với đức Thế Tôn, được thọ Đại giới. Thọ Đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhāradvāja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì bậc thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại đời này nữa.” Tôn giả Bhāradvāja trở thành một vị A-la-hán.

§5. KINH CUNDA (*Cundasutta*)⁴⁹ (Sn. 16)

- | | |
|---|---|
| 83. Người thợ rèn Cunda,
Con hỏi bậc Đại Sĩ,
Đấng Giác Ngộ, Pháp Chủ, | Nói lên lời như sau:
Bậc Trí Tuệ Rộng Lớn,
Đã đoạn tận khát ái, |
|---|---|

⁴⁹ Tham chiếu: *Du hành kinh* 遊行經 (T.01. 0001.2. 0011a07); *Phật Bát-nê-hoàn kinh* 佛般泥洹經 (T.01. 001.5. 0160b05); *Bát-nê-hoàn kinh* 般泥洹經 (T.01. 0001.6. 0176a02); *Đại Bát-niết-bàn kinh* 大般涅槃經 (T.01. 0001.7. 0191b02).

- Bậc Tối Thượng Hai Chân,
Xin Ngài nói ở đời,
84. Thế Tôn đáp Cunda,
Chỉ có bốn Sa-môn,
Ta tỏ bày cho ông,
Bậc chiến thắng con đường,
Bậc sống trên con đường,
85. Người thợ rèn Cunda,
Chư Phật nói thế nào,
Bậc thuyết giảng con đường,
Con hỏi xin trả lời,
Xin trình bày cho con,
- [Thế Tôn:]
86. Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Ưa thích cảnh Niết-bàn,
Bậc lãnh đạo thế giới,
Chư Phật gọi vị ấy,
87. Ai ở đời biết được,
Nói lên và phân tích,
Vị chặt đứt nghi hoặc,
Bậc Tỷ-kheo thứ hai,
88. Ai sống trên con đường,
Sống chế ngự, chánh niệm,
Tỷ-kheo thứ ba này,
89. Ai sống ưa che đậy,
Xông xáo, nhớp gia đình,
Không chế ngự, nhiếp phục,
Người sở hành như vậy,
90. Vị cư sĩ thâm hiểu,
Thánh đệ tử nghe nhiều,
Sau khi rõ biết chúng,
Thấy vậy vững lòng tin,
Làm sao lại lẫn lộn,
Làm sao xem giống nhau,
- Bậc Đánh Xe Tối Thắng,
Có bao nhiêu Sa-môn?
Này Cunda, là vậy:
Không có hạng thứ năm,
Khi được hỏi trực tiếp,
Bậc thuyết giảng con đường,
Kẻ làm ô uế đạo.
Liên bạch với Thế Tôn:
Bậc chiến thắng con đường,
Sao gọi không ước lường?
Vị sống đúng con đường?
Kẻ làm đường ô uế?
- Vị thoát khỏi mũi tên,
Không tham đắm vật gì,
Chư thiên và loài người,
Bậc chiến thắng con đường.
Tối thượng là tối thượng,
Pháp ở đây là vậy,
Bậc Ẩn sĩ, không dục,
Được gọi thuyết con đường.
Con đường pháp khéo giảng,
Bước đường không lỗi lầm,
Được gọi sống trên đường.
Dưới hình thức giới cấm,
Bạt mạng và man trá,
Sống lấm mồm lấm miệng,
Là kẻ ô uế đạo.
Các hạng người như vậy,
Có trí tuệ thông hiểu,
Tất cả là như vậy,
Không có bị sút giảm,
Kẻ ác với người thiện,
Bậc tịnh, kẻ không tịnh!

§6. KINH BẠI VONG (*Parābhavasutta*) (Sn. 18)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi một thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng

toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với bài kệ:

91. Về con người bại vong, Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn, Cửa vào của bại vong?

[Thế Tôn:]

92. Thật dễ hiểu thành công, Thật dễ hiểu bại vong,
Ưu mến pháp, thành công, Thù ghét pháp, bại vong.

[Thiên nhân:]

93. Như vậy chúng con rõ, Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?

[Thế Tôn:]

94. Ai mến kẻ bất thiện, Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện, Chính cửa vào bại vong.

[Thiên nhân:]

95. Như vậy chúng con rõ, Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?

[Thế Tôn:]

96. Người tánh ưa thích ngủ, Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phần nộ, Chính cửa vào bại vong.

[Thiên nhân:]

97. Như vậy chúng con rõ, Thứ ba về bại vong,
Thứ tư, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?

[Thế Tôn:]

98. Ai với mẹ hay cha, Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ, Chính cửa vào bại vong.

[Thiên nhân:]

99. Như vậy chúng con rõ, Thứ tư về bại vong,
Thứ năm, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?

[Thế Tôn:]

100. Ai nói dối, lường gạt, Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác, Chính cửa vào bại vong.

[Thiên nhân:]

101. Như vậy chúng con rõ, Thứ năm về bại vong,
Thứ sáu, mong Ngài nói, Cửa vào của bại vong?

[Thế Tôn:]

102. Người giàu có tài sản, Có vàng bạc, thực vật,
Hưởng vị ngọt một mình, Chính cửa vào bại vong.

[Thiên nhân:]

103. Như vậy chúng con rõ,
Thứ bảy, mong Ngài nói,

[Thế Tôn:]

104. Người tự hào về sanh,
Khinh miệt các bà con,

[Thiên nhân:]

105. Như vậy chúng con rõ,
Thứ tám, mong Ngài nói,

[Thế Tôn:]

106. Người đắm say nữ nhân,
Hoang phí mọi lợi đắc,

[Thiên nhân:]

107. Như vậy chúng con rõ,
Thứ chín, mong Ngài nói,

[Thế Tôn:]

108. Không vừa lòng vợ mình,
Được thấy với vợ người,

[Thiên nhân:]

109. Như vậy chúng con rõ,
Thứ mười, mong Ngài nói,

[Thế Tôn:]

110. Người tuổi trẻ đã qua,
Ghen nường không ngủ được,

[Thiên nhân:]

111. Như vậy chúng con rõ,
Thứ mười một, xin nói,

[Thế Tôn:]

112. Đàn bà hay đàn ông,
Được địa vị quyền thế,

[Thiên nhân:]

113. Như vậy chúng con biết,
Thứ mười hai, xin nói,

[Thế Tôn:]

114. Tài sản ít, ái lớn,
Ở đây muốn trị vì,

Thứ sáu về bại vong,
Cửa vào của bại vong?

Về tài sản, dòng họ,
Chính cửa vào bại vong.

Thứ bảy về bại vong,
Cửa vào của bại vong?

Đắm say rượu, cờ bạc,
Chính cửa vào bại vong.

Thứ tám về bại vong,
Cửa vào của bại vong?

Được thấy giữa dân nữ,
Chính cửa vào bại vong.

Thứ chín về bại vong,
Cửa vào của bại vong?

Cưới cô vợ vú tròn,
Chính cửa vào bại vong.

Thứ mười về bại vong,
Cửa vào của bại vong?

Rượu chè, tiêu hoang phí,
Chính cửa vào bại vong.

Thứ mười một bại vong,
Cửa vào của bại vong?

Sanh gia đình hoàng tộc,
Chính cửa vào bại vong.

115. Bại vong này ở đời,
Đầy đủ với chánh kiến,

Bậc trí khéo quán sát,
Sống hạnh phúc ở đời.

§7. KINH KỂ BÀN TIỆN (*Vasalasutta*)⁵⁰ (Sn. 21)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Sāvattthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhāradvāja, lửa tế lễ được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sāvattthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhāradvāja. Bà-la môn Aggikabhāradvāja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy, bèn nói với Thế Tôn:

– Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bàn tiện, hãy đứng lại!

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggikabhāradvāja:

– Nay Bà-la-môn, người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện không?

– Nay Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi được biết về kẻ bàn tiện hay các pháp tạo thành kẻ bàn tiện!

– Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói!

– Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggikabhāradvāja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. Người phần nộ, hiềm hận, Ác nhân, gièm pha người,
 Ác tà kiến, man trá, Được biết là bàn tiện.⁵¹

117. Ai ở đây hại vật, Một sanh hoặc hai sanh,
 Không thương xót hữu tình, Được biết là bàn tiện.

118. Ai làm hại, vây hãm, Các làng, các thị trấn,
 Kẻ cướp đoạt có tiếng, Được biết là bàn tiện.

119. Tại làng hay tại rừng, Vật sở hữu của người,
 Lấy trộm của không cho, Được biết là bàn tiện.

120. Ai vay nợ của người, Bị đòi liền trốn tránh,
 Ta đâu mắc nợ người, Được biết là bàn tiện.

121. Ai vì ham vật mọn, Kẻ đang đi trên đường,
 Giết hại cướp vật mọn, Được biết là bàn tiện.

122. Ai vì mình, vì người, Hay vì nhân tài sản,
 Làm nhân họ nói láo, Được biết là bàn tiện.

⁵⁰ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.102. 0028b19); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.268. 0467b27).

⁵¹ Xem *Ps. I. 135, Dīṭṭhikathā* (Giải về kiến).

123. Ai được thấy giữa vợ,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là bản tiện.
124. Ai với mẹ hay cha,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Được biết là bản tiện.
125. Ai với mẹ hay cha,
Làm hại, dùng lời mắng,
Với anh chị, nhạc mẫu,
Được biết là bản tiện.
126. Ai được hỏi mục đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Lại khuyên lời trái đích,
Được biết là bản tiện.
127. Ai làm các nghiệp ác,
Ai làm hạnh che đậy,
Muốn không biết mình làm,
Được biết là bản tiện.
128. Ai đến nhà người khác,
Lại không đáp lễ lại,
Ăn món ăn ngon lành,
Được biết là bản tiện.
129. Ai nói dối, lường gạt,
Hay các người nghèo khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Được biết là bản tiện.
130. Dùng lời mắng, không cho,
Khi thời ăn uống đến,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Được biết là bản tiện.
131. Ở đời nói không thật,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Bị si mê che đậy,
Được biết là bản tiện.
132. Ai đề cao tự ngã,
Hạ mình với tự cao,
Khinh miệt giá trị người,
Được biết là bản tiện.
133. Ai gây hấn, hà tiện,
Xảo quyết, không tâm quý,
Ác dục và xan tham,
Được biết là bản tiện.
134. Ai phỉ báng đức Phật,
Hàng xuất gia, tại gia,
Hay đệ tử của Ngài,
Được biết là bản tiện.
135. Ai không phải La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Tự nhận là La-hán,
Chính tôi hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,
Ta nói rõ cho ông.
136. Bản tiện không vì sanh,
Do hành thành bản tiện,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành Phạm chí.
137. Do đây nên hiểu biết,
Mātaṅga được danh,
Nhu Ta trình bày rõ,
Bản tiện, ăn thịt chó.
138. Danh tối thượng khó đạt,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Mātaṅga đạt được,
Đến hầu hạ vị ấy.
139. Vị ấy leo thiên xa,
Từ bỏ mọi dục tham,
Trên đường lớn không bụi,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Vị ấy sanh Phạm thiên.

- | | |
|---|--|
| <p>140. Có những Bà-la-môn,
Hay sanh những gia đình,
Họ vẫn thường được thấy,</p> <p>141. Hiện tại bị khinh miệt,
Thọ sanh không ngăn chặn,</p> <p>142. Bần tiện không vì sanh,
Do hành thành bần tiện,</p> | <p>Sanh gia đình đạo sư,
Quyến thuộc với bùa chú,
Làm các điều ác nghiệp.</p> <p>Đời sau sanh ác thú,
Sanh ác thú đáng khinh.</p> <p>Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành Phạm chí.</p> |
|---|--|

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

§8. KINH TÂM TỪ (*Mettasutta*)⁵² (Sn. 25)

- | | |
|--|---|
| <p>143. Vị thiện xảo mục đích,
Sau khi hiểu thông suốt,
Có khả năng, trực tánh,
Dễ nói và nhu hòa,</p> <p>144. Sống cảm thấy vừa đủ,
Ít có sự rộn ràng,
Các căn được tịnh lạc,
Không xông xáo gia đình,</p> <p>145. Các sở hành của mình,
Khiến người khác có trí,
Mong mọi loài chúng sanh,
Mong họ chứng đạt được,</p> <p>146. Mong tất cả những ai,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Kẻ dài hay kẻ lớn,</p> <p>147. Loài được thấy, không thấy,
Các loài hiện đang sống,
Mong mọi loài chúng sanh,</p> | <p>Cần phải làm như sau:
Con đường an tịnh ấy,
Thật sự, khéo chân trực,
Không có gì cao mạn.</p> <p>Nuôi sống thật dễ dàng,
Sống đạm bạc, giản dị,
Khôn ngoan và thận trọng,
Không tham ái, tham vọng.</p> <p>Không nhỏ nhen, vụn vặt,
Có thể sanh chỉ trích,
Được an lạc, an ổn,
Hạnh phúc và an lạc.</p> <p>Hữu tình có mạng sống,
Không bỏ sót một ai,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.</p> <p>Loài sống xa, không xa,
Các loài sẽ được sanh,
Sống hạnh phúc, an lạc.</p> |
|--|---|

⁵² Xem Kh. 8, *Mettasutta* (Kinh Tâm từ).

148. Mong rằng không có ai,
Không có ai khinh mạn,
Không vì giận hờn nhau,
Lại có người mong muốn,
Lường gạt, lừa dối ai,
Tại bất cứ chỗ nào,
Không vì tưởng chống đối,
Làm đau khổ cho nhau.
149. Như tấm lòng người mẹ,
Trọn đời lo che chở,
Cũng vậy đối tất cả,
Hãy tu tập tâm ý,
Đối với con của mình,
Con độc nhất mình sanh,
Các hữu tình chúng sanh,
Không hạn lượng rộng lớn.
150. Hãy tu tập từ tâm,
Hãy tu tập tâm ý,
Phía trên và phía dưới,
Không hạn chế, trói buộc,
Trong tất cả thế giới,
Không hạn lượng rộng lớn,
Cũng vậy cả bề ngang,
Không hận, không thù địch.
151. Khi đứng hay khi đi,
Lâu cho đến khi nào,
Hãy an trú niệm này,
Được đời đề cập đến,
Khi ngồi hay khi nằm,
Khi đang còn tỉnh thức,
Nếp sống này như vậy,
Là nếp sống cao thượng.
152. Ai từ bỏ tà kiến,
Nhiếp phục được tham ái,
Không còn phải tái sanh,
Giữ giới, đủ chánh kiến,
Đối với các dục vọng,
Đi đến thai tạng nữa.

§9. KINH HEMAVATA (*Hemavatasutta*)⁵³ (*Sn. 27*)

153. Nói vậy là dạ-xoa
Nay đứng vào ngày rằm,
Đêm đã được an trú,
Hãy gặp Gotama,
Tên Sātāgira:
Ngày trai giới, Bô-tát,
Đêm đẹp như cõi trời,
Bậc Đạo sư vô thượng.
154. Nói vậy là dạ-xoa
Có phải ý vị ấy,
Có phải đối sanh loại,
Có phải các tư duy,
Đối với pháp khả ái,
Tên Hemavata:
Tâm nguyện thật khéo phát?
Có tâm tư như vậy?
Được khéo léo điều phục,
Và pháp không khả ái?
155. Nói vậy là dạ-xoa
Ý vị ấy là vậy,
Đối với mọi sanh loại,
Như vậy là tư duy,
Tên Sātāgira:
Tâm nguyện thật khéo phát,
Có tâm tư như vậy,
Được khéo léo điều phục.
156. Nói vậy là dạ-xoa
Có phải là vị ấy,
Tên Hemavata:
Không lấy vật không cho?

⁵³ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.1329. 0365c06); *Biệt Tap. 別雜* (T.02. 0100.328. 0483c17); *Phật thuyết Nghĩa túc kinh 佛說義足經* (T.04. 0198. 0174b12).

- Có phải với hữu tình,
Có phải với phóng dật,
Có phải đối thiên định,
- 157.** Nói vậy là dạ-xoa
Vị ấy không có lấy,
Vị ấy với hữu tình,
Vị ấy với phóng dật,
Đức Phật đối thiên định,
- 158.** Nói vậy là dạ-xoa
Có phải là vị ấy,
Có phải là vị ấy,
Có phải là vị ấy,
Có phải là vị ấy,
- 159.** Nói vậy là dạ-xoa
Và thật sự vị ấy,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Vị ấy nói những lời,
- 160.** Đây là lời dạ-xoa
Có phải đối các dục,
Có phải tâm vị ấy,
Có phải tâm vị ấy,
Có phải thật vị ấy,
- 161.** Đây là lời dạ-xoa
Vị ấy không tham ái,
Tâm không có dao động,
Đức Phật thật có mắt,
- 162.** Đây là lời dạ-xoa
Có phải là vị ấy,
Có phải là vị ấy,
Có phải là vị ấy,
Có phải là vị ấy,
- 163.** Đây là lời dạ-xoa
Sự thật là vị ấy,
Sở hành thật thanh tịnh,
Thật sự đối vị ấy,
- 164.** Có phải vị ẩn sĩ,
Mọi việc làm vị ấy,
Có phải người tán thán,
Vị đầy đủ trí đức,
- Vị ấy khéo chế ngự?
Vị ấy khéo viễn ly?
Vị ấy không từ bỏ?
- Tên Sātāgira:
Những vật không được cho,
Rất khéo léo chế ngự,
Thật sự sống viễn ly,
Không từ bỏ, xao lãng.
- Tên Hemavata:
Không nói lời nói láo?
Đoạn tận các trách nhiệm?
Không nói lời vu khống?
Không nói lời phù phiếm?
- Tên Sātāgira:
Không nói lời nói láo,
Không nói lời vu khống,
Sáng suốt có nghĩa lý.
- Tên Hemavata:
Vị ấy không tham ái?
Không có bị dao động?
Vượt khỏi sự si ám?
Có mắt đối các pháp?
- Tên Sātāgira:
Đối với các dục vọng,
Vượt khỏi mọi si ám,
Đối với tất cả pháp.
- Tên Hemavata:
Đầy đủ về các minh?
Sở hành thật thanh tịnh?
Các lậu hoặc đoạn tận?
Không còn có tái sanh?
- Tên Sātāgira:
Đầy đủ với các minh,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Không còn có tái sanh.
- Với tâm được viên mãn,
Được làm khéo hoàn mãn?
Một cách đúng Chánh pháp,
Đầy đủ cả hạnh đức?

165. Thật sự vị ẩn sĩ,
Mọi việc làm vị ấy,
Thật sự ông tùy hỷ,
Vị đầy đủ trí đức,
166. Thật sự vị ẩn sĩ,
Mọi việc làm vị ấy,
Chúng ta hãy yết kiến,
Vị đầy đủ trí đức,
167. Bắp chân giống như nai,
Giản dị, ít nhu cầu,
Hãy đi đến yết kiến,
Vị hành trì thiền định,
168. Sống cô độc một mình,
Ngài không có tham đắm,
Chúng ta hãy đi đến,
Về con đường giải thoát,
169. Vị tuyên bố giải thích,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Chúng ta hãy đến học,
170. Đây là lời dạy-xoa,
Do pháp nào có mặt,
Do pháp nào có mặt,
Sự chấp thủ ở đời,
Do pháp nào có mặt,
171. Thế Tôn nói như vậy
Do sáu pháp có mặt,
Do sáu pháp có mặt,
Sự chấp thủ ở đời,
Do sáu pháp có mặt,
- [Hemavata:]
172. Do chấp thủ cái gì,
Được hỏi, hãy nói lên,
Làm thế nào đau khổ,
- [Thế Tôn:]
173. Đây năm dục trường dưỡng,
Bỏ ước muốn ở đây,
- Với tâm được viên mãn,
Được làm khéo hoàn mãn.
Một cách đúng Chánh pháp,
Đầy đủ cả hạnh đức.
- Với tâm được viên mãn,
Được làm khéo hoàn mãn.
Tôn giả Gotama,
Đầy đủ cả hạnh đức.
- Thon, vững chắc, bền bỉ,
Không tham đắm vật gì,
Ẩn sĩ Gotama,
Trong rừng núi xa vắng.
- Như sư tử, như voi,
Không cầu mong các dục,
Và hỏi thăm vị ấy,
Khỏi chạm bẫy Ác ma.
- Vị đạt đến mọi pháp,
Hận thù và sợ hãi,
Sa-môn Gotama.
- Tên Hemavata:
Thế giới được sanh khởi?
Tác thành sự mật thiết?
Là chấp thủ cái gì?
Thế giới bị tàn hại?
- Với Hemavata:
Thế giới được sanh khởi,
Tác thành sự mật thiết,
Là chấp thủ sáu pháp,
Thế giới bị tàn hại.
- Đây thế giới bị hại?
Về con đường thoát đời,
Được giải thoát hoàn toàn?
- Ý được gọi thứ sáu,
Như vậy thoát đau khổ.⁵⁴

⁵⁴ Xem S. I. 16, *Enijaṅghasutta* (Kinh Như chân sơn dương); Kv. 367, *Kāmaguṇakathā* (Vấn đề lạc ở dục giới).

174. Đây con đường thoát đời,
Đường này Ta nói ông,
Nhuật thật nói ông rõ,
Nhuật vậy thoát đau khổ.
175. Đây ai vượt bực lưu,
Không chân đứng bám víu,
Đây ai vượt biển lớn,
Ai không chìm vực sâu?⁵⁵
176. Ai luôn luôn đủ giới,
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Có tuệ, khéo thiền định,
Vượt bực lưu khó vượt.
177. Ai từ bỏ dục tướng,
Ai hỷ, hữu đoạn tận,
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Không chìm vào vực sâu.
- [Hemavata:]
178. Vị trí tuệ thâm sâu,
Vị không có sở hữu,
Thấy được đích tế nhị,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc Đại sĩ tiền bước,
Trên con đường thiên đạo.
179. Bậc danh xưng Vô thượng,
Bậc ban bố trí tuệ,
Bậc thấy đích tế nhị,
Không tham đắm dục tạng,
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiền bước,
Trên con đường Thánh đạo.
180. Hôm nay thật chúng con,
Được hào quang chói sáng,
Được thấy điềm tốt lành,
Của bình minh tốt lành,
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Bậc Đã Vượt Bực Lưu,
Bậc Đã Đoạn Lậu Hoặc.
181. Ngàn vị dạ-xoa này,
Tất cả xin đi đến,
Có thần lực, danh xưng,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.
182. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đánh lễ bậc Chánh Giác,
Đánh lễ thiện pháp tánh,
Của Chánh pháp vi diệu.

§10. KINH ĀḬAVAKA (*ĀḬavakasutta*)⁵⁶ (Sn. 31)

Nhuật vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở ĀḬavī, tại trú xứ của dạ-xoa ĀḬavaka. Rồi dạ-xoa ĀḬavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra!
- Được, Hiền giả!

⁵⁵ Kệ 175-77, tham chiếu: S. I. 53, *Candanasutta* (Kinh Candana); Tap. 雜 (T.02. 0099.1269. 0348c09); Tap. 雜 (T.02. 0099.1316. 0361b23); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.178. 0438b08); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.315. 0479c17).

⁵⁶ Tham chiếu: S. I. 213, *ĀḬavakasutta* (Kinh ĀḬavaka); Tap. 雜 (T.02. 0099.603. 0161a22); Tap. 雜 (T.02. 0099.1326. 0364b21); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.325. 0482c06).

Thế Tôn đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Được, Hiền giả!

Thế Tôn đi vào. Lần thứ hai, dạ-xoa Ālavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Được, Hiền giả!

Thế Tôn đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Được, Hiền giả!

Thế Tôn đi vào. Lần thứ ba, dạ-xoa Ālavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Được, Hiền giả!

Thế Tôn đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Được, Hiền giả!

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, dạ-xoa Ālavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho ông. Ông cần gì hãy làm!

– Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.

– Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, ông cứ hỏi như ý ông muốn.

Rồi dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

183. Ở đời, tài sản gì, Cái gì khéo thực hành, Cái gì trong các vị, Nếp sống như thế nào,	Tối thắng cho con người? Đem lại chơn an lạc? Là vị ngọt tối thượng? Gọi nếp sống tối thắng?
---	---

[Thế Tôn:]

184. Ở đời này, lòng tin, Chánh pháp khéo thực hiện, Sự thật trong các vị, Nếp sống với trí tuệ,	Tối thắng cho con người, Đem lại chơn an lạc, Là vị ngọt tối thượng, Là nếp sống tối thắng.
--	--

[Āḷavaka:]

185. Thế nào vượt bậc lưu?
Thế nào vượt qua khổ?

Thế nào vượt biển lớn?
Thế nào thật thanh tịnh?⁵⁷

[Thế Tôn:]

186. Với tín, vượt bậc lưu,
Tinh tấn, vượt đau khổ,

Không phóng dật, vượt biển,
Với tuệ, được thanh tịnh.

[Āḷavaka:]

187. Thế nào được trí tuệ?
Thế nào đạt danh xưng?
Đời này qua đời sau,

Thế nào được tài sản?
Thế nào kết bạn hữu?
Thế nào chết không sầu?

[Thế Tôn:]

188. Tin tưởng bậc La-hán,
Khéo nghe được trí tuệ,
189. Làm thích đáng trách nhiệm,
Với sự thật được danh,
190. Ai là người gia chủ,
Sự thật và đúng pháp,
Vị ấy sau khi chết,
191. Hãy hỏi các vị khác,
Nếu có pháp nào khác,
Sự thật và nhiếp phục,

Tin Pháp đạt Niết-bàn,
Bậc trí không phóng dật.⁵⁸
Phân đầu được tài sản,
Bố thí kết bạn bè.
Tin tưởng bốn pháp này:
Kiên trì và bố thí,
Nhất định không sầu muộn.
Sa-môn, Bà-la-môn,
Ở đời, lại thắng hơn,
Bố thí và kham nhẫn?

[Āḷavaka:]

192. Sao nay con rộng hỏi,
Nay con được rõ biết,
193. Vì hạnh phúc cho con,
Hãy đi đến an trú,
Nay con đã rõ biết,
194. Con sẽ đi bộ hành,
Thành này qua thành khác,
Đánh lễ thiện pháp tánh,

Sa-môn, Bà-la-môn,
Hiện, vị lai hạnh phúc.
Mong rằng bậc Giác Ngộ
Tại xứ Āḷavī,
Chỗ nào thí, quả lớn.
Làng này qua làng khác,
Đánh lễ bậc Giác Ngộ,
Của Chánh pháp vi diệu.⁵⁹

⁵⁷ Kệ 185-86, tham chiếu: S. I. 213, *Āḷavakasutta* (Kinh *Āḷavaka*); Miln. 35; *Pháp cú kinh* “Độc tín phẩm” 法句經篤信品 (T.04. 0210.4. 0560b20); *Pháp cú thí dụ kinh* “Độc tín phẩm” 法句譬喻經篤信品 (T.04. 0211.4. 0580b01); *Xuất diệu kinh* “Tín phẩm” 出曜經信品 (T.04. 0212.11. 0672a17); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Chánh tín phẩm” 法集要頌經正信品 (T.04. 0213.10. 0782a19).

⁵⁸ Kệ 188-89, xem S. I. 213, *Āḷavakasutta* (Kinh *Āḷavaka*); Netti. 128.

⁵⁹ Xem Ap. I. 37, *Upāliṭṭharaapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Upāli); Ap. II. 375, *Yāgudāyakatṭharaapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Yāgudāyaka).

§11. KINH THẮNG TRẬN (*Vijayasutta*) (Sn. 34)

- | | | |
|------|---|---|
| 195. | Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc co tay, duỗi tay, | Hoặc là ngồi hay nằm,
Như vậy thân dao động. |
| 196. | Ràng buộc với xương gân, ⁶⁰
Thân được da che đây, | Trét thoa với da thịt,
Không thấy rõ như thật. |
| 197. | Trong một bụng chứa đầy,
Quả tim và buồng phổi, | Lá gan và bọng đại,
Cả thận và tỳ tạng. |
| 198. | Nước mũi và nước miếng,
Máu và nước khớp xương, | Mồ hôi và nước mỡ,
Mật và bạch huyết cầu. |
| 199. | Từ nơi chín nguồn này,
Từ mắt đồ bắn chảy, | Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ tai đồ bắn chảy. |
| 200. | Nước mũi từ lỗ mũi,
Chảy mật và niêm dịch, | Từ miệng có khi chảy,
Từ thân mồ hôi, bắn. |
| 201. | Trong đầu thật trống rỗng,
Bị vô minh dắt dẫn, | Chứa đầy những óc, não,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch. |
| 202. | Khi bị chết nằm xuống,
Quăng bỏ trong nghĩa địa, | Phồng lên và xanh bầm,
Bà con không đoái hoài. |
| 203. | Chó, dã can đến ăn,
Quạ, điều hâu đến ăn, | Chó sói, các côn trùng,
Còn có hữu tình khác. |
| 204. | Được nghe lời Phật dạy,
Vị ấy liễu tri thân, | Tỷ-kheo có trí tuệ,
Thấy thân đúng như thật. |
| 205. | Đây thế nào, kia vậy,
Đối với thân trong ngoài, | Kia thế nào, đây vậy,
Từ bỏ mọi lòng dục. |
| 206. | Từ bỏ lòng tham dục,
Chứng bất tử, tịch tịnh, | Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Niết-bàn giới thường trú. |
| 207. | Thân này với hai chân,
Nguyên xác chết chảy nước, | Bất tịnh và hôi thối,
Lại được giữ, nâng niu. |
| 208. | Với thân thể như vậy,
Hay khinh miệt kẻ khác, | Ai lại nghĩ đề cao,
Trừ kẻ không thấy gì. |

§12. KINH ẨM SĨ (*Munisutta*)⁶¹ (Sn. 35)

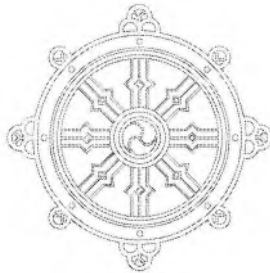
- | | | |
|------|--|---|
| 209. | Thân mật sanh sợ hãi,
Không trú xứ, không thân, | Trú xứ sanh bụi bặm,
Hình ảnh bậc Ẩn sĩ. |
| 210. | Ai đã chặt sanh hữu,
Sanh hữu đã đoạn tận, | Không còn gieo giống thêm,
Không muốn nó tùy sanh, |

⁶⁰ Xem J. I. 145, *Nigrodhamigajātaka* (Chuyện con nai Nigrodha), số §12.

⁶¹ Xem *Miln.* 211, 385.

- Được gọi là Ân sĩ,
Bậc Ân sĩ đã thấy,
211. Sau khi ước lượng đất,
Không còn muốn tham ái,
Vị ấy chân ân sĩ,
Đoạn tận mọi hý luận,
212. Đã rõ mọi trú xứ,
Vị ấy chân ân sĩ,
Không còn phải ra sức,
213. Bậc Chiến Thắng Toàn Diện,
Đối với tất cả pháp,
Bậc từ bỏ tất cả,
Các bậc trí nhận thức,
214. Vị có trí tuệ lực,
Định tĩnh, thích thiền định,
Giải thoát các trói buộc,
Các bậc trí nhận thức,
215. Bộ hành riêng một mình,
Trước chê bai, tán thán,
Như sư tử không sợ,
Như gió không vướng lưới,
Bậc lãnh đạo mọi người,
Các bậc trí nhận thức,
216. Vị nào biết xử sự,
Khi người khác nói lời,
Vị không có tham ái,
Các bậc trí nhận thức,
217. Ai thật tự mình đứng,
Nhàm chán các nghiệp ác,
Các bậc trí nhận thức,
218. Ai biết tự chế ngự,
Trẻ và hạng trung niên,
Vị ấy không nổi giận,
Các bậc trí nhận thức,
219. Ai sống nhờ người cho,
Nhận từ trên, từ giữa,
Không đủ để tán thán,
Các bậc trí nhận thức,
- Một mình đi im lặng,
Con đường tịch tịnh ấy.
Tìm hiểu được hạt giống,
Được tiếp tục tùy sanh,
Thấy sanh diệt chấm dứt,
Không rơi vào tính toán.
Không ham trú xứ nào,
Không tham, không say đắm,
Đã đạt bờ bên kia.
Bậc Toàn Tri, Thiện Thệ,
Không còn bị ô nhiễm,
Ái đoạn diệt, giải thoát,
Vị ấy thật ân sĩ.
Giới cấm được đầy đủ,
Thường giữ gìn chánh niệm,
Không hoang vu, lậu tận,
Vị ấy thật ân sĩ.
Ân sĩ không phóng dật,
Không có bị dao động,
Giữa các tiếng vang động,
Như sen không dính nước,
Người không ai lãnh đạo,
Vị ấy thật ân sĩ.
Như cột trụ hồ tắm,
Lời khen chê cực đoan,
Vớai căn khéo định tĩnh,
Vị ấy thật ân sĩ.
Thẳng như cây thoi đưa,
Quán sát chánh, bất chánh,
Vị ấy thật ân sĩ.
Không làm các điều ác,
Bậc Ân sĩ chế ngự,
Và không làm ai giận,
Vị ấy thật ân sĩ.
Nhận lãnh đồ khất thực,
Hay từ chỗ còn lại,
Không nói lời hạ mình,
Vị ấy thật ân sĩ.

220. Sống hạnh hạnh ần sĩ,
Ai lúc còn tuổi trẻ,
Từ bỏ mạn, phóng dật,
Các bậc trí nhận thức,
Từ bỏ sự dâm dục,
Không bị trói buộc gì,
Được hoàn toàn giải thoát,
Vị ấy thật ần sĩ.
221. Rõ biết được thế giới,
Vượt khỏi được bực lưu,
Vị chặt đứt trói buộc,
Các bậc trí nhận thức,
Thấy được lý chân đế,
Vượt biển lớn như vẩy,
Không ý lại, vô lậu,
Vị ấy thật ần sĩ.
222. Hai nếp sống⁶² không giống,
Gia chủ có vợ con,
Gia chủ không chế ngự,
Bậc ần sĩ luôn luôn,
Nơi trú thật xa nhau,
Bậc vô ngã khéo nhiếp,
Ngăn chặn hữu tình khác,
Che chở loài hữu tình.
223. Giống như loại chim công,
Không bao giờ sánh bằng,
Cũng vậy người gia chủ,
Bậc ần sĩ viễn ly,
Loại chim có cổ xanh,
Chim thiên nga nhanh nhẹn,
Không sánh bằng Tỷ-kheo,
Sống thiền định trong rừng.



⁶² Tại gia và xuất gia.

II. PHẨM NHỎ (CŪḬAVAGGA)

§1. KINH CHÂU BÁU (*Ratanasutta*)¹ (Sn. 39)

224. Phàm ở tại nơi này,
Hoặc trên cỗi đất này,
Mong rằng mọi sanh linh,
Rồi xin hãy thành kính,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc chính giữa hư không,
Được đẹp ý vui lòng,
Lắng nghe lời dạy này.
225. Do vậy các sanh linh,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Ban ngày và ban đêm,
Do vậy hãy nhiệt tình,
Tất cả hãy chú tâm,
Với người nam, nữ nào,
Họ đem vật cúng dường,
Giúp hộ trì cho họ.
226. Phàm có tài sản gì,
Hay ở tại thiên giới,
Không gì sánh bằng được,
Như vậy nơi đức Phật,
Đời này hay đời sau,
Có châu báu thù thắng,
Với Như Lai, Thiện Thệ,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
227. Đoạn diệt và ly tham,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Không gì sánh bằng được,
Như vậy nơi Chánh pháp,
Bất tử và thù diệu,
Chúng pháp ấy trong thiên,
Với pháp thù diệu ấy,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
228. Phật, Thế Tôn thù thắng,
Pháp thiên định trong sạch,
Không gì sánh bằng được,
Như vậy nơi Chánh pháp,
Nói lên lời tán thán,
Liên tục, không gián đoạn,
Pháp thiên vi diệu ấy,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
229. Tám vị bốn đôi này,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Bồ thí các vị ấy,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Được bậc thiện tán thán,
Xứng đáng được cúng dường,
Được kết quả to lớn,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.²

¹ Xem Kh. 6, *Ratanasutta* (Kinh Châu báu).

² Xem Vv. 62, *Vihāravimānavatthu* (Chuyện lâu đài tình xá).

230. Các vị lòng ly dục,
Khéo liên hệ mật thiết,
Họ đạt được quả vị,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
231. Như cây trụ cột đá,
Dầu có gió bốn phương,
Ta nói bậc chân nhân,
Vị thể nhập với tuệ,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
232. Những vị khéo giải thích,
Đã được khéo thuyết giảng,
Dầu họ có xao lãng,
Họ cũng không đến nổi,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
233. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Do vậy có ba pháp,
Thân kiến và nghi hoặc,
234. Đối với bốn đọa xứ,
Vị ấy không thể làm,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
235. Dầu vị ấy có làm,
Vớ thân hay vớ lời,
Vị ấy không khi nào,
Đây là tính không thể,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
236. Như là những cây rừng,
Trong tháng hạ nóng bức,
Pháp thù thắng được giảng,
Pháp đưa đến Niết-bàn,
- Vớ ý thật kiên trì,
Lời dạy Gotama,
Họ thể nhập bất tử,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
- Khéo y tựa lòng đất,
Cũng không thể dao động,
Giống như thí dụ này,
Thấy được những Thánh đế,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.³
- Những sự thật Thánh đế,
Vớ trí tuệ thâm sâu,
Hay lơ là thể nào,
Sanh hữu lần thứ tám,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
- Vớ chánh kiến sáng suốt,
Được hoàn toàn từ bỏ,
Giới cấm thủ cũng không.⁴
- Hoàn toàn được giải thoát,
Sáu điều ác tội trọng,⁵
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
- Điều gì ác đi nữa,
Kể cả vớ tâm ý,
Che đậy việc làm ấy,
Của vị thấy Niết-bàn,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
- Đã đơm hoa đầu ngọn,
Những ngày hạ đầu tiên,
Được ví dụ như vậy,
Pháp hạnh phúc tối thượng,

³ Kệ 231-32, xem *Netti*. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp).

⁴ Kệ 233-34, xem *Kv*. 104, *Odhisokathā* (Vấn đề thanh lọc); *Kv*. 173, *Aññānakathā* (Vấn đề tri kiến của bậc A-la-hán); *Kv*. 213, *Anupubbābhisamayakathā* (Vấn đề tiến trình chứng ngộ).

⁵ Tức là 5 tội trọng (ngũ nghịch tội) cộng với tội theo ngoại đạo tà giáo.

- Như vậy nơi đức Phật,
Mong với sự thật này,
237. Đức Phật, bậc Cao Thượng,
Bậc Biết Pháp Cao Thượng,
Bậc Vô Thượng thuyết giảng,
Như vậy nơi đức Phật,
Mong với sự thật này,
238. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Với tâm tư từ bỏ,
Các hạt giống đoạn tận,
Bậc trí chứng Niết-bàn,
Như vậy nơi Tăng chúng,
Mong với sự thật này,
239. Phàm ở tại nơi này,
Hoặc trên cõi đất này,
Hãy đánh lễ đức Phật,
Được loài trời, loài người,
Mong rằng với hạnh này,
240. Phàm ở tại nơi này,
Hoặc trên cõi đất này,
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Được loài trời, loài người,
Mong rằng với hạnh này,
241. Phàm ở tại nơi này,
Hoặc trên cõi đất này,
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Được loài trời, loài người,
Mong rằng với hạnh này,
- Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Bậc Ban Phúc Cao Thượng,
Đem lợi ích cao thượng,
Pháp cao thượng thù thắng,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Nghiệp mới không tạo nên,
Trong sanh hữu tương lai,
Ước muốn không tăng trưởng,
Ví như ngọn đèn này,
Là châu báu thù diệu.
Được sống chơn hạnh phúc.
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc chính giữa hư không,
Đã như thực đến đây,
Đánh lễ và cúng dường.
Mọi loài được hạnh phúc.
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc chính giữa hư không,
Đã như thực đến đây,
Đánh lễ và cúng dường.
Mọi loài được hạnh phúc.
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc chính giữa hư không,
Đã như thực đến đây,
Đánh lễ và cúng dường.
Mọi loài được hạnh phúc.

§2. KINH HÔI THỐI (*Āmagandhasutta*) (Sn. 42)

[Bà-la-môn:]

242. Các bậc thiện chơn chánh,
Ăn đậu đũa, đậu rừng,
Ăn trái các dây leo,
Vị ấy không nói láo,
243. Ôi, Ngài Kassapa,
Do người khác bố thí,
Trong sạch và thù thắng,
Ai ăn uống như vậy,
- Ăn hạt giống, cây thuốc,
Ăn lá, ăn rễ củ,
Nhận được thật đúng pháp,
Vì các dục thúc đẩy.
Ai ăn các món ăn,
Khéo làm, khéo chưng dọn,
Ăn lúa gạo thơm ngon,
Là ăn đồ hôi thối.

244. Nay, bà con Phạm thiên,
Ta không ăn đồ thối,
Nhưng Ngài ăn món ăn,
Ăn thịt các loài chim,
Ta hỏi Kassapa:
Ngài định nghĩa thế nào,

[Đức Phật Kassapa:]

245. Sát sanh và hành hình,
Trộm cắp và nói láo,
Giả bộ kẻ học thức,
Đây là ăn đồ thối,
246. Ở đời, các hạng người,
Đam mê các vị ngon,
Theo chủ nghĩa hư vô,
Đây là ăn đồ thối,
247. Ai thô bạo, dã man,
Phản bạn, không từ bi,
Tánh không có bố thí,
Đây là ăn đồ thối,
248. Phẫn nộ và kiêu mạn,
Man trá và tật đố,
Kiêu mạn và quá mạn,
Đây là ăn đồ thối,
249. Ác giới, nợ không trả,
Làm những nghề dối trá,
Ở đây, người bán tiện,
Đây là ăn đồ thối,
250. Ở đời, dối hữu tình,
Lấy cướp sở hữu người,
Không giữ giới, tàn nhẫn,
Đây là ăn đồ thối,
251. Hạng tham ô, thù nghịch,
Luôn luôn hướng về ác,
Chúng sanh ấy rơi vào,
Đây là ăn đồ thối,
252. Không phải do cá thịt,
Không phải do lông thể,
Không do tro trét mình,

Chính Ngài tuyên bố rằng:
Để nuôi sống thân Ta.
Bằng lúa gạo thơm ngon,
Nấu ăn thật khéo léo,
Ý nghĩa sự kiện này,
Là ăn đồ hôi thối?

Đả thương và bắt trói,
Man trá và lừa đảo,
Đi lại với vợ người,
Ăn thịt không phải thối.

Không chế ngự lòng dục,
Liên hệ đến bất tịnh,
Bất chánh, khó hướng dẫn,
Ăn thịt không phải thối.

Sau lưng nói gièm pha,
Lại công cao ngạo mạn,
Không cho ai vật gì,
Ăn thịt không phải thối.

Cứng đầu và chống đối,
Nói vô ích, huênh hoang,
Thân mật với kẻ ác,
Ăn thịt không phải thối.

Làm người hay vu khống,
Ở đây, kẻ giả vờ,
Những người làm ác nghiệp,
Ăn thịt không phải thối.

Người không biết kiềm chế,
Chú tâm làm hại người,
Ác ngữ, thiếu lễ độ,
Ăn thịt không phải thối.

Tìm cách để giết hại,
Sau chết sanh tới tam,
Địa ngục đầu xuống trước,
Ăn thịt không phải thối.

Cùng các loại nhịn ăn,
Đầu trọc và bện tóc,
Mặc da thú khô cứng,

- Không phải do sẵn sóc,
Không do nhiều khổ hạnh,
Không bùa chú tế tự,
Làm con người trong sạch,
253. Do sống hộ trì căn,
Vững trú trên Chánh pháp,
Vượt khỏi các tham ái,
Bậc trí không nhiễm dính,
254. Nhiều lần Thế Tôn thuyết,
Bậc bác học kệ chú,
Bậc ẩn sĩ nói lên,
Bậc không ăn đồ thối,
255. Nghe xong những lời dạy,
Chấm dứt ăn đồ thối,
Vị ấy đánh lễ Phật,
Thỉnh cầu được cho pháp,
- Nuôi dưỡng lửa tế tự,
Để được chứng bất tử,
Các tế đàn thời tiết,
Nếu nghi hoặc chưa đoạn.
- Với các căn nhiếp phục,
Thích chân trực, hiền hòa,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Điều được thấy được nghe.
- Ý nghĩa lời dạy này,
Thâm hiểu ý nghĩa ấy;
Với những kệ tuyệt diệu,
Độc lập, khó bị dẫn.
- Lời Thế Tôn khéo nói,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Với tâm ý nhún nhường,
Xuất gia tại nơi đây.

§3. KINH XẤU HỔ (*Hirisutta*)⁶ (Sn. 45)

256. Ai mở miệng tuyên bố:
Sở hành vượt xấu hổ,
Không chịu khó gắng làm,
Cần biết người như vậy,
257. Ai đối với bạn hữu,
Lời nói đẹp khả ái,
Bậc trí biết người ấy,
258. Người luôn luôn chú ý,
Tìm kiếm các nhược điểm,
Với ai lòng mến tin,
Người ấy mới thật bạn,
259. Ai mong lợi ích quả,
Đem lại sự hân hoan,
Đem lại thương, tán thán,
260. Uống xong vị viễn ly,
Không sợ hãi, không ác,
- “Tôi là bạn của anh”,
Lại khinh chán bạn mình,
Công việc có thể làm,
Không phải bạn của tôi.
- Chỉ làm với lời nói,
Nhưng chỉ lời nói suông,
Người chỉ nói không làm.
- Nghi ngờ sự bất đồng,
Người ấy không phải bạn;
Như con nằm trên ngực,
Không bị ai chia ly.⁷
- Tu tập các sự kiện,
Tu tập sự an lạc,
Gánh trách nhiệm làm người.
- Uống xong vị an tịnh,
Hưởng vị ngọt pháp hỷ.⁸

⁶ Xem J. III. 196, *Hirijātaka* (Chuyện hổ thẹn), số §363.

⁷ Xem J. III. 192, *Vaññārohajātaka* (Chuyện sắc đẹp), số §361.

⁸ Tham chiếu: Dh. v. 205; J. III. 196; *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

§4. KINH ĐIỀM LÀNH (*Maṅgalasutta*)⁹ (Sn. 46)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvatti, ở Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị thiên nhân ấy với bài kệ, bạch Thế Tôn:

- | | | |
|------|---|--|
| 261. | Nhiều thiên nhân và người,
Mong ước và đợi chờ,
Xin Ngài hãy nói lên, | Suy nghĩ đến điềm lành,
Một nếp sống an toàn,
Về điềm lành tối thượng! |
|------|---|--|

[Thế Tôn:]

- | | | |
|------|---|--|
| 262. | Không thân cận kẻ ngu,
Đánh lễ người đáng lễ, | Nhưng gần gũi bậc trí,
Là điềm lành tối thượng. |
| 263. | Ở trú xứ thích hợp,
Chân chánh hướng tự tâm, | Công đức trước đã làm,
Là điềm lành tối thượng. |
| 264. | Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Nói những lời khéo nói, | Khéo huấn luyện học tập,
Là điềm lành tối thượng. |
| 265. | Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Làm nghề không rắc rối, | Nuôi dưỡng vợ và con,
Là điềm lành tối thượng. |
| 266. | Bố thí, hành đúng pháp,
Làm nghiệp không lỗi lầm, | Săn sóc các bà con,
Là điềm lành tối thượng. |
| 267. | Chấm dứt, từ bỏ ác,
Trong pháp không phóng dật, | Chế ngự đam mê rượu,
Là điềm lành tối thượng. |
| 268. | Kính lễ và hạ mình,
Đúng thời nghe Chánh pháp, | Biết đủ và biết ơn,
Là điềm lành tối thượng. |
| 269. | Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Đúng thời đàm luận pháp, | Yết kiến các Sa-môn,
Là điềm lành tối thượng. |
| 270. | Khắc khổ và Phạm hạnh,
Giác ngộ quả Niết-bàn, | Thấy được lý Thánh đế,
Là điềm lành tối thượng. |
| 271. | Khi xúc chạm việc đời,
Không uế nhiễm, an ổn, | Tâm không động, không sầu,
Là điềm lành tối thượng. |
| 272. | Làm sự việc như vậy,
Khắp nơi được an toàn, | Không chỗ nào thất bại,
Là điềm lành tối thượng. |

⁹ Tên kinh cũng được dịch là *Kinh Hạnh phúc*. Tham chiếu: Kh. 2, *Maṅgalasutta* (*Kinh Điềm lành*); *Pháp cú kinh* “Cát tường phẩm” 法句經吉祥品 (T.04. 0210.39. 0574c29); *Pháp cú thí dụ kinh* “Cát tường phẩm” 法句譬喻經吉祥品 (T.04. 0211.39. 0608c14).

§5. KINH SŪCILOMA (*Sūcilomasutta*)¹⁰ (Sn. 47)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Gayā, ở Tāṇkitamañca, tại trú xứ của dạ-xoa Sūciloma. Lúc bấy giờ, dạ-xoa Khara, dạ-xoa Sūciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với dạ-xoa Sūciloma:

- Đây là Sa-môn.

- Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn giả hiệu. Ta biết rõ ông ấy là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu.

Rồi dạ-xoa Sūciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến nghiêng người gần thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi dạ-xoa Sūciloma nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?

- Này Hiền giả, Ta không sợ ông, nhưng xúc chạm với ông là điều tệ hại.

- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài quăng qua bờ bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư thiên, Ác ma và Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta quăng qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, ông cứ hỏi Ta như ý ông muốn.

Rồi dạ-xoa Sūciloma với câu kệ nói với Thế Tôn:

273.	Từ những nguyên nhân nào, Không ưa thích, ưa thích, Từ đâu được sanh khởi, Như đứa trẻ độc ác,	Tham và sân khởi lên? Sợ hãi từ đâu sanh? Các suy tầm của ý, Thả cho con quạ bay?
-------------	---	--

[Thế Tôn:]

274.	Từ những nguyên nhân này, Không ưa thích, ưa thích, Từ đây được sanh khởi, Như đứa trẻ độc ác, Sự hiện hữu của ngã, Như các rễ cây đa, Sự triển phược các dục, Như dây leo, chùm gửi,	Tham, sân được khởi lên, Sợ hãi từ đây sanh, Các suy tầm của ý, Thả cho con quạ bay. Chính do thân ái sanh, Từ thân nhánh tua xuống. Thật rộng lớn vô cùng, Tỏa rộng lan khắp rừng.
-------------	--	--

¹⁰ Kệ 274-76, tham chiếu: S. I. 445, *Sūcilomasutta* (Kinh *Sūciloma*); MNid. 1, *Kāmasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về dục); MNid. 338, *Tuvaṭakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh một cách nhanh chóng); MNid. 444, *Sāriputtasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về *Sāriputta*); CNid. 60, *Khaggavisāṇasuttaniddeso* (Diễn giải kinh sừng tê ngưu); *Netti*. 128; *Tap.* 雜 (T.02. 0099.1314. 0361a23); *Tap.* 雜 (T.02. 0099.1324. 0363b29); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.313. 0479b18); *Biệt Tap.* 別雜 (T.02. 0100.323. 0481c15).

- | | |
|---|---|
| <p>275. Hãy nghe, này dạ-xoa!
 Từ đâu khiến sanh khởi,
 Họ vượt qua dòng nước,
 Trước chưa được vượt qua,</p> | <p>Những ai được rõ biết,
 Họ tẩy sạch nhân ấy,
 Chảy mạnh, khó vượt này,
 Không còn có tái sanh.</p> |
|---|---|

§6. KINH HÀNH CHÁNH PHÁP (*Dhammacariyasutta*)¹¹ (Sn. 49)

- | | |
|--|---|
| <p>276. Pháp hạnh và Phạm hạnh,
 Nếu là người xuất gia,</p> | <p>Được gọi tối thượng hạnh,
 Bỏ nhà, sống không nhà.</p> |
| <p>277. Nếu bản tánh lắm mồm,
 Đời sống ấy ác độc,</p> | <p>Ưu làm hại như thú,
 Làm ngã tăng bụi trần.</p> |
| <p>278. Tỷ-kheo ưa cãi nhau,
 Không biết Luật Phật dạy,</p> | <p>Bị vô minh che đậy,
 Pháp do Phật tuyên thuyết.</p> |
| <p>279. Bị vô minh lãnh đạo,
 Không biết đường ô nhiễm,</p> | <p>Hại bậc tu tập ngã,
 Đưa đến cõi địa ngục.</p> |
| <p>280. Vị Tỷ-kheo như vậy,
 Đi đâu thai chỗ này,
 Đi từ tối tăm này,
 Vị ấy sau khi chết,</p> | <p>Rơi vào chỗ đọa xứ,
 Đến đâu thai chỗ khác,
 Đến chỗ tối tăm khác,
 Rơi vào chỗ khổ đau.</p> |
| <p>281. Như hổ phân đầy tràn,
 Cũng vậy kẻ uế nhiễm,</p> | <p>Sau nhiều năm chất chứa,
 Thật khó lòng gột sạch.</p> |
| <p>282. Hỡi này, các Tỷ-kheo,
 Hệ lụy với gia đình,
 Ác uy nghi, cử chỉ,</p> | <p>Hãy biết người như vậy,
 Ác dục, ác tư duy,
 Ác sở hành, hành xứ.</p> |
| <p>283. Tất cả đều đồng tình,
 Hãy thôi nó như bụi,</p> | <p>Tránh xa người như vậy,
 Hãy quăng nó như rác.</p> |
| <p>284. Hãy đuổi kẻ nói nhiều,
 Sau khi đuổi ác dục,</p> | <p>Kẻ Sa-môn giả hiệu,
 Ác uy nghi, hành xứ.</p> |
| <p>285. Hãy giữ mình trong sạch,
 Sống thích đáng, chánh niệm,
 Hãy chấm dứt khổ đau.</p> | <p>Chung sống người trong sạch,
 Rồi hòa hợp, sáng suốt,</p> |

§7. KINH THEO PHÁP BÀ-LA-MÔN (*Brāhmaṇadhammikasutta*)¹² (Sn. 50)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi nhiều Bà-la-môn đại phú ở Kosala già yếu, cao niên, trưởng lão, đã đến tuổi

¹¹ Xem Miln. 411, *Maṇiratanaṅgapaṇha* (Câu hỏi về tính chất của ngọc ma-ni).

¹² Tham chiếu: *Phạm Ba-la-diên kinh* 梵波羅延經 (T.01. 0026.156. 0678a23).

trưởng thượng, đã gần mãn cuộc đời, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, hiện nay còn có những Bà-la-môn nào được thấy là theo pháp Bà-la-môn của những Bà-la-môn thời xưa?

– Nay các Bà-la-môn, hiện nay không còn thấy các Bà-la-môn theo pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa.

– Lành thay, Tôn giả Gotama hãy nói pháp Bà-la-môn của các Bà-la-môn thời xưa, nếu Tôn giả Gotama không thấy gì phiền phức!

– Vậy này các Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói!

– Thưa vâng, Tôn giả.

Các Bà-la-môn đại phú ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau:

- | | | |
|-------------|---|--|
| 286. | Các ản sĩ thời xưa,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng, | Chế ngự, sống khắc khổ,
Hành lý tưởng tự ngã. |
| 287. | Phạm chí không gia súc,
Học hỏi là tài sản,
Kho tàng tối thượng ấy. | Không vàng bạc, lúa gạo,
Họ che chở, hộ trì, |
| 288. | Đồ ăn được sửa soạn,
Được làm với lòng tin, | Được đặt tại ngưỡng cửa,
Để cúng bậc Thánh cầu. |
| 289. | Với vải mặc nhiều màu,
Từ quốc độ giàu có, | Với giường nằm, trú xứ,
Người đánh lễ Phạm chí. |
| 290. | Không bị ai xâm phạm,
Không bị ai chiếm hại,
Không ai ngăn chặn họ, | Là Phạm chí thời ấy,
Họ được pháp che chở,
Tại ngưỡng cửa gia đình. |
| 291. | Từ trẻ đến bốn tám,
Họ sống hành Phạm hạnh, | Các Phạm chí thời xưa,
Tầm cầu minh và hạnh. |
| 292. | Các vị Bà-la-môn,
Không mua người làm vợ,
Họ đi đến với nhau, | Không đến giai cấp khác,
Chung sống trong tình thương,
Trong niềm hoan hỷ chung. |
| 293. | Ngoại trừ thời gian ấy,
Là người Bà-la-môn, | Thời có thể thụ thai,
Không đi đến giao cấu. |
| 294. | Họ tán thán Phạm hạnh,
Khắc khổ và hòa nhã, | Giới, học thức, nhu hòa,
Bất hại và nhẫn nhục. |
| 295. | Vị tối thắng trong họ,
Vị ấy không giao hợp, | Là Phạm thiên nỗ lực,
Cho đến trong cơn mộng. |

296. Ở đời, bậc có trí,
Họ tán thán Phạm hạnh,
297. Họ xin cơm, sàng tọa,
Thâu nhiếp thật đúng pháp,
Trong lễ tế tự ấy,
298. Như mẹ và như cha,
Bồ là bạn tối thượng,
299. Bồ cho ăn, cho sức,
Biết được lợi ích này,
300. Họ đoan trang thân lớn,
Bản tánh là nhiệt tình,
Họ còn sống ở đời,
301. Giữa họ có đảo lộn,
Thấy huy hoàng nhà vua,
302. Các cỗ xe khéo làm,
Trang hoàng với tấm thảm,
Các trú xứ phòng ốc,
303. Đàn gia súc vây quanh,
Bà-la-môn tham đắm,
304. Họ soạn các chú thuật,
Ngài được tài sản lớn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Hãy thiết lập tế đàn,
305. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Được các Bà-la-môn,
Tổ chức các tế đàn,
Quảng con nê, nước thánh,
Lễ tế đàn này xong,
Rất nhiều loại tài sản.
306. Bồ, giường nằm, áo mặc,
Các cỗ xe khéo làm,
Trang hoàng với tấm thảm,
307. Các trú xứ đẹp đẽ,
Đầy các loại lúa gạo,
Rất nhiều là tài sản.
308. Ở đây, được tài sản,
Lòng dục chúng thỏa mãn,
Họ lại soạn chú thuật,
- Học theo hạnh vị ấy,
Giới đức và nhẫn nhục.
Vải mặc, bơ và dầu,
Họ tổ chức tế tự,
Họ không giết bò cái.
Như anh, như bà con,
Từ chúng, sanh được vị.
Cho dung sắc, cho lạc,
Họ không giết hại bò.
Có dung sắc, danh xưng,
Trong hành thiện dứt ác,
Dân chúng hưởng an lạc.
Họ thấy vật nhỏ nhen,
Thấy trang sức phụ nữ.
Thắng với ngựa thuần thực,
Nhiều sắc lại nhiều màu,
Khéo chia, khéo ngăn cách.
Phụ nữ đẹp hầu hạ,
Tài sản lớn của người.
Đến Vua Okkāka:
Ngài được lúa gạo nhiều,
Đề tài sản ngài lớn,
Đề tiền bạc ngài lớn.
Vương chủ các xa binh,
Nhiếp phục và cảm hóa,
Về ngựa và về người,
Với các cửa then cài,
Họ cho các Phạm chí,

Nữ nhân trang sức đẹp,
Thắng với ngựa thuần thực,
Nhiều sắc lại nhiều màu.
Khéo chia, khéo ngăn cách,
Họ cho các Phạm chí,

Phạm chí thích cất chứa,
Khát ái càng tăng trưởng,
Đến Vua Okkāka:

309. Như nước, đất và vàng,
Cũng vậy là loài bò,
Chúng là những vật dụng,
Hãy thiết lập tế đàn,
Hãy thiết lập tế đàn,
Tài sản và lúa gạo,
Đối với các loài người,
Cần thiết cho hữu tình,
Để tài sản ngài lớn,
Để tiền bạc ngài lớn.
310. Rồi vua, bậc lãnh tụ,
Được các Bà-la-môn,
Tổ chức các tế đàn,
Vương chủ các xa binh,
Nhiếp phục và cảm hóa,
Trăm ngàn bò bị giết.
311. Không phải dùng bàn chân,
Con bò hại một ai,
Như con dê, con cừu,
Tuy vậy, vua ra lệnh,
Giết chúng bằng dao gươm.
Cũng không phải dùng sừng,
Chúng được khéo nhiếp phục,
Chúng cho nhiều ghè sữa,
Năm sừng, bắt lấy chúng,
312. Rồi chư thiên, tổ tiên,
Với các hàng la-sát,
Như vậy là phi pháp,
Đế-thích, a-tu-la,
Đồng thanh cùng la lớn,
Khi gươm giết hại bò.
313. Trước đã có ba bệnh,
Do giết hại muôn thú,
Dục, ăn không đủ, già,
Chúng lên đến chín tám.
314. Trượng phật phi pháp này,
Vật vô tội bị giết,
Thối thất khỏi Chánh pháp.
Từ xưa truyền đến nay,
Còn người lễ tế đàn,
315. Vậy tùy pháp cổ này,
Chỗ nào lễ tế đàn,
Quần chúng liền chỉ trích,
Bị bậc trí khiển trách,
Như vậy được xem thấy,
Các vị lễ tế đàn.
316. Như vậy pháp bị hoại,
Bị phân ly, chia rẽ,
Bị chia năm, chẻ bảy,
Hạng Thủ-đà, Phệ-xá,
Các hạng Sát-đế-ly,
Còn vợ khinh rẻ chồng.
317. Các Sát-ly hoàng tộc,
Cùng với hạng người khác,
Họ bỏ quên sanh chủng,
Các bà con Phạm thiên,
Được gia tộc che chở,
Họ rơi vào các dục.

Khi được nghe nói vậy, các Bà-la-môn đại phú ấy bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể nhìn thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Chúng con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận chúng con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con trọn đời quy ngưỡng.

§8. KINH CHIẾC THUYỀN (*Nāvāsutta*) (Sn. 55)

- | | | |
|------|---|---|
| 318. | Từ vị nào một người,
Hãy đánh lễ vị ấy,
Vị ấy được đánh lễ,
Vị nghe, học nhiều này, | Rõ biết được Chánh pháp,
Như thiên lễ Đế-thích,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Thuyết trình Chơn diệu pháp. |
| 319. | Theo gương vị như vậy,
Sẽ sáng suốt, chú tâm,
Thực hành pháp, tùy pháp,
Thông minh và thận trọng. | Không phóng dật, xao lãng,
Suy tư và quán sát,
Trở thành vị hiểu biết, |
| 320. | Ai phục vụ kẻ ngu,
Mục đích chưa đạt được,
Chính ở đây, Chánh pháp,
Chưa vượt thoát nghi hoặc, | Ngu si, tâm bé nhỏ,
Lại ganh tị tật đố,
Không phát triển tu tập,
Người ấy bị tử vong. |
| 321. | Như người nhảy xuống sông,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Theo dòng nước trôi đi,
Giúp người khác vượt dòng! | Dòng sông nước ngập tràn,
Người ấy bị lôi cuốn,
Làm sao nó có thể, |
| 322. | Cũng vậy với người nào,
Không quán sát ý nghĩa,
Tự mình không rõ biết,
Làm sao nó có thể, | Pháp không được tu tập,
Của những vị nghe nhiều,
Nghi hoặc chưa vượt qua,
Giúp người khác thấy biết! |
| 323. | Như người được leo lên,
Được trang bị đầy đủ,
Người như vậy ở đây,
Rõ biết những phương tiện, | Chiếc thuyền mạnh vững chắc,
Mái chèo và tay lái,
Giúp nhiều người ngược dòng,
Thiện xảo và sáng suốt. |
| 324. | Như vậy bậc sáng suốt,
Bậc nghe nhiều, hiểu nhiều,
Vị ấy giúp đỡ được,
Khởi tâm muốn nghe pháp, | Luôn luôn tự tu tập,
Không còn bị dao động,
Các người khác thấy biết,
Nền tảng cho giác ngộ. |
| 325. | Do vậy hãy thân cận,
Bậc sáng suốt có trí,
Sau khi biết mục đích,
Rõ biết được Chánh pháp, | Bậc chân nhân hiền sĩ,
Bậc nghe nhiều, học nhiều;
Cố gắng khéo hành trì,
Vị ấy được an lạc. |

§9. KINH THẾ NÀO LÀ GIỚI? (*Kimsīlasutta*)¹³ (Sn. 56)

- | | | |
|------|----------------------|------------------------|
| 326. | Thế nào là giới đức? | Thế nào là chánh hạnh? |
|------|----------------------|------------------------|

¹³ Xem J. III. 441, *Sumaṅgalajātaka* (Chuyện người giữ ngụ viên *Sumaṅgala*), số §420.

- Cần phải làm tăng trưởng,
Để người chánh nhập cuộc,
- 327.** Kính lễ bậc trưởng thượng,
Cần phải biết thời gian,
Biết được đúng thời khắc,
Hãy cẩn thận lắng nghe,
- 328.** Hãy đi đến đúng thời,
Từ bỏ tánh cứng đầu,
Hãy nhớ nghĩ ức niệm,
Mục đích và Chánh pháp,
- 329.** Vui thích trong Chánh pháp,
An trú trên Chánh pháp,
Sở hành không làm gì,
Chịu hướng dẫn, lãnh đạo,
- 330.** Bỏ cười đùa, lảm miêng,
Làm những điều man trá,
Hung hăng và bạo ngôn,
Sống từ bỏ tất cả,
- 331.** Thức tri được cốt lõi,
Được nghe khéo thức tri,
Với con người hấp tấp,
Trí tuệ, điều được nghe,
- 332.** An vui thích Chánh pháp
Họ trở thành vô thượng,
Họ an tịnh, nhu hòa,
Chứng đạt được cốt lõi,
- Thân, khẩu, ý nghiệp nào,
Đạt được đích tối thượng?
Không ganh tị một ai,
Để yết kiến Đạo sư,
Thuyết pháp bắt đầu giảng,
Lời giảng được khéo nói.
Trước mặt vị Đạo sư,
Với thái độ khiêm tốn,
Hãy chon chánh hành trì,
Chê ngự và Phạm hạnh.
Hoan hỷ trong Chánh pháp,
Biết phân tích Chánh pháp,
Có lời uế nhiễm pháp,
Bởi sự thật khéo nói.
Khóc than và sân hận,
Lừa đảo, tham, kiêu mạn,
Cứng rắn và đam mê,
Ly say đắm, kiên trì.
Những lời được khéo nói,
Cốt lõi của thiền định.
Lại phóng dật buông lung,
Không có thể tăng trưởng.
Do bậc Thánh tuyên thuyết,
Về lời, ý và nghiệp,
An trú trên thiền định,
Pháp được nghe, trí tuệ.

§10. KINH ĐỨNG DẬY (*Uṭṭhānasutta*)¹⁴ (Sn. 57)

- 333.** Hãy đứng dậy, ngồi dậy,
Kẻ bệnh ngủ làm gì,
- 334.** Hãy đứng dậy, ngồi dậy,
Đạt cho được an tịnh,
Biết ông là phóng dật,
- 335.** Chư thiên và loài người,
Hãy vượt ái dục này,
Khi thời khắc đã qua,
- Với người mộng ích gì,
Khi mũi tên phiền lụy?
Hãy kiên trì học tập,
Đừng để cho thần chết,
Mê hoặc, chinh phục ông.
Sống y chỉ tâm cầu,
Chớ để thời khắc qua,
Bị sầu khổ địa ngục.

¹⁴ Tham chiếu: *Dh.* v. 315; *Thag.* v. 399, 981; *Pháp cú kinh* “Địa ngục phẩm” 法句經地獄品 (T.04. 0210.30. 0570a05); *Xuất diệu kinh* “Niệm phẩm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phẩm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

336. Phóng dật là bụi nhơ, Bụi do phóng dật khởi,
Với mình, không phóng dật, Tự mình rút mũi tên.

§11. KINH RĀHULA (*Rāhulasutta*) (Sn. 58)

[Thế Tôn:]

337. Thường chung sống người hiền, Ông có khinh miệt không?
Người cầm đuốc loài người, Được ông tôn trọng không?

[Rāhula:]

338. Thường chung sống người hiền, Con không có khinh miệt.
Người cầm đuốc loài người, Thường được con tôn trọng.

[Thế Tôn:]

339. Bỏ năm dục trường dưỡng, Khả ái và đẹp ý,
Với lòng tin xuất gia, Hãy trở thành con người,
Làm chấm dứt khổ đau.
340. Thân cận với bạn lành, Sống trú xứ xa vắng,
Viễn ly, không ồn ào, Hãy tiết độ ăn uống.
341. Y áo, đồ khát thực, Vật dụng và sàng tọa,
Chớ có tham ái chúng, Chớ trở lui đời này.
342. Ché ngự trong Giới bốn, Phòng hộ trong năm căn,
Hãy tu tập niệm thân, Sống với nhiều nhàm chán.
343. Hãy từ bỏ tịnh tướng, Hệ lụy với tham ái,
Tu tâm về bất tịnh, Nhất tâm, khéo định tĩnh.
344. Hãy tu tập vô tướng, Bỏ đi mạn, tùy miên,
Do nhiếp phục kiêu mạn, Ông sẽ sống an tịnh.

Như vậy, Thế Tôn thường giáo giới Tôn giả Rāhula với những bài kệ này.

§12. KINH VAṄĠĪSA (*Vaṅgīsasutta*)¹⁵ (Sn. 59)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn sống ở Ālavī, tại điện Aggālava. Lúc bảy giờ, Giáo thọ sư của Tôn giả Vaṅgīsa, tên là Nigrodhakappa, tại điện Aggālava, mạng chung không bao lâu. Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trong khi thiền tịnh độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: “Không biết bậc Giáo thọ sư của ta có hoàn toàn nhập Niết-bàn hay không hoàn toàn nhập Niết-bàn?” Rồi Tôn giả Vaṅgīsa vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Vaṅgīsa bạch Thế Tôn:

¹⁵ Bản PTS viết *Vaṅgīsasutta*. Bản Tích Lan và CST viết *Nigrodhakappasutta*. Xem *Thag.* v. 1209, *Vaṅgisattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Vaṅgīsa).

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi thiên tịnh độc cư, con khởi lên tư tưởng như sau: “Không biết bậc Giáo thọ sư của con có hoàn toàn nhập Niết-bàn hay không hoàn toàn nhập Niết-bàn?”

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và với bài kệ, nói lên với Thế Tôn:

- | | |
|---|--|
| <p>345. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Ai chặt đứt nghi hoặc,
Tại Aggālava,
Có danh vọng, danh xưng,</p> | <p>Bạch Trí Tuệ Tối Thượng,
Ngay trong đời hiện tại?
Tỷ-kheo đã mạng chung,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.</p> |
| <p>346. Nigrodhakappa,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Vị ấy đánh lễ Ngài,
Tinh cần và tinh tấn,</p> | <p>Chính là tên vị ấy,
Cho vị Phạm chí ấy,
Sống tầm cầu giải thoát,
Kiên cố thấy Chánh pháp.</p> |
| <p>347. Bạch Thích-ca, chúng con,
Chúng con đều muốn biết,
An trú tại chúng con,
Ngài, Đạo Sư chúng con,</p> | <p>Đệ tử Ngài tất cả,
Bạch Pháp Nhãn Biến Tri,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài là bậc Vô Thượng.</p> |
| <p>348. Hãy đoạn nghi chúng con,
Đã được tịch tịnh chưa,
Hãy nói giữa chúng con,
Như Thiên chủ Đế-thích,</p> | <p>Cho con biết vị ấy,
Bạch trí tuệ rộng lớn,
Bạch Pháp Nhãn Biến Tri,
Lãnh đạo ngàn chư thiên.</p> |
| <p>349. Phàm những cột gút gì,
Dự phần với vô trí,
Gặp được đức Như Lai,
Mắt này, mắt tối thắng,</p> | <p>Ở đây, đường si ám,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Họ đều không còn nữa,
Giữa cặp mắt loài người.</p> |
| <p>350. Nếu không có người nào,
Như gió thổi tiêu tan,
Màn đen tức bao trùm,
Những bậc có hào quang,</p> | <p>Đoạn trừ các phiền não,
Các tầng mây dưới thấp,
Tất cả toàn thể giới,
Không có thể chói sáng.</p> |
| <p>351. Bạch trí là những vị,
Con xem Ngài như vậy,
Chúng con đều cùng đến,
Giữa hội chúng chúng con,</p> | <p>Tạo ra những ánh sáng,
Ôi! Bạch Trí sáng suốt,
Bạch tu hành thiên quán,
Hãy nói về Kappa!</p> |
| <p>352. Hãy gấp phát tiếng lên,
Như con chim thiên nga,
Phát âm từng tiếng một,
Tất cả bạn chúng con,</p> | <p>Tiếng âm thanh vi diệu,
Giương cổ lên để hát,
Với giọng khéo ngân nga,
Trực tâm nghe lời Ngài.</p> |
| <p>353. Vị đoạn tận sanh tử,
Vị tẩy sạch phiền não,</p> | <p>Không còn chút dư tàn,
Con cầu Ngài thuyết pháp,</p> |

- Kẻ phạm phu không thể,
Bậc Như Lai làm được,
- 354.** Câu trả lời của Ngài,
Được chơn chánh nắm giữ,
Đây chấp tay cuối cùng,
Chớ để con si ám,
- 355.** Sau khi đã được biết.
Chớ để con si ám,
Như vào giữa mùa hè,
Chúng con ngóng trông lời,
- 356.** Kappa sống Phạm hạnh,
Phải chẳng sống như vậy,
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Được giải thoát thế nào,
- 357.** Thế Tôn ở nơi đây,
Vị ấy trên danh sắc,
Dòng đen tối xấu ác
Vượt qua được già, chết,
Thế Tôn nói như vậy,
- [Vaṅgīsa:]
- 358.** Nghe vậy con tịnh tín,
Phật, Ân sĩ thứ bảy.
Không phải là vô ích!
Không có lừa dối con.
- 359.** Nói gì thời làm vậy,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
- 360.** Ôi! Thế Tôn, Kappa,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực thật khó vượt.
- Làm theo điều nó muốn,
Điều được ước định làm.
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Con khéo vái chào Ngài,
Bậc trí tuệ tối cao.
Thánh pháp thượng và hạ,
Bậc tinh tấn tối cao,
Nóng bức khát khao nước,
Hãy mưa sự hiểu biết.
Nếp sống có mục đích,
Là sống không uổng phí?
Hay còn dư tàn lại,
Hãy nói chúng con nghe?
Đã trả lời như vậy:
Đã đoạn tận tham ái,
Đã tiềm ẩn lâu ngày,
Không còn có dư tàn,
Bậc tối thắng năm pháp.¹⁶
- Với lời nói của Ngài,
Và lời hỏi của con,
Và vị Bà-la-môn,
Thật xứng đệ tử Phật,
Của thân chết xảo quyết.
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thế lực của Ma vương,

§13. KINH DU HÀNH CHƠN CHÁNH (*Sammāparibbājanīyasutta*)¹⁷ (Sn. 63)

[Người hỏi:]

- 361.** Tôi hỏi bậc Ân sĩ,
Đã vượt qua bờ kia,
Làm sao một Tỷ-kheo,
Lại có thể chơn chánh,
- Có trí tuệ rộng lớn,
Tịch tịnh, tự an trú,
Bỏ nhà, bỏ các dục,
Du hành ở trên đời?

¹⁶ Xem *Pss. Breth.* 410, n. 4. *Chú giải* đề cập đến 5 căn: Tín, tấn, niệm, định, tuệ; hay 5 phần pháp thân: Giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến.

¹⁷ Xem *Pe.* 23.

362. Thế Tôn đáp như vậy:
 Các sao băng mộng mị,
 Vị ấy đoạn trừ được,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Ai nhỏ lên điềm lành,
 Và các tướng lành dữ,
 Các lỗi lầm, điềm lành,
 Du hành ở trên đời.
363. Tỷ-kheo nhiếp phục tham,
 Tại thiên giới, nhân giới,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Đối với các dục vọng,
 Vượt hữu, chứng tri pháp,
 Du hành ở trên đời.
364. Tỷ-kheo bỏ hai lưỡi,
 Với tùy thuận, chống đối,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Bỏ phần nộ, xan tham,
 Đoạn tận thật hoàn toàn,
 Du hành ở trên đời.
365. Sau khi đã từ bỏ,
 Không chấp thủ một ai,
 Giải thoát được hoàn toàn,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Cả ái và phi ái,
 Không y chỉ chỗ nào,
 Các kiết sử trói buộc,
 Du hành ở trên đời.
366. Ai không tìm bản thể,
 Có thể nhiếp phục tham,
 Vị ấy không y chỉ,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Đối với các sanh y,
 Đối với các chấp thủ,
 Không để ai dắt dẫn,
 Du hành ở trên đời.
367. Với lời và với ý,
 Không chống đối một ai,
 Thường cố gắng hướng đến,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Và với cả nghiệp làm,
 Chơn chánh biết Diệu pháp,
 Đường Niết-bàn tịch tịnh,
 Du hành ở trên đời.
368. Tỷ-kheo không tự cao,
 Dầu có bị nhiếc mắng,
 Được đồ ăn của người,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Khi người đánh lễ mình,
 Không khởi tâm tức tối,
 Không có sự tham đắm,
 Du hành ở trên đời.
369. Tỷ-kheo sau khi đoạn,
 Từ bỏ không làm hại,
 Vị ấy vượt nghi hoặc,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Tham dục và sanh hữu,
 Không trói buộc một ai,
 Đã rút ra mũi tên,
 Du hành ở trên đời.
370. Tỷ-kheo sau khi biết,
 Không làm hại một ai,
 Sau khi đã biết pháp,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Điều thích đáng cho mình,
 Có mặt ở trên đời,
 Như thật như thế nào,
 Du hành ở trên đời.
371. Với ai, các tùy miên,
 Và cội gốc bất thiện,
 Vị ấy không tham dục,
 Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
 Không còn có tồn tại,
 Được nhỏ lên tận trừ,
 Không có hy cầu gì,
 Du hành ở trên đời.

- | | |
|---|--|
| <p>372. Ai đoạn tận lậu hoặc,
Mọi con đường tham dục,
Được nhiếp phục, tịch tịnh,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,</p> <p>373. Có lòng tin, nghe pháp,
Bậc hiền không phe phái,
Có thể nhiếp phục được,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,</p> <p>374. Thanh tịnh và chiến thắng,
Tự tại trong các pháp,
Đoạn diệt các sở hành,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,</p> <p>375. Vượt qua các chủ thuyết,
Trong những thời vị lai,
Vớ tất cả mọi xứ,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,</p> <p>376. Rõ biết được Pháp cú,
Thấy được sự mở rộng,
Đối tất cả sanh y,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,</p> | <p>Đoạn trừ cả kiêu mạn,
Được chế ngự, nhiếp phục,
Tự ngã được an lập,
Du hành ở trên đời.</p> <p>Thấy được quyết định tánh,
Giữa rất nhiều phe phái,
Tham, sân và hận thù,
Du hành ở trên đời.</p> <p>Kéo lên màn che kín,
Đến bờ kia bất động,
Thiện xảo trong chánh trí,
Du hành ở trên đời.</p> <p>Trong những thời quá khứ,
Trí tuệ thật thanh tịnh,
Được hoàn toàn giải thoát,
Du hành ở trên đời.</p> <p>Chứng tri được Chánh pháp,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Được trừ diệt hoàn toàn,
Du hành ở trên đời.</p> |
|---|--|
- [Người hỏi:]
- | | |
|--|---|
| <p>377. Bạch Thế Tôn, chắc chắn,
Tỷ-kheo được chế ngự,
Đã nhiếp phục hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,</p> | <p>Thực sự là như vậy,
Đã an trú như vậy,
Tất cả các kiết sử,
Du hành ở trên đời.</p> |
|--|---|

§14. KINH DHAMMIKA (*Dhammikasutta*) (Sn. 66)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Rồi nam cư sĩ Dhammika đi đến Thế Tôn với năm trăm nam cư sĩ; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Dhammika nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

- | | |
|---|--|
| <p>378. Kính thưa Gotama,
Con xin kính hỏi Ngài,
Vớ vị đệ tử Ngài,
Nếu là vị xuất gia,
Hay là vị có nhà,</p> <p>379. Ngài rõ biết đường đi,
Của thế gian đời này,</p> | <p>Bậc Trí Tuệ Rộng Lớn,
Vấn đề đặc biệt này:
Làm thế nào là thiện?
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống đời nam cư sĩ?</p> <p>Cùng mục đích tối hậu,
Và thế giới chư thiên,</p> |
|---|--|

- Không ai so sánh Ngài,
Chính Ngài được tôn xưng,
380. Ngài biết tất cả trí,
Vì lòng thương từ mẫn,
Ngài mở rộng bức màn,
Không cầu uê, thanh tịnh,
381. Vị vua loài nāga,
Đã đến gần bên Ngài,
Vị ấy tìm đến Ngài,
Sau khi nghe thích thú,
382. Vua Vessavaṇa,
Tìm hiểu, hỏi han Ngài,
Được hỏi, ôi bậc trí,
Sau khi nghe, vị ấy,
383. Các người ngoại đạo này,
Các tà mạng ngoại đạo,
Tất cả không vượt qua,
Như người đang đứng lại,
384. Các Bà-la-môn này,
Có những bậc Phạm chí,
Tất cả đều trói buộc,
Kể cả những hạng người,
385. Pháp này là tế nhị,
Đã được bậc Thế Tôn,
Tất cả mọi hạng người,
Được hỏi, hãy nói lên,
386. Các vị Tỷ-kheo này,
Kể cả nam cư sĩ,
Hãy để họ nghe pháp,
Như chư thiên nghe lời,
- [Thế Tôn:]
387. Tỷ-kheo hãy nghe Ta,
Pháp đoạn trừ điều ác,
Với ai thấy ý nghĩa,
Hãy sống theo chánh hạnh,
388. Tỷ-kheo chớ ra ngoài,
Hãy vào làng khất thực,
Ai đi đứng phi thời,
Do vậy các đức Phật,
- Bậc thấy nghĩa thù diêu,
Là đức Phật thù thắng.
Ngài trình bày Chánh pháp,
Đối với mọi chúng sanh,
Bậc Có Mắt mọi nơi,
Ngài chói toàn thể giới.
Tên Erāvaṇa,
Được nghe: Ngài Chiến Thắng.
Để nghe lời khuyên nhủ,
Nói lên lời: Lành thay!
Kuvera đến Ngài,
Về vấn đề Diệu pháp,
Đã giải đáp cho vua!
Cũng thích thú, hoan hỷ.
Ưu luận tranh, khẩu chiến,
Hay các Ni-kiền-tử,
Hơn thắng trí của Ngài,
Không thắng kẻ đi mau.
Ưu luận tranh, khẩu chiến,
Đã đến tuổi trưởng thượng,
Bởi tư tưởng của Ngài,
Tự phụ, nói khoe khoang.
Đem lại nguồn an lạc,
Khéo nói, khéo thuyết giảng,
Điều thích thú ưa nghe,
Ôi, đức Phật tối thượng.
Đang ngồi đây tất cả,
Tất cả đều chờ nghe,
Bậc Vô Uế, Giác Ngộ,
Vāsava khéo nói!
Ta cho các ông nghe,
Tất cả hãy thọ trì,
Nghĩ ngợi có suy tư,
Thích hợp với xuất gia.
Trong thời gian phi thời,
Đúng thời thì hãy đi,
Bị bấy sập trói buộc,
Không có đi phi thời.

389. Các sắc và các tiếng,
Chính những loại pháp ấy,
Hãy nhiếp phục lòng dục,
Hãy vào cho đúng thời,
390. Tỷ-kheo được đúng thời,
Hãy đi về một mình,
Suy tư hướng nội tâm,
Làm cho thoát ra khỏi,
391. Nếu vị ấy có nói,
Hay nói với một vị,
Hãy nói cho vị ấy,
Không có nói hai lưỡi,
392. Nhưng có những hạng người,
Những hạng người tuệ nhỏ,
Triền phược trói buộc họ,
Ở đây, họ dẫn tâm,
393. Đồ khát thực, tinh xá,
Nước để trừ bụi nhớp,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Bậc đệ tử thắng tuệ,
394. Do vậy đồ khát thực,
Nước để trừ bụi nhớp,
Đối với những pháp ấy,
Tỷ-kheo như giọt nước,
395. Trách nhiệm của gia chủ,
Làm theo đúng như vậy,
Pháp Tỷ-kheo toàn diện,
Vì là người gia chủ,
396. Chớ giết loài hữu tình,
Hay chấp nhận kẻ khác,
Đối với mọi sanh loại,
Đối với kẻ mạnh bạo,
397. Rồi hãy quyết từ bỏ,
Đệ tử khéo sáng suốt,
Chớ khiến người khác lấy,
Hãy từ bỏ, chấm dứt,
398. Hãy từ bỏ, tránh xa,
Như bậc trí tránh né,
- Các vị, hương và xúc,
Làm mê hoặc chúng sanh,
Đối với các pháp ấy,
Để dùng bữa ăn sáng.
- Các đồ ăn khát thực,
Ngồi tại chỗ an tịnh,
Ý không chạy ra ngoài,
Mọi chấp thủ tự ngã.
- Với một vị đệ tử,
Một Tỷ-kheo nào khác,
Sự thù diệu Chánh pháp,
Không bài xích một ai.
- Chống đối lại lời ấy,
Chúng ta không tán thán,
Từ chỗ này chỗ kia,
Đưa tâm đi quá xa.
- Cùng sàng tọa, trú xứ,
Y áo Tăng-già-lê,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Quán sát, hãy dùng chúng.
- Sàng tọa và trú xứ,
Y áo Tăng-già-lê,
Đừng để cho dính nhiễm,
Không dính trên lá sen.
- Ta cũng nói các ông,
Đệ tử là tốt lành,
Khó thành tựu đầy đủ,
Phải làm nhiều việc đời.
- Chớ bảo người giết hại,
Giết hại các người khác,
Từ bỏ các hình phạt,
Như đối kẻ run sợ.
- Lấy của không được cho,
Vật gì, vật của ai,
Chớ chấp nhận lấy trộm,
Mọi của cải không cho.
- Đời sống phi Phạm hạnh,
Lửa cháy hố than hừng.

- Nếu tự mình bắt lực,
Thời chó có xâm phạm,
399. Khi đi đến hội chúng,
Hay một mình, một người,
Chớ khiến người nói láo,
Tất cả điều không thật,
400. Chớ sống theo nếp sống,
Vớ vị là cư sĩ,
Chớ khiến người uống rượu,
Sau khi biết uống rượu,
401. Chỉ kẻ ngu say rượu,
Và khiến các người khác,
Hãy từ bỏ, tránh xa,
Khiến điên cuồng, si mê,
402. Chớ có giết hữu tình,
Chớ nói láo không thật,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Không có ăn ban đêm,
403. Chớ mang các vòng hoa,
Hãy nằm trên mặt đất,
Tám hạnh này được gọi,
Do đức Phật giảng dạy,
404. Từ nay, ngày trai giới,
Ngày mười bốn, mười lăm,
Và các ngày đặc biệt,
Gồm có đủ tám phần,
405. Do vậy vào buổi sáng,
Bậc có trí sáng suốt,
Vớ tâm ý tùy hỷ,
Vớ món ăn đồ uống,
406. Hãy nuôi dưỡng mẹ cha,
Và cũng đúng vớ pháp,
Người gia chủ như vậy,
Được sanh làm thiên nhân,
- Không thể sống Phạm hạnh,
Vợ của các người khác.
Hay đi đến đoàn chúng,
Chớ nói lời nói láo,
Chớ chấp nhận nói láo,
Hãy tránh xa, từ bỏ.
Uống rượu và say rượu,
Đã chấp nhận pháp này,
Chớ chấp thuận uống rượu,
Cuối đường là điên cuồng.
Mới làm các điều ác,
Sống buông lung, phóng dật,
Xử phi công đức này,
Làm kẻ ngu thỏa thích.
Chớ lấy của không cho,
Chớ uống rượu say mê,
Không hành trì dâm dục,
Không ăn lúc phi thời.
Chớ dùng các nước thơm,
Trên thảm chiếu trải dài,
Là hạnh ngày trai giới,
Để chấm dứt khổ đau.
Chia nửa tháng hai phần,
Hay ngày tám mỗi tháng,
Vớ tâm ý tịnh tín,
Khéo đầy đủ vẹn toàn.
Thực hành ngày trai giới,
Vớ tâm tư tín thành,
Cúng dường Tỷ-kheo Tăng,
Hợp vớ khả năng mình.
Hợp pháp và đúng pháp,
Hãy làm nghề buôn bán,
Sở hành không phóng dật,
Tên là “Tự chói sáng.”

III. PHẨM LỚN (MAHĀVAGGA)

§1. KINH XUẤT GIA (*Pabbajjāsutta*) (Sn. 72)

[Ānanda:]

- | | | |
|------|--|--|
| 407. | Xuất gia, tôi tán thán,
Sau khi Ngài quán sát, | Như Pháp Nhãn xuất gia,
Chấp thuận hạnh xuất gia. |
| 408. | Trói buộc sống gia đình,
Phóng khoáng đời xuất gia, | Tự hội mọi bụi đời,
Thấy vậy nên xuất gia. |
| 409. | Sau khi Ngài xuất gia,
Từ bỏ lời nói ác, | Thân ác nghiệp Ngài tránh,
Mạng sống Ngài thanh tịnh. |
| 410. | Phật đi đến Vương Xá,
Tại nước Ma-kiệt-đà,
Thể hiện thật đầy đủ, | Đến chỗ núi bao vây,
Ngài sống hạnh khát sĩ,
Các tướng tốt quang minh. |
| 411. | Đứng trên sân lầu thượng,
Có đầy đủ tướng tốt, | Bình-sa vương thấy Ngài,
Bèn nói lên lời này: |
| 412. | “Các ông hãy quan sát,
Thành tựu với hạnh đức, | Người đẹp, lớn, thanh tịnh,
Chỉ nhìn vừa một tâm. |
| 413. | Mắt nhìn xuống, chánh niệm,
Hãy cho sứ giả theo, | Gia đình không hạ tiện,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu?” |
| 414. | Được sai, sứ giả ấy,
Tỷ-kheo sẽ đi đâu? | Đi theo sau lưng Ngài,
Trú xứ sẽ chỗ nào? |
| 415. | Khất thực từng nhà một,
Bình bát được mau đầy, | Căn hộ trì, chế ngự,
Tỉnh giác và chánh niệm. |
| 416. | Sau khi đi khất thực,
Lên núi Paṇḍava, | Ăn sĩ ra khỏi thành,
Sẽ trú xứ tại đây. |
| 417. | Thấy vị ấy đến chỗ,
Còn một vị đi về, | Các sứ giả ngồi chờ,
Kể lại chuyện vua hay: |
| 418. | “Đại vương, Tỷ-kheo ấy,
Ngồi như cọp, bò chúa, | Phía Đông Paṇḍava,
Như sư tử trong hang.” |
| 419. | Nghe sứ giả, đức vua
Vội vàng ra khỏi thành, | Với cỗ xe thù thắng,
Đi đến Paṇḍava. |

- | | |
|--|---|
| 420. Đi được vua đi xe,
Đức vua tiến lại gần, | Rồi xuống xe đi bộ,
Và vào chỗ Ngài ở. |
| 421. Ngồi xuống, vua nói lên,
Lời lễ chào đón xong, | Lời hỏi thăm chào đón,
Vua nói lên nghĩa này. |
| 422. Người thanh niên tuổi trẻ,
Đẹp cao được đầy đủ, | Ngây thơ bước vào đời,
Thiện sanh dòng Sát-ly. |
| 423. Nếu dẫn đầu tượng binh,
Tài sản ta cho Người,
Về vấn đề thọ sanh. | Dàn trận thật uy nghi,
Hãy hưởng và trả lời, |

[Thế Tôn:]

- | | |
|---|--|
| 424. Ngay sườn núi Tuyết sơn,
Tài sản, nghị lực đủ, | Có dân tộc đang sống,
Ở xứ Kosala. |
| 425. Dòng họ thuộc Mặt Trời,
Từ bỏ gia tộc ấy,
Ta không có tha thiết, | Sanh tộc là Thích-ca,
Thừa vua, Ta xuất gia,
Đối với các loại dục. |
| 426. Thấy nguy hiểm trong dục,
Ta sẽ đi, tinh tấn, | Bỏ chúng là an ổn,
Ý Ta được hoan hỷ. |

§2. KINH TINH CẦN (*Padhānasutta*)¹ (Sn. 74)

[Thế Tôn:]

- | | |
|---|--|
| 427. Bên sông Ni-liên-thiền,
Cố gắng, Ta thiền định, | Ta tinh cần tinh tấn,
An ổn khỏi khổ ách. |
| 428. Ác ma đến gần Ta,
“Ông ốm, không dung sắc, | Nói lên lời từ mãn:
Ông đã gần chết rồi. |
| 429. Cả ngàn phần ông chết,
Hãy sống, sống tốt hơn, | Chỉ một phần còn sống,
Sẽ làm các công đức. |
| 430. Như ông sống Phạm hạnh,
Hãy chất chứa công đức, | Hãy đốt lửa tế tự,
Ông tinh tấn làm gì? |
| 431. Khó vượt đường tinh tấn!
Ác ma đứng gần Phật, | Khó làm, khó đạt được!”
Nói lên những kệ này. |
| 432. Thế Tôn đã đáp lại
Bà con ác, phóng dật, | Lời Ác ma như sau:
Người đến đây làm gì? |
| 433. Với công đức nhỏ bé,
Với ai cần công đức, | Ta đâu có cần đến,
Ác ma nên nói chúng. |

¹ Xem S. I. 122, *Ṣaṭṭavassānubandhasutta* (Kinh Bảy năm đi theo); MNid. 160, *Pasūrasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Pasūra); MNid. 304, *Mahābyūhasuttaniddeso* (Diễn giải kinh những vấn đề to lớn); CNid. 26, *Nandamānavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Nanda).

434. Đây có tín, tinh tấn,
Như vậy chuyên tâm tu,
435. Gió này làm khô cạn,
Làm sao khô cạn máu,
436. Dầu máu có khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Ta lại càng vững trú,
437. Do Ta sống như vậy,
Tâm không cầu các dục,
438. Dục, đời quân thứ nhất,
Thứ ba, đói và khát,
439. Năm, hôn trầm thụy miên,
Thứ bảy gọi nghỉ ngơi,
440. Lợi danh và cung kính,
Ai tự đề cao mình,
441. Ôi, này Namuci,
Đây quân đội chiến trận,
Kẻ nhất không thắng người,
442. Ta mang cỏ muñja,²
Thà Ta chết chiến trận,
443. Bị thấy đắm ở đây,
Không biết được con đường,
444. Thấy khắp quân đội dàn,
Ta bước vào chiến trận,
445. Đội ngũ quân nhà người,
Không một ai thắng nổi,
Như hòn đá dập nát,
446. Nhiếp phục được tâm tư,
Ta sẽ đi bộ hành,
Để huấn luyện rộng rãi,
447. Không phóng dật, tinh cần,
Dầu người không muốn vậy,
Chỗ nào họ đi tới,
[Ác ma:]
448. Bảy năm, ta bước theo,
Không tìm được lỗi lầm,
Và Ta có trí tuệ,
Sao người hỏi Ta sống?
Cho đến các dòng sông,
Khi Ta chuyên tâm tu?
Mật, đàm Ta khô cạn,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Niệm, tuệ và định lực.
Đạt được thọ tối thượng,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.
Thứ hai gọi bất lạc,
Thứ tư gọi tham ái.
Thứ sáu gọi sợ hãi,
Tám gièm pha, ngoan cố.
Danh vọng được tà vạy,
Hủy báng các người khác.
Đây là quân đội người,
Của dòng họ Kaṇha,
Ai thắng người được lạc.
Vững thay đây đời sống,
Tốt hơn sống thất bại.
Số Sa-môn, Phạm chí,
Bậc giới đức thường đi.
Ác ma trên lưng voi,
Không để ai chiếm đoạt.
Đời này và chư thiên,
Ta đến người với tuệ,
Chiếc bát chưa nung chín.
Khéo an trú chánh niệm,
Nước này qua nước khác,
Cho những người đệ tử.
Họ hành lời Ta dạy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.
Chân theo chân Thế Tôn,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

² Mang vòng cỏ muñja có nghĩa là phát nguyện.

- | | |
|---|---|
| <p>449. Như quạ bay xung quanh,
Có thể có gì mềm?</p> <p>450. Không tìm được gì ngọt,
Như quạ mổ hòn đá,</p> <p>451. Bị sâu muộn chi phổi,
Kẻ dạ-xoa ác ý,</p> | <p>Hòn đá như đồng mờ,
Có thể có gì ngọt?</p> <p>Quạ từ đó bay đi,
Ta bỏ Gotama.</p> <p>Cây đàn rơi khỏi nách,
Tại đây liền biến mất.</p> |
|---|---|

§3. KINH KHÉO THUYẾT (*Subhāsitasutta*)³ (Sn. 78)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anāthapiṇḍika. Rồi đức Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo.

Các Tỷ-kheo vâng đáp đức Thế Tôn:

– Bạch Ngài.

Thế Tôn nói như sau:

– Thành tựu bốn chi phần, này các Tỷ-kheo, lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách. Thế nào là bốn? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chỉ nói lời khéo nói, không nói lời vụng nói; chỉ nói lời đúng pháp, không nói lời phi pháp; chỉ nói lời khả ái, không nói lời phi khả ái; chỉ nói lời đúng sự thật, không nói lời không đúng sự thật. Thành tựu bốn chi phần này, này các Tỷ-kheo, là lời nói được khéo nói, không phải vụng nói, không có lỗi lầm, không bị người trí quở trách.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ thuyết như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau:

- | | |
|---|--|
| <p>452. Bậc Thiện Nhân nói lên,
Thứ hai, nói đúng pháp,
Thứ ba, nói khả ái,
Thứ tư, nói chơn thật,</p> | <p>Lời khéo nói tối thượng,
Không nói lời phi pháp,
Không nói phi khả ái,
Không nói không chơn thật.</p> |
|---|--|

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Ý nghĩ này đến với con, bạch Thiện Thệ.

– Hãy nói lên ý kiến ấy, này Vaṅgīsa!

Rồi Tôn giả Vaṅgīsa, trước mặt Thế Tôn, nói lên lời tán thán với những bài kệ thích ứng:

³ Tham chiếu: S. I. 188, *Subhāsitasutta* (Kinh Khéo nói); *Thag.* v. 1209; *Pe.* 60; *Tạp. 雜* (T.02. 0099.1218. 0332a08); *Biệt Tạp. 別雜* (T.02. 0100.253. 0462b19); *Pháp cú kinh* “Đạo-lợi phẩm” 法句經道利品 (T.04. 0210.38. 0574b16); *Xuất diệu kinh* “Phi báng phẩm” 出曜經誹謗品 (T.04. 0212.9. 0663c18); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ngữ ngôn phẩm” 法集要頌經語言品 (T.04. 0213.8. 0781b03).

[Vaṅgīsa:]

- | | |
|--|---|
| <p>453. Hãy nói lên lời nói,
Không làm hại người khác,</p> <p>454. Hãy nói lời khả ái,
Không mang theo ác hại,</p> <p>455. Chon thật lời bất tử,
Họ nói bậc Thiện Nhân,
Trên mục đích, trên pháp.</p> <p>456. Lời gì đức Phật nói,
Đoạn tận các khổ đau,</p> | <p>Không thiêu đốt tự ngã,
Lời nói ấy khéo nói.</p> <p>Nói lời khiến hoan hỷ,
Khiến người khác ưa thích.</p> <p>Đây thường pháp là vậy,
An trú trên chon thật,</p> <p>An ổn đạt Niết-bàn,
Đầy lời nói tối thượng.</p> |
|--|---|

§4. KINH SUNDARIKA BHĀRADVĀJA

(*Sundarikabhāradvājasutta*)⁴ (Sn. 79)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở phía dân chúng Kosala, trên bờ sông Sundarikā. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đốt lửa thiêu trên bờ sông Sundarikā và đang cử hành các lễ tế lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja, sau khi đốt lửa thiêu, sau khi cử hành các lễ tế lửa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bốn phương, nghĩ rằng: “Ai có thể ăn đồ ăn còn lại của lễ tế tự này?”

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, phủ y kín đầu; thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nên lấy y xuống. Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja nghĩ rằng: “Người này đầu trọc! Người này là kẻ trọc đầu!” và muốn đi trở lại. Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja suy nghĩ: “Ở đây, cũng có một số Bà-la-môn trọc đầu. Vậy ta hãy đi đến vị này và hỏi về thọ sanh.” Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn:

– Thọ sanh của Tôn giả là thế nào?

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja những bài kệ:

- | | |
|---|--|
| <p>457. Ta không phải Phạm chí,
Cũng không phải buôn bán,
Do liễu tri giai cấp,
Ta, bậc trí ở đời,</p> <p>458. Mặc y Tăng-già-lê,
Với tóc được cạo sạch,
Ở đời Ta không nhiễm,
Không thích hợp ông hỏi,</p> | <p>Cũng không phải con vua,
Không phải là ai hết.
Của các hàng phàm phu,
Bộ hành không sở hữu.</p> <p>Ta sống không gia đình,
Tự ngã được an tịnh,
Với các thiếu niên nào,
Hỏi Ta về thọ sanh.</p> |
|---|--|

⁴ Xem S. I. 167, *Sundarikasutta* (Kinh Sundarika).

[Bà-la-môn:]

459. Thật sự thưa Tôn giả,
Thường hỏi Bà-la-môn,

[Thế Tôn:]

460. Nếu ông nói lên rằng:
Và nếu ông hỏi Ta,
Vậy Ta sẽ hỏi ông,
Gồm có mười hai câu,

[Bà-la-môn:]

461. Do y tựa vào gì,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Cho các hàng chư thiên,

[Thế Tôn:]

462. Vị nào đạt cứu cánh,
Trong lễ tế đàn này,
Ta tuyên bố nói rằng,

[Bà-la-môn:]

463. Chắc chắn tế đàn ấy,
Vì chúng ta thấy được,
Nếu chúng ta không thấy,
Một người khác thọ hưởng,

[Thế Tôn:]

464. Vì vậy, này Phạm chí,
Với mục đích rõ ràng,
Ông có thể tìm được,
An tịnh, không sân hận,

[Bà-la-môn:]

465. Tôi vui trong tế đàn,
Tôi tha thiết ao ước,
Nhưng tôi không được biết,
Hãy nói lên cho tôi,

[Thế Tôn:]

Vậy này Bà-la-môn,
Ta nay sẽ vì ông,
466. Chớ hỏi về thọ sanh,
Thật vậy, từ củi gỗ,

Các vị Bà-la-môn,
Có phải người Phạm chí?

Ông là Bà-la-môn,
Không phải Bà-la-môn,
Về Sāvitti⁵ này,
Và hai mươi bốn chữ.

Các ẩn sĩ, loài người,
Đã tổ chức tế đàn,
Rộng rãi trong đời này?

Vị nào hiểu Vệ-đà,
Thọ hưởng đồ cúng dường,
Lễ ấy được tăng thịnh.

Cúng dường được tăng thịnh.
Vị am hiểu Vệ-đà,
Được một người như ông,
Đồ cúng dường tế đàn.

Đến Ta vì cần thiết,
Vậy nay ông hãy hỏi,
Một bậc trí ở đây,
Không khổ, không tầm cầu?

Tôn giả Gotama,
Được cúng dường tế đàn,
Tôn giả hãy dạy tôi,
Chỗ cúng dường tăng thịnh.

Hãy lắng tai mà nghe,
Tuyên thuyết pháp vi diệu.
Hãy hỏi về hạnh đức,
Một ngọn lửa được sanh,

⁵ Đây chỉ cho 3 quy y, 12 câu, 24 chữ.

- Từ gia đình thấp kém,
Được huấn luyện thuần thực,
467. Được chơn thật huấn luyện,
Bậc đạt đến hiểu biết,
Hãy đứng thời cúng dường,
Vạy vị Phạm chí nào,
Hãy tổ chức tế đàn,
468. Những vị nào bỏ dục,
Khéo chế ngự, nhiếp phục,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy tổ chức tế đàn,
469. Những vị đã ly tham,
Nhu trắng được giải thoát,
Hãy đứng thời cúng dường,
Vạy vị Phạm hạnh nào,
Hãy tổ chức tế đàn,
470. Không tham dính vật gì,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Hãy đứng thời cúng dường,
Vạy vị Phạm chí nào,
Hãy tổ chức tế đàn,
471. Ai từ bỏ các dục,
Ai biết sự chấm dứt,
Tịch tịnh và mát lạnh,
Nhu Lai thật xứng đáng,
472. Đồng với bậc đồng đẳng,
Nhu Lai chứng đạt được,
Không bị dính uế nhiễm,
Nhu Lai thật xứng đáng,
473. Trong ai không man trá,
Ai không có tham dục,
Phần nộ được đoạn trừ,
Vị Bà-la-môn ấy,
Nhu Lai thật xứng đáng,
474. Ai đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn có nắm giữ,
- Bậc ẩn sĩ có trí,
Ngăn ngừa tội nhờ tâm.
Được nhiếp phục, chế ngự,
Phạm hạnh được viên thành,
Đồ cúng dường vị ấy,
Muốn nguyện cầu công đức,
Vớی cúng dường như vậy.
- Du hành không gia đình,
Nhu con thoi trực chỉ,
Đứng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy,
Vớی cúng dường như vậy.
- Các căn khéo định tĩnh,
Khỏi nanh vuốt Rāhu,
Đồ cúng dường vị ấy,
Muốn nguyện cầu công đức,
Vớی cúng dường như vậy.
- Họ du hành ở đời,
Từ bỏ ngã, sở kiến,
Đồ cúng dường vị ấy,
Muốn cầu nguyện công đức,
Vớی cúng dường như vậy.
- Hành trì tự nhiếp phục,
Của sanh và sự chết,
Mát lạnh như nước hồ,
Đồ cúng dường tế tự.
- Cách xa người không đồng,
Trí tuệ không giới hạn,
Đời này hay đời sau,
Đồ cúng dường tế tự.
- Không sống với kiêu mạn,
Không của ta, không cầu,
Tự ngã thật tịch tịnh,
Cầu uế, sâu muộn đoạn,
Đồ cúng dường tế tự.
- Mọi trú xứ của ý,
Sự vật gì ở đời,

- Không còn có chấp thủ,
Như Lai thật xứng đáng,
475. Tâm ai thật định tĩnh,
Rõ biết được Chánh pháp,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Như Lai thật xứng đáng,
476. Với ai các hữu lậu,
Được đoạn tận chấm dứt,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Như Lai thật xứng đáng,
477. Giữa những người nhiễm trước,
Giữa chúng sanh kiêu mạn,
Liễu tri được đau khổ,
Như Lai thật xứng đáng,
478. Không dựa vào ước vọng,
Vượt qua sự hiểu biết,
Đối với mọi sở duyên,
Như Lai thật xứng đáng,
479. Vị ấy chứng tri được,
Được đoạn trừ, chấm dứt,
An tịnh không chấp thủ,
Như Lai thật xứng đáng,
480. Thấy được sự đoạn tận,
Trừ được đường tham dục,
Thanh tịnh, không lỗi lầm,
Như Lai thật xứng đáng,
481. Vị không thấy tự ngã,
Định tâm và chánh trực,
Vị ấy không có dục,
Như Lai thật xứng đáng,
482. Với vị không còn nữa,
Biết rõ và thấy rõ,
Và mang nặng thân này,
Chứng đạt Chánh đẳng giác,
Đạt cho đến như vậy,
Như Lai thật xứng đáng,
- Đời này hay đời sau,
Đồ cúng dường tế tự.⁶
Vượt khỏi được bộc lưu,
Với tri kiến tối thượng,
Mang thân này tối hậu,
Đồ cúng dường tế tự.
Và lời nói thô ác,
Không còn có tồn tại,
Giải thoát mọi khía cạnh,
Đồ cúng dường tế tự.
Vị ấy không nhiễm trước,
Vị ấy không kiêu mạn,
Cả nền tảng, nơi sanh,
Đồ cúng dường tế tự.
Vị ấy thấy viễn ly,
Cùng tri kiến người khác,
Vị ấy đều không có,
Đồ cúng dường tế tự.
Các pháp gần hay xa,
Không còn có hiện hữu,
Được hoàn toàn giải thoát,
Đồ cúng dường tế tự.
Sanh diệt các kiết sử,
Không còn lại dư tàn,
Không cấu uế, không nhiễm,
Đồ cúng dường tế tự.
Nơi bản thân của mình,
Kiên trì không dao động,
Không cứng cỏi, phân vân,
Đồ cúng dường tế tự.
Nguyên nhân của si mê,
Đối với hết thấy pháp,
Thân này, thân cuối cùng,
Sự an ủi vô thượng,
Bậc tâm thể thanh tịnh,
Đồ cúng dường tế tự.

⁶ Tham chiếu: *Ud. 28, Pilindavacchasutta (Kinh Pilindavaccha); Miln. 228, Gāthābhigītābhōjanakathāpañha (Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ); Xuất diệu kinh “Phạm chí phẩm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); Pháp tập yếu tụng kinh “Phạm chí phẩm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).*

[Bà-la-môn:]

483. Đây đồ con cúng dường,
Con đã tìm thấy được,
Phạm thiên hãy chứng giám,
Thế Tôn hãy thọ hưởng,

Đồ cúng dường chơn thật,
Bậc trí đức như vậy,
Thế Tôn hãy chấp nhận,
Đồ cúng dường của con.

[Thế Tôn:]

484. Ta không có thọ dụng,
Hỡi này Bà-la-môn,
Của những người có trí,
Ca hát các bài kệ,
Hỡi này Bà-la-môn,
485. Ông cần phải cúng dường,
Bậc Đại sĩ toàn vẹn,
Đã đoạn tận trạo hối,
Ngài chính là thừa ruộng,

Đồ ăn từ kệ tụng,
Đây không phải là pháp,
Chư Phật đều từ bỏ,
Chỗ nào pháp an trú,
Đây chính là truyền thống.
Đồ ăn, đồ uống khác,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Không còn bị dao động,
Cho người cầu công đức.⁷

[Bà-la-môn:]

486. Thế Tôn, con muốn biết,
Ai có thể hưởng thọ,
Trong khi lễ tế đàn,
Lời Ngài dạy thế nào,

Người có tin như con,
Đồ cúng dường của con,
Con phải tìm đến ai?
Con sẽ đạt cho được.

[Thế Tôn:]

487. Với ai không xông xáo,
Giải thoát khỏi các dục,
488. Rành giới hạn, kỷ cương,
Ẩn sĩ đầy đủ tuệ,
489. Nhiếp phục kiêu ngạo xong,
Cúng dường đồ ăn uống,

Với ai tâm không động,
Với ai bỏ hôn trầm.
Thiện xảo trong sanh tử,
Đã đến lễ tế đàn.
Hãy chấp tay đánh lễ,
Cúng dường vậy tăng trưởng.

[Bà-la-môn:]

490. Ngài là bậc Giác Ngộ,
Ngài là ruộng phước đức,
Vị tiếp nhận cúng dường,
Cúng dường cho Tôn giả,

Xứng đáng được cúng dường,
Vô thượng không gì hơn,
Xứng đáng toàn thể giới,
Kết quả thật to lớn.

Rồi Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama!
Thừa Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống,

⁷ Kệ 485-86, xem Sn. 12, *Kasibhāradvājasutta* (Kinh *Kasibhāradvāja*); S. I. 166, *Aggikasutta* (Kinh *Người thờ lửa*); S. I. 167, *Sundarikasutta* (Kinh *Sundarika*); S. I. 172, *Kasibhāradvājasutta* (Kinh *Kasibhāradvāja*); Ud. 28, *Pilindavacchasutta* (Kinh *Pilindavaccha*); Miln. 228, *Gāthābhigītābhojanakathāpaṇḥo* (Câu hỏi giảng về vật thực do việc ngâm nga các bài kệ).

phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hãy cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama! Hãy cho con thọ Đại giới!

Và Bà-la-môn Sundarika Bhāradvāja... trở thành một vị A-la-hán.

§5. KINH MĀGHA (*Māghasutta*) (Sn. 86)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Gijjhakūṭa. Rồi thanh niên Māgha đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Māgha bạch Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, con là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu. Con tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thân hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, con cho một người, con cho hai người, con cho ba người, con cho bốn người, con cho năm người, con cho sáu người, con cho bảy người, con cho tám người, con cho chín người, con cho mười người, con cho hai mươi người, con cho ba mươi người, con cho bốn mươi người, con cho năm mươi người, con cho một trăm người, con cho nhiều hơn nữa. Thưa Tôn giả Gotama, con cho như vậy, con bố thí như vậy, con có được nhiều phước đức không?

– Nay thanh niên, con cho như vậy, con bố thí như vậy, con được nhiều phước đức. Nay thanh niên, ai là người bố thí, là người thí chủ rộng rãi, sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu; ai tầm cầu tài sản đúng pháp, sau khi tầm cầu tài sản đúng pháp, với những tài sản thân hoạch đúng pháp, tạo dựng đúng pháp, người ấy cho một người... cho một trăm người, cho nhiều hơn nữa, người ấy được nhiều công đức.

Rồi thanh niên Māgha nói lên với Thế Tôn những bài kệ:

491.	Tôn giả Gotama, Mặc cà-sa, không nhà, Một thí chủ, gia chủ, Mong muốn được phước đức, Ở đây thí người khác, Tại đâu nên bố thí,	Con hỏi bậc Hiền Hòa, Bậc đang du hành, rằng: Ai xin gì cũng cho, Bố thí mong cầu phước, Đồ ăn và đồ uống, Để đồ cúng được tịnh?
-------------	--	---

[Thế Tôn:]

492.	Này thanh niên Māgha, Ai xin gì cũng cho, Bố thí mong cầu phước,	Một thí chủ, gia chủ, Mong muốn được phước đức, Ở đây thí người khác,
-------------	--	---

Đồ ăn và đồ uống,
Người xứng đáng cúng dường.

[Māgha:]

493. Tôn giả Gotama,
Ai xin gì cũng cho,
Bồ thí mong cầu phước,
Đồ ăn và đồ uống,
Nên cúng dường cho ai?

[Thế Tôn:]

494. Ai du hành ở đời,
Hoàn toàn không sở hữu,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
495. Những ai đã chặt đứt,
Nhiếp phục được giải thoát,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
496. Những ai đã giải thoát,
Nhiếp phục được giải thoát,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
497. Vị nào đã đoạn tận,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
498. Ai sống không man trá,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
499. Những ai sống không tham,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
500. Ai thật không hệ lụy,
Vượt khỏi được bực lưu,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
501. Với ai không tham ái,
Không ái hữu, phi hữu.

Người ấy cần phải thí,

Một thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
Ở đây thí người khác,
Thế Tôn hãy nói con,

Thật sự không nhiễm trước,
Tự ngã được nhiếp phục,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Mọi kiết sử trói buộc,
Không khổ, không mong cầu,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Mọi kiết sử trói buộc,
Không khổ, không mong cầu,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Tham, sân và cả si,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Và không có kiêu mạn,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Không ngã sở, không cầu,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Không rơi vào tham ái,
Du hành, không ngã sở.
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Một vật gì ở đời,
Đời này hay đời sau,

- Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 502.** Những ai từ bỏ dục,
Khéo léo biết chế ngự,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 503.** Những ai ly tham ái,
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 504.** Những ai được an tịnh,
Sau khi bỏ đời này,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 505.** Đoạn sanh tử đã xong,
Nghỉ ngơi và phân vân,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 506.** Những ai sống ở đời,
Không có vật sở hữu,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 507.** Những ai ngay đời này,
Đây đời sống cuối cùng,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- 508.** Ai đạt tuệ tối thượng,
Đạt được sự giác ngộ,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
- [Māgha:]
- 509.** Thật sự câu con hỏi,
Thế Tôn nói cho con,
Ở đây, Ngài đã biết,
Như vậy chính là pháp,
- 510.** Rồi thanh niên Māgha,
Một thí chủ, gia chủ,
Mong muốn được phước đức,
- Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Sống không có gia đình,
Như con thoi chính trực,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Các căn khéo định tĩnh,
Nanh vuốt của Rāhu,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Ly tham, ly phần nộ,
Không còn có sanh thú,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Không còn chút dư tàn,
Tất cả được nhiếp phục,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Tự mình làm hòn đảo,
Giải thoát được trọn vẹn,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Như thật rõ biết được,
Không còn có tái sanh,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Ưu thiên, giữ chánh niệm,
Chỗ quy ngưỡng nhiều người,
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy bố thí như vậy.
Không trông không, vô ích,
Những ai đáng cúng dường;
Sự thật như thế nào,
Ngài được biết như vậy.
Lại thừa thêm như sau:
Ai xin gì cũng cho,
Bố thí mong cầu phước,

- Ở đây thí người khác,
Thế Tôn hãy nói con,
- 511.** Thế Tôn nói Māgha:
Phải làm cho trong sạch,
Đối người lễ tế đàn,
Hãy an trú ở đây,
- 512.** Vị ấy đoạn tận tham,
Tu tập tâm từ bi,
Với hạnh không phóng dật,
Cùng khắp mọi phương hướng,
- Đồ ăn và đồ uống,
Pháp tế tự hoàn hảo.
Hãy tế đàn, tế tự,
Hoàn toàn mọi tâm tư,
Đối tượng là đồ cúng,
Từ bỏ sự sân hận.
Nhiếp phục cả sân hận,
Vô lượng khắp tất cả,
Ngày đêm luôn tu tập,
Biến mãn vô lượng tâm.
- [Māgha:]
- 513.** Ai trong sạch, giải thoát,
Ai với tự thân mình,
Vì không biết, con hỏi,
Mong Thế Tôn chứng giám,
Con được thấy Phạm thiên!
Thật sự Ngài ngang bằng,
Ôi! Bạc chói hào quang,
Lên cảnh giới Phạm thiên?
- 514.** Thế Tôn đáp Māgha:
Đầy đủ cả ba phần,
Với những người được cúng,
Tế đàn như vậy xong,
Ta nói vị ấy sanh,
- Ai còn bị trói buộc,
Đi đến Phạm thiên giới?
Hãy nói lên, Ân sĩ!
Cho con ngày hôm nay,
Ngài đối với chúng con,
Với Phạm thiên không khác.
Làm thế nào được sanh,
Ai tổ chức tế đàn,
Tế đàn ấy hoàn hảo,
Xứng đáng được cúng dường,
Chon chánh ứng đủ cầu,
Tại cảnh giới Phạm thiên.

Khi được nói như vậy, thanh niên Māgha bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama!... Từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

§6. KINH SABHIYA (*Sabhiyasutta*)⁸ (Sn. 91)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, du sĩ Sabhiya, một du sĩ ngoại đạo, được một thiên nhân trước kia là bà con huyết thống, nói lên những câu hỏi sau đây: “Này Sabhiya, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, khi được hỏi những câu hỏi này, trả lời cho ông, thời ông hãy sống Phạm hạnh với người ấy.”

⁸ Tham chiếu: D. I. 47, *Sāmaññaphalasutta* (Kinh Sa-môn quả), số 2; *Phật bản hạnh tập* 佛本行集 (T.03. 0190.39. 0833b08).

Rồi du sĩ Sabhiya, sau khi học những câu hỏi ấy từ thiên nhân ấy, phàm có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có hội chúng, có đồ chúng, bậc Đạo sư đồ chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ, như Pūraṇa Kassapa, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambali, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belatṭhiputta, Nigaṇṭha Nātaputta, Sabhiya đi đến các vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị ấy được du sĩ Sabhiya hỏi những câu hỏi ấy, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn. Họ vặn hỏi trở lại du sĩ Sabhiya. Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: “Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy có hội chúng, có đồ chúng, bậc Đạo sư đồ chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ như Pūraṇa Kassapa... Nigaṇṭha Nātaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn và họ vặn hỏi trở lại ta. Vậy ta hãy trở lui đời sống hạ liệt, thọ hưởng các dục.” Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: “Có Sa-môn Gotama này, có hội chúng, có đồ chúng, bậc Lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, sáng lập ra giáo phái, được quần chúng ái mộ, vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này.” Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya lại suy nghĩ như sau: “Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã già, đã lớn tuổi, đã đến tuổi trưởng thành, đã đi quá nửa đời người, đã đạt đến mức cuối tuổi thọ, là những bậc Trưởng lão, được nhiều người biết đến, xuất gia đã lâu ngày, có hội chúng, có đồ chúng, bậc Lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ như Pūraṇa Kassapa... Nigaṇṭha Nātaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phần nộ, sân hận, bất mãn, và họ vặn hỏi trở lại ta. Không biết Sa-môn Gotama có thể trả lời những câu hỏi này của ta? Sa-môn Gotama còn trẻ và mới xuất gia.” Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya lại suy nghĩ như sau: “Không nên gạt bỏ, không nên khinh thường một Sa-môn vì vị ấy còn trẻ tuổi. Vị Sa-môn còn trẻ, nhưng có thể vị ấy có đại thần lực, đại uy lực. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này.”

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya bộ hành đi đến Rājagaha, tiếp tục bộ hành, đi đến Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, du sĩ Sabhiya nói lên với Thế Tôn những bài kệ:

- | | |
|---|---|
| <p>515. Sabhiya nói rằng:
Hy vọng có thể hỏi,
Mong Ngài chấm dứt được,
Những câu được tôi hỏi,</p> | <p>Tôi đến, có nghi ngờ,
Những câu hỏi với Ngài.
Những câu hỏi cho tôi,
Hãy thứ lớp giải đáp.</p> |
| <p>516. Thế Tôn đáp du sĩ:
Hy vọng có thể hỏi,
Ta sẽ chấm dứt được,
Những câu được ông hỏi,</p> | <p>Ông từ xa đi đến,
Những câu hỏi với Ta,
Những câu hỏi cho ông,
Ta thứ lớp giải đáp.</p> |

517. Du sĩ Sabhiya,
Tùy theo ý ông muốn,
Ta sẽ chấm dứt được,
Hãy hỏi Ta câu hỏi,
Ông hỏi câu hỏi nào,
Câu hỏi ấy cho ông.

Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: “Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta không bao giờ có được cơ hội đối với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Nay cơ hội này được Sa-môn Gotama tạo ra cho ta.” Hân hoan, hoan hỷ, phấn chấn, hỷ lạc, Sabhiya hỏi Thế Tôn câu hỏi:

518. Sabhiya hỏi rằng:
Do đạt được những gì,
Nhờ gì gọi nhu hòa?
Và phải như thế nào,
Được con hỏi như vậy,
Tôn giả Gotama,
Được gọi là Tỷ-kheo?
Thế nào gọi chế ngự?
Được gọi bậc Giác ngộ?
Mong Thế Tôn trả lời.⁹
519. Thế Tôn bèn đáp lại:
Ai chính với con đường,
Đi đến sự tịch mịch,
Từ bỏ, đoạn tận hẳn,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Hỡi này Sabhiya,
Do tự mình tạo ra,
Vượt qua các nghi hoặc,
Cả hữu và phi hữu,
Tái sinh đã đoạn tận,
Gọi là vị Tỷ-kheo.
520. Vị trú xả, chánh niệm,
Vị không làm hại ai,
Vượt bậc lưu, tịnh ý,
Vị nào không đột khởi,
Tại bất cứ chỗ nào,
Cùng khắp cả thế giới,
Không có bị dao động,
Vị ấy gọi nhu hòa.¹⁰
521. Vị nào có các căn,
Cả nội và cả ngoại,
Vị nào thông suốt được,
Đời này và đời sau,
Đúng thời, nghi điều phục,
Được huấn luyện, tu tập,
Trong tất cả thế giới,
Đời này và đời sau,
Vị ấy gọi chế ngự.
522. Ai phân tích các kiếp,
Luân chuyển cả hai mặt,
Bụi bặm được dứt sạch,
Toàn diện và hoàn toàn,
Đạt được sanh đoạn diệt,
Chết đi và sanh lại,
Không uế nhiễm, thanh tịnh,
Vị ấy gọi Phật-đà.¹¹

Rồi du sĩ Sabhiya, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy; hoan hỷ, hân hoan, phấn khởi, phát sanh hỷ tâm, liền hỏi Thế Tôn thêm câu nữa.

523. Sabhiya hỏi rằng:
Do đạt được những gì,
Nhờ gì gọi Sa-môn?
Tôn giả Gotama,
Được gọi Bà-la-môn?
Thế nào là tẩy sạch?

⁹ Xem D. II. 263, *Sakkapañhasutta* (Kinh Đế-thích sờ vắn), số 21.

¹⁰ Xem MNid. 61, *Duttatthakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa); CNid. 6, *Ajītamānavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Ajita).

¹¹ Xem Netti. 128. *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp).

- Và phải như thế nào?
Được con hỏi như vậy,
- 524.** Thế Tôn liền đáp lại:
Ai loại khỏi ra ngoài,
Không uế, khéo định tĩnh,
Vượt qua được luân hồi,
Không y chỉ, vị ấy,
- 525.** Được an tịnh, tịch tịnh,
Không cấu uế, rõ biết,
Chế ngự và nhiếp phục,
Vị đức tánh như vậy,
- 526.** Ai gột sạch, tắm sạch,
Kể cả trong lẫn ngoài,
Giữa chư thiên, loài người,
Không rơi vào thời kiếp,
- 527.** Ai không làm điều ác,
Tất cả các kiết sử,
Khắp tất cả mọi nơi,
Vị đức tánh như vậy,
- Được gọi là voi chúa?
Mong Thế Tôn trả lời.
- Hỡi này Sabhiya,
Tất cả các ác pháp,
Kiên trì, vững an trú,
Hoàn toàn về mọi mặt,
Được gọi Bà-la-môn.
- Đoạn tận cả thiện ác,
Đời này và đời sau,
Cả vấn đề sanh tử,
Được gọi là Sa-môn.¹²
- Tất cả các ác pháp,
Khắp tất cả thế giới,
Bị thời kiếp chi phối,
Được gọi đã tắm sạch.
- Mọi điều ác ở đời,
Không dính mắc, trói buộc,
Không dính, không trói buộc,
Được gọi là voi chúa.
- Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi thêm câu hỏi nữa.
- 528.** Sabhiya hỏi rằng:
Thế nào chư Phật gọi,
Do gì gọi là thiện?
Và phải như thế nào,
Được con hỏi như vậy,
- 529.** Thế Tôn bèn đáp lại:
Ai quán sát, nhiếp phục,
Chư thiên và loài người,
Giải thoát được trói buộc,
Vị đức tánh như vậy,
- 530.** Ai quán sát, nhiếp phục,
Chư thiên và loài người,
Giải thoát được trói buộc,
- Tôn giả Gotama,
Vị chiến thắng đất ruộng?
Thế nào gọi bậc trí?
Được gọi là ẩn sĩ?
Mong Thế Tôn trả lời.¹³
- Hỡi này Sabhiya,
Ruộng đất thật toàn diện,
Cùng đất ruộng Phạm thiên,
Cội gốc mọi đất ruộng,
Được gọi thắng đất ruộng.
- Kho tàng thật toàn diện,
Cùng kho tàng Phạm thiên,
Cội gốc mọi kho tàng,

¹² Xem MNid. 83, *Suddhatthakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch); CNid. 14, *Mettagūmaṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Mettagū); CNid. 19, *Dhotakamaṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên dhotaka).

¹³ Xem MNid. 180, *Māgandiyasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Māgandīya); CNid. 14, *Mettagūmaṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Mettagū); CNid. 56, *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngưu).

- Vị đức tánh như vậy,
531. Ai quán sát, nhiếp phục,
 Cả nội và cả ngoại,
 Nhiếp phục, chế ngự được,
 Vị đức tánh như vậy,
532. Sau khi đã biết được,
 Cả nội và cả ngoại,
 Vị ấy được cúng dường,
 Vượt qua lưới trói buộc,
 Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa.
533. Sabhiya hỏi rằng:
 Do đạt được những gì,
 Nhờ gì gọi tùy trí?
 Thế nào được danh xưng,
 Được con hỏi như vậy,
534. Thế Tôn liền đáp lại:
 Ai hiểu rõ Vệ-đà,
 Được Sa-môn, Phạm chí,
 Vị ấy gọi ly tham,
 Do vượt qua Vệ-đà,
535. Do quán sát, quán triệt,
 Kể cả nội và ngoại,
 Vị ấy thoát trói buộc,
 Vị đức tánh như vậy,
536. Vị ở đời từ bỏ,
 Với tinh tấn vượt qua,
 Vị ấy có tinh tấn,
 Vị đức tánh như vậy,
537. Với ai các trói buộc,
 Kể cả nội và ngoại,
 Vị ấy được giải thoát,
 Vị đức tánh như vậy,
 Được gọi vị thiện xảo.
 Cả hai tâm và ý,
 Về trí tuệ thanh tịnh,
 Các pháp đen và trắng,
 Được gọi bậc hiền trí.
 Pháp bất thiện, pháp thiện,
 Trong tất cả thế giới,
 Bởi chư thiên, loài người,
 Vị ấy gọi ẩn sĩ.
 Tôn giả Gotama,
 Được gọi bậc có trí?
 Thế nào xưng tinh tấn?
 Là vị đã thuần thực?
 Mong Thế Tôn trả lời.¹⁴
 Hỡi này Sabhiya,
 Hoàn toàn và toàn diện,
 Đạt được rất đầy đủ,
 Trong tất cả cảm thọ,
 Được gọi bậc có trí.
 Các hý luận, danh sắc,
 Về cội gốc bệnh hoạn,
 Cội gốc các bệnh hoạn,
 Được gọi vị tùy trí.¹⁵
 Tất cả các pháp ác,
 Mọi khổ đau địa ngục,
 Có tinh cần, siêng năng,
 Được gọi vị tinh tấn.
 Nguồn gốc các dính mắc,
 Bị đứt đứt, hủy hoại,
 Khỏi tất cả gốc tham,
 Được gọi vị thuần thực.¹⁶

¹⁴ Xem MNid. 22, *Guhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về hang); CNid. 14, *Mettagūmānavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Mettagū).

¹⁵ Xem MNid. 180, *Māgandiyasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Māgandīya); MNid. 83, *Suddhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch); CNid. 14, *Mettagūmānavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Mettagū).

¹⁶ Xem CNid. 34, *Jatukaṇṇimānavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Jatukaṇṇi); CNid. 36, *Bhadrāvudhamānavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Bhadrāvudha); CNid. 60, *Khaggavisāṇasutta* (Kinh Sừng tê ngưu).

Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa.

- | | |
|--|---|
| <p>538. Sabhiya hỏi rằng:
Do đạt được những gì,
Nhờ gì gọi bậc Thánh?
Như thế nào được tên,
Được con hỏi như vậy,</p> | <p>Tôn giả Gotama,
Được gọi vị hiểu thông?
Có hạnh như thế nào?
Là một người du sĩ?
Mong Thế Tôn trả lời.</p> |
| <p>539. Thế Tôn bèn đáp lại:
Do ở đời được nghe,
Pháp có lỗi, không lỗi,
Là vị đã chiến thắng,
Trọn vẹn không dao động,</p> | <p>Hỡi này Sabhiya,
Thắng tri tất cả pháp,
Phạm mọi pháp ở đời,
Đoạn nghi, được giải thoát,
Được gọi vị hiểu thông.</p> |
| <p>540. Sau khi đoạn, chặt đứt,
Vị ấy sau khi biết,
Đoạn trừ và từ bỏ,
Không đi vào thời kiếp,</p> | <p>Mọi lậu hoặc chấp trước,
Không đi đến thai tạng,
Ba loại tướng đắm nhiễm,
Được gọi là bậc Thánh.</p> |
| <p>541. Vị nào ở nơi đây,
Thiện xảo mọi lãnh vực,
Cùng khắp cả mọi nơi,
Không sân hận một ai,</p> | <p>Thành tựu các giới hạnh,
Rõ biết được Chánh pháp,
Không chấp trước, giải thoát,
Được gọi là có hạnh.</p> |
| <p>542. Ai không làm các nghiệp,
Phía trên và phía dưới,
Sống với sự liễu tri,
Man trá và kiêu mạn,
Làm cho đến cùng tận,
Vị này đã đạt được,</p> | <p>Đưa đến quả đau khổ,
Bề ngang và chặng giữa,
Từ bỏ không chấp nhận,
Tham ái và phần nộ,
Cả danh và cả sắc,
Tên gọi là du sĩ.</p> |

Rồi du sĩ Sabhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy; hoan hỷ, hân hoan, phấn chấn, hỷ duyệt sanh khởi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn, thốt lên những câu kệ thích đáng:

- | | |
|--|---|
| <p>543. Ôi, bậc Tuệ Rộng Lớn!
Sáu mươi ba tà thuyết,
Các ngôn thuyết văn tự,
Vị ấy vượt qua được,</p> | <p>Nhiếp phục, thoát ra khỏi,
Các Sa-môn tranh luận,
Y đây các tướng khởi,
Dòng lũ làm lạc lối.</p> |
| <p>544. Ngài đi đến tận cùng,
Bậc La-hán Chánh Giác,
Ngài chói sáng, thông minh,
Ngài đoạn tận đau khổ,</p> | <p>Vượt qua bờ đau khổ,
Con nghĩ Ngài lậu tận,
Với trí tuệ rộng lớn,
Đưa con qua bờ kia.</p> |
| <p>545. Ngài thấy, Ngài biết rõ,
Ngài giúp con vượt qua,</p> | <p>Những điều con nghi ngờ,
Con xin đánh lễ Ngài,</p> |

- Bậc Ân Sĩ đạt được,
 Ôi, Bà Con Mặt Trời!
546. Điều xưa con nghi ngờ,
 Ôi, bậc Có Pháp Nhân!
 Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
547. Vớی Ngài, mọi ưu não,
 Ngài tịnh tịch, chế ngự,
548. Ngài là bậc Long Tượng,
 Ngài là Đại Anh Hùng,
 Nhóm thiên Nārada,
 Đều hoan hỷ tín thọ,
549. Chúng con xin đánh lễ,
 Chúng con xin đánh lễ,
 Trong cảnh giới trời, người,
550. Ngài chính là đức Phật,
 Ngài là bậc Ân Sĩ,
 Ngài chặt đứt tùy miên,
 Ngài giúp chúng sanh này,
551. Ngài vượt khỏi sanh y,
 Ngài là bậc Sư Tử,
 Mọi sợ hãi, hoảng hốt,
552. Như hoa sen tươi đẹp,
 Cũng vậy cả thiện ác,
 Ôi, Anh Hùng Vĩ Đại!
 Cho con Sabhiya,
- Con đường thật an tịnh,
 Thật bao dung, nhu hòa.
 Đều được Ngài giải đáp,
 Ngài thật là ân sĩ,
 Ngài không còn triền cái.
 Được phá tan, đoạn diệt,
 Tâm kiên trì, thành thực.
 Trong các hàng long tượng,
 Chư thiên đều hoan hỷ,
 Cả nhóm Pabbata,
 Lời thuyết giảng của Ngài.
 Con người phi thường nhất,
 Con người tối thượng nhất,
 Không ai sánh được Ngài.
 Ngài chính là Đạo Sư,
 Đã chiến thắng Ác ma;
 Đã vượt qua sanh tử,
 Vượt qua bể sanh tử.
 Ngài phá tan lậu hoặc,
 Không chấp thủ, chấp trước,
 Ngài đoạn tận, trừ diệt.¹⁷
 Nước không thể dính vào,
 Cả hai không dính Ngài,
 Xin Ngài đuổi chân ra,
 Đánh lễ bậc Đạo Sư.

Rồi du sĩ Sabhiya lấy đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Con xin quy y Thế Tôn, Pháp và chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ Đại giới.

– Nay Sabhiya, ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ Đại giới trong Pháp, Luật này cần phải sống biệt trú trong bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo đồng thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt giữa các chúng sanh.

– Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ Đại giới trong Pháp, Luật này cần phải sống biệt trú bốn tháng; sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo đồng thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho

¹⁷ Kệ 551-52, xem Sn. 102, *Selasutta* (Kinh Sela); M. II. 146, *Selasutta* (Kinh Sela), số 92; Thag. v. 818, *Selattheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Sela).

thọ Đại giới để thành vị Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu tâm các Tỷ-kheo đồng thuận, hãy cho con xuất gia, cho con thọ Đại giới để trở thành Tỷ-kheo.

Du sĩ Sabhiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ Đại giới... rồi Tôn giả Sabhiya trở thành một vị A-la-hán.

§7. KINH SELA (*Selasutta*)¹⁸ (Sn. 102-112)

553-78. (Xem *Kinh Sela*, *Kinh Trung bộ*, số 92)

§8. KINH MŨI TÊN (*Sallasutta*)¹⁹ (Sn. 112)

- | | | |
|------|---|--|
| 579. | Sinh mạng của loài người,
Không tương, nhiều phiền toái, | Ở đời không ai biết,
Nhỏ nhoi, liên hệ khổ. |
| 580. | Không có sự gắng nào,
Sau khi già là chết, | Khiến sống thoát khỏi chết,
Pháp hữu tình là vậy. |
| 581. | Như các trái chín muồi,
Cũng vậy người được sanh, | Có sợ bị rơi sớm,
Thường có sợ bị chết. |
| 582. | Như người thợ làm ghè,
Cuối cùng bẽ tất cả, | Làm chén bát đất sét,
Mạng sống người là vậy. |
| 583. | Trẻ tuổi và lớn tuổi,
Tất cả đi đến chết, | Kẻ ngu và người trí,
Cuối cùng rồi cũng chết. |
| 584. | Những ai chết chi phối,
Cha không cứu được con, | Đi qua đến đời sau,
Hay bà con cứu nhau. |
| 585. | Hãy xem các bà con,
Từng người đi đến chết, | Đứng nhìn và than khóc,
Như bò mang đi giết. |
| 586. | Như vậy thế giới này,
Do vậy bậc nhiều trí, | Bị già chết chi phối,
Biết đời nên không sầu. |
| 587. | Ai không biết con đường,
Không thấy cuối hai đường, | Đường đến và đường đi,
Than khóc không lợi ích. |
| 588. | Nếu thật sự than khóc,
Người có trí sẽ làm, | Dem lại lợi ích gì,
Kẻ ngu chỉ hại mình. |
| 589. | Không với sầu, nước mắt,
Khổ càng tăng trưởng thêm, | Khiến nội tâm an tịnh,
Thân càng bị gia hại. |

¹⁸ Kệ 553-78, tham chiếu: Sn. 91, *Sabhiyasutta* (*Kinh Sabhiya*); M. II. 146, *Selasutta* (*Kinh Sela*), số 92; It. 101, *Brāhmaṇadhammayāgasutta* (*Kinh Pháp tế tự Bà-la-môn*); Thag. v. 818, *Selattheragāthā* (*Kệ ngôn của Trưởng lão Sela*); Vin. I. 199; Tăng. 增 (T.02. 0125.49.6. 0798a25).

¹⁹ Tham chiếu: J. IV. 126; MNid. 116, *Jarāsuttaniddeso* (*Diễn giải kinh về sự già*); *Pháp cú kinh* “Sanh tử phẩm” 法句經生死品 (T.04. 0210.37. 0574a06); *Pháp cú thí dụ kinh* “Sanh tử phẩm” 法句譬喻經生死品 (T.04. 0211.37. 0605c18); *Xuất diệu kinh* “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02).

590. Ôm yếu, sắc da tái,
Kẻ chết không được hộ,
Tự mình hại chính mình,
Than khóc thật vô ích.
591. Chúng sanh không bỏ sầu,
Càng rên khóc kẻ chết,
Càng gặp nhiều đau khổ,
Càng bị sầu chi phối.
592. Hãy xem các người khác,
Roi vào giới thân chết,
Đi theo hạnh nghiệp mình,
Hữu tình đầy hoảng sợ.
593. Loài người còn mong ước,
Nhưng sự việc xảy ra,
Thế này hay thế khác,
Hoàn toàn thật sai khác,
Sự chia ly là vậy,
Xem định tánh của đời.
594. Nếu loài người sống được,
Rồi xa rời bà con,
Sống hơn một trăm năm,
Ở đây, bỏ mạng sống.
595. Do vậy sau khi nghe,
Hãy nhiếp phục than van,
Bậc La-hán thuyết giảng,
Khi thấy kẻ bị chết,
Hãy suy nghĩ như sau,
Ta không còn vị ấy.
596. Như nhà bị lửa cháy,
Cũng vậy bậc hiền trí,
Nhờ nước, lửa dập tắt,
Mau chóng nhiếp phục sầu,
Có tuệ trí, thiện xảo,
Như bông gió thổi bay.
597. Ai tự tìm hạnh phúc,
Mũi tên là than khóc,
Hãy tự mình rút tên,
Tham cầu, tự ưu sầu.
598. Ai đã rút mũi tên,
Tâm vị ấy đạt được,
Không nương tựa nhờ cậy,
Sự an lành an tịnh,
Vượt khỏi mọi ưu sầu,
Tâm không sầu, tịch tịnh.

§9. KINH VĀSETṬṬHA (*Vāsetṭhasutta*)²⁰ (Sn. 115)

599-661. (Kinh này giống *Kinh Vāsetṭha*, số 98 thuộc *Kinh Trung bộ*)

§10. KINH KOKĀLIYA (*Kokāliyasutta*)²¹ (Sn. 123)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattṭhi, tại Jetavana, khu vườn ông Anāthapiṇḍika.

²⁰ Tham chiếu: Sn. 214; M. II. 133, *Brahmāyusutta* (*Kinh Brahmāyu*), số 91; M. II. 196, *Vāsetṭhasutta* (*Kinh Vāsetṭha*), số 98; S. I. 166, *Aggikāsutta* (*Kinh Người thờ lửa*); S. I. 173, *Devahitasutta* (*Kinh Devahita*); A. I. 163, *Tikaṇṇasutta* (*Kinh Tikaṇṇa*); A. I. 166, *Jāṇussoṇisutta* (*Kinh Jāṇussoṇi*); Dh. v. 396-422; It. 98; Thag. v. 620; Thīg. v. 63; *Pháp cú kinh* “Phạm chí phạm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20); *Xuất diệu kinh* “Phạm chí phạm” 出曜經梵志品 (T.04. 0212.34. 0768c14); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Phạm chí phạm” 法集要頌經梵志品 (T.04. 0213.33. 0798a01).

²¹ Bản PTS viết *Kokāliyasutta*. Bản Tích Lan và CST viết *Kokālikasutta*. Tham chiếu: Dh. v. 306; Ud. 43, *Sundarīsutta* (*Kinh Sundarī*); It. 42, *Āpāyikasutta* (*Kinh Đọa lạc vào khổ cảnh*); *Biệt Tập*. 別雜 (T.02. 0100.106. 0411b24); *Biệt Tập*. 別雜 (T.02. 0100.276. 0470a14); *Pháp cú kinh* “Địa ngục phạm” 法句經地獄品 (T.04. 0210.30. 0570a05); *Pháp cú thí dụ kinh* “Ngôn ngữ phạm” 法句譬喻經言語品 (T.04. 0211.8. 0582a24); *Xuất diệu kinh* “Phi báng phạm” 出曜經誹謗品 (T.04. 0212.9. 0663c18); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ngôn ngữ phạm” 法集要頌經語言品 (T.04. 0213.8. 0781b03).

Rồi Tỷ-kheo Kokāliya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Kokāliya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sāriputta và Moggallāna là ác đực, bị ác đực chinh phục.

– Này Kokāliya, chớ có nói vậy! Này Kokāliya, chớ có nói vậy! Này Kokāliya, hãy khởi tâm tin tưởng đối với Sāriputta và Moggallāna. Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna!

Lần thứ hai, Tỷ-kheo Kokāliya bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, dầu Thế Tôn có lòng tin và tin tưởng đối với con, Sāriputta và Moggallāna là ác đực, bị ác đực chinh phục.

– Này Kokāliya, chớ có nói vậy! Này Kokāliya, chớ có nói vậy! Này Kokāliya, hãy khởi tâm tin tưởng đối với Sāriputta và Moggallāna. Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna!

Lần thứ ba, Tỷ-kheo Kokāliya bạch Thế Tôn... Hiền thiện là Sāriputta và Moggallāna.

Rồi Tỷ-kheo Kokāliya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Tỷ-kheo Kokāliya ra đi không lâu, toàn thân của Tỷ-kheo Kokāliya nổi lên những mụn to bằng hạt cải; sau khi lớn bằng hạt cải, chúng lớn lên bằng hạt đậu; sau khi lớn lên bằng hạt đậu, chúng lớn lên bằng hạt đậu lớn; sau khi lớn bằng hạt đậu lớn, chúng lớn lên bằng hòn đá; sau khi lớn lên bằng hòn đá, chúng lớn lên bằng trái táo; sau khi lớn lên bằng trái táo, chúng lớn lên bằng trái āmala; sau khi lớn lên bằng trái āmala, chúng lớn lên bằng trái beluva chưa chín; sau khi lớn lên bằng trái beluva chưa chín, chúng lớn lên bằng trái billa đã chín; sau khi lớn lên bằng trái billa đã chín, chúng bị phá vỡ, mủ và máu chảy ra.

Rồi Tỷ-kheo Kokāliya do bệnh này bị mạng chung. Bị mạng chung, Tỷ-kheo Kokāliya sanh trong địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Sāriputta và Moggallāna.

Rồi Phạm thiên Sahampati, sau khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Phạm thiên Sahampati bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokāliya phải sanh vào địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Sāriputta và Moggallāna.

Phạm thiên Sahampati nói như vậy, sau khi nói xong, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi đêm ấy đã qua, liền bảo các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, hồi hôm, Phạm thiên Sahampati, khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana đi đến Ta; sau khi đến, đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati bạch với Ta: “Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Kokāliya đã mạng chung, và Bạch Thế

Tôn, Tỷ-kheo Kokāliya sau khi mạng chung đã sanh trong địa ngục Sen Hồng, với tâm hận thù đối với Sāriputta và Moggallāna.”

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Sahampati nói như vậy. Sau khi nói xong, đánh lễ Ta, thân phía hữu hướng về Ta rồi biến mất tại chỗ.

Được nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, bao nhiêu là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng?

– Thật dài, này Tỷ-kheo, là tuổi thọ trong địa ngục Sen Hồng, không dễ gì tính được bao nhiêu năm, bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu ngàn năm, hay bao nhiêu trăm ngàn năm.

– Bạch Thế Tôn, có thể tính được chăng bằng ví dụ?

Thế Tôn đáp:

– Có thể được, này Tỷ-kheo. Này Tỷ-kheo, ví như có bao hột đậu mè nặng hai mươi khārika, theo đo lường của nước Kosala. Ví dụ sau một trăm năm, một người lấy ra một lần một hột mè. Này Tỷ-kheo, còn mau hơn là bao hột đậu mè nặng hai mươi khārika ấy, theo đo lường của nước Kosala, đi đến tiêu hao, đi đến hết sạch do phương tiện ấy, so sánh với tuổi thọ ở địa ngục Abbuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Abbuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Nirabbuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ababa. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ababa bằng một tuổi thọ ở địa ngục Ahaha. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Ahaha bằng một tuổi thọ ở địa ngục Aṭaṭa. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Aṭaṭa bằng một tuổi thọ ở địa ngục Kumuda. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Kumuda bằng một tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika. Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Sogandhika bằng một tuổi thọ ở địa ngục Uppalaka (Hoa Sen Xanh). Này các Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Uppalaka bằng một tuổi thọ ở địa ngục Puṇḍarīka (Hoa Sen Trắng). Này Tỷ-kheo, hai mươi tuổi thọ ở địa ngục Puṇḍarīka bằng một tuổi thọ ở địa ngục Paduma (Hoa Sen Hồng). Này Tỷ-kheo, Kokāliya sanh tại địa ngục Paduma, với tâm hận thù Sāriputta và Moggallāna.

Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, bậc Thiện Thệ lại nói thêm:

- | | | |
|-------------|---|--|
| 662. | Phàm con người đã sanh,
Kẻ ngu khi nói bậy, | Sanh với búa trong miệng,
Tự chặt đứt lấy mình. |
| 663. | Ai khen kẻ đáng chê,
Tự chất chứa bất hạnh,
Chính do bất hạnh ấy, | Ai chê người đáng khen,
Do lỗi miệng của mình,
Nên không được an lạc. |
| 664. | Nhỏ thay bất hạnh này,
Do quăng con xúc xắc,
Lớn hơn bất hạnh này,
Vớ người có ác ý, | Trong canh bạc rủi may,
Tài sản bị hoại vong;
Tự mình gây cho mình,
Đối chur Phật, Thiện Thệ. |

665. Ba triệu sáu trăm ngàn,
Và trái năm trăm ngàn,
Vớ lời và ác ý,
Người ấy sẽ rơi vào,
Ở Nirabbuda,
Ở tại Abbuda,
Ai phỉ báng bậc Thánh,
Các cõi dữ, địa ngục.
666. Kẻ nói không chơn thật,
Cũng vậy kẻ có làm,
Cả hai sau khi chết,
Đời sau nữa làm người,
Đi đến cõi địa ngục,
Lại nói: “Tôi không làm”,
Đều được xem đồng đẳng,
Nghệp của họ hạ liệt.
667. Ai khởi lên ác tâm,
Đối người sống thanh tịnh,
Ác ấy trở lui lại,
Như bụi bặm nhỏ nhiệm,
Đối người không ác ý,
Không có gì uế nhiễm,
Đến với kẻ ngu ấy,
Quảng ngược chiều gió thổi.
668. Ai hệ lụy, đắm trước,
Người ấy với lời nói,
Không lòng tin, xan lẫn,
Xan tham và keo kiệt,
Các chủng loại tham dục,
Chỉ trích các người khác,
Không rộng rãi với người,
Quen thói nói xấu người.²²
669. Nay ông, miệng ác độc,
Kẻ giết hại sanh linh,
Người hạ liệt, bất hạnh,
Ở đời, chớ nói nhiều,
Không chơn thật, không Thánh,
Kẻ ác, kẻ làm ác,
Thuộc về loại hạ sanh,
Ông là dân địa ngục.²³
670. Ông rắc rải bụi trần,
Ông nói xấu bậc hiền,
Sau khi ông đã làm,
Ông đi đến vực thẳm,
Khiến mọi người bất hạnh,
Làm ác, nhiều tội ác,
Rất nhiều điều ác hạnh,
Trong thời gian dài dài.
671. Nghiệp của bất cứ ai,
Rồi nó cũng đến ông,
Kẻ ngu làm điều ác,
Không đi đến tiêu diệt,
Bất gặp được nghiệp chủ,
Đời sau thấy mình khổ.
672. Nó đi đến tại chỗ,
Tại chỗ có cọc sắt,
Ở đây nó có được,
Giống như những hòn sắt,
Bị đánh bằng roi sắt,
Vớ cạnh lưỡi bén nhọn,
Các món ăn thích đáng,
Được nung nấu cháy đỏ.
673. Tại đây không ai nói,
Không có ai vội vã,
Lời nhẹ nhàng an ủi,
Đền che chở hộ trì,

²² Tham chiếu: S. I. 27, *Phusatisutta* (Kinh Xúc chạm); S. I. 148, *Kokālikasutta* (Kinh Kokālika); S. I. 164, *Bilaṅgikasutta* (Kinh Bilaṅgika); A. V. 170, *Kokāliyasutta* (Kinh Kokāliya); Dh. v. 125; J. III. 203; *Pháp cú kinh* “Ác hành phẩm” 法句經惡行品 (T.04. 0210.17. 0564c19); *Xuất diệu kinh* “Ác hành phẩm” 出曜經惡行品 (T.04. 0212.29. 0741b24); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Tội chương phẩm” 法集要頌經罪障品 (T.04. 0213.28. 0792a17).

²³ Kệ 669-771, xem *Netti*. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp).

- Họ nằm trên lớp than,
Họ bước vào hầm lửa,
674. Với lưới kẻ giữ ngục,
Tại đây với gậy sắt,
Họ đi qua vực đen,
Như đi qua đám mù,
675. Họ đi đến bước vào,
Họ bước vào hầm lửa,
Tại đây, họ bị nấu,
Họ nổi lên chìm xuống,
676. Rồi kẻ làm điều ác,
Giữa đồng mù và máu,
Tùy theo phương hướng nào,
Ở đây, bị rửa nát,
677. Trong nước, chỗ trú ẩn,
Kẻ làm các điều ác,
Cho đến những bờ bến,
Vì chum ghè mọi phía,
678. Trong rừng đầy lá guom,
Họ đi vào rừng ấy,
Sử dụng các câu móc,
Rồi những kẻ ngục tốt,
679. Họ đi vào cảnh giới,
Khó vượt qua, tràn đầy,
Tại chỗ ấy, kẻ ngu,
Những kẻ làm điều ác,
680. Tại đây, các chim thú,
Những bầy đàn quạ đen,
Các loài chó, dã can,
Các điều hâu, chim quạ,
681. Thật rất là đau khổ,
Nếp sống kẻ làm ác,
Do vậy ở đời này,
Làm công việc, phận sự,
682. Số hạt trong bao mè,
Thời gian ngục Sen Hồng,
Lên đến năm mươi triệu,
Lại còn một số nữa,
- Đang nung nóng bùng bùng.
Đang cháy đỏ hừng hực.
Trùm kín bao phủ họ,
Bị hành hạ đánh đập,
Tối tăm không thấy đường,
Đang dày đặc tràn rộng.
Các chum ghè bằng đồng,
Đang cháy đỏ hừng hực,
Trong thời gian lâu dài,
Trong những hầm lửa ấy.
Bị nung nấu tại đây,
Xen kẽ và lẫn lộn,
Nó theo chiều hướng nằm,
Khi bị xúc chạm vào.
Của các loài côn trùng,
Bị nung nấu tại đây,
Không có cho nó đi,
Đều tròn đầy như nhau.
Sắc bén và mũi nhọn,
Chân tay bị chém đứt,
Chúng móc lưỡi dài ra,
Hành hạ đánh giết họ.
Gọi Vetaraṇī,
Lưỡi dao, búa sắc bén,
Bị rơi, bị rớt vào,
Sau khi tạo nghiệp ác.
Ăn thịt kẻ rên la,
Đen thui và lốm đốm,
Cùng với các chim kên,
Xé xác những kẻ ấy.
Nếp sống này, tại đây,
Loài người thấy được vậy,
Với mạng sống còn lại,
Không biếng nhác, thụ động.
Được người trí ước tính,
Số theo đơn vị vạn,
Tức là năm trăm tỷ,
Tức thêm mười hai tỷ.

683. Khổ cho đến như vậy,
 Tại đây cần phải sống,
 Như vậy giữa những người,
 Hãy luôn luôn hộ trì,
- Địa ngục được nói đến,
 Lâu cho đến như vậy.
 Trong sạch, thiện tốt lành,
 Lời nói và ý nghĩ.

§11. KINH NĀLAKA (*Nālakasutta*) (Sn. 131)

684. Ân sĩ Asita (A-tư-đà),
 Thấy chúng các chư thiên,
 Họ hoan hỷ vui vẻ,
 Họ cung kính Đế-thích,
 Với nhiệt tình nói lên,
- Trong lúc giữa ban ngày,
 Cõi trời Ba Mươi Ba,
 Với y áo thanh tịnh,
 Các vị ấy cầm áo,
 Những lời khen tán thán.
685. Thấy chư thiên hoan hỷ,
 Với tâm tư cung kính,
 Ở đây, vị ấy nói.

[Asita:]

- Vì sao chúng chư thiên,
 Họ cầm áo vui múa,
686. Trong thời gian chiến trận,
 Dũng sĩ được thắng trận,
 Thời gian ấy họ không,
 Họ thấy gì hy hữu,
- Với các a-tu-la,
 A-tu-la bại trận,
 Lông tóc dựng ngược dậy,
 Chư thiên hoan hỷ vậy.
687. Họ la lớn, ca hát,
 Họ múa tay, vỗ tay,
 Nay ta hỏi các ông,
 Các ngài hãy mau chóng,
- Và họ tấu nhạc trời,
 Họ múa nhảy vũ điệu,
 Trú đỉnh núi Neru (Tu-di),
 Giải tỏa điều ta nghĩ.

[Chư thiên:]

688. Tại xứ Lumbini (Lâm-tỳ-ni),
 Có sanh vị Bồ-tát,
 Ngài sanh, đem an lạc,
 Do vậy chúng tôi mừng,
- Trong làng các Thích-ca,
 Báu tối thắng, vô tỷ,
 Hạnh phúc cho loài người,
 Tâm vô cùng hoan hỷ.
689. Ngài, chúng sanh tối thượng,
 Bậc Nguru vương loài người,
 Ngài sẽ chuyển pháp luân,
 Rống tiếng rống sư tử,
- Ngài, loài người tối thắng,
 Thượng thủ mọi sanh loại;
 Trong khu rừng âm sĩ,
 Hùng mạnh nhiếp loài thú.
690. Sau khi nghe lời ấy,
 Liền vội vàng bước xuống,
 Của đức Vua Tịnh Phạn;
 Nói với các Thích-ca:
 Ta nay muốn thấy Ngài?”
- Ân sĩ Asita,
 Và đi đến lâu đài,
 Đến nơi, Ngài ngồi xuống,
 “Hoàng tử nay ở đâu,

691. Thấy Thái tử chói sáng,
Trong lò đúc nấu vàng,
Bừng sáng và rực rỡ,
Họ Thích trình Thái tử,
692. Sau khi thấy Thái tử,
Thanh tịnh như sao Ngưu,
Sáng chiếu như mặt trời,
Ân sĩ tâm hân hoan,
693. Chư thiên cầm ngôi lọng,
Cây lọng có nhiều cành,
Họ quạt với phát trần,
Nhưng không ai thấy được,
694. Bạc ân sĩ bện tóc,
Thấy Thái tử nằm dài,
Như đồng tiền bằng vàng,
Có lọng trắng đưa lên,
Đẹp ý, lòng hân hoan,
695. Sau khi ẩm bông lên,
Bạc cầu đạo tinh thông,
Tâm tư được hoan hỷ,
“Vị này bậc Vô thượng,
696. Khi vị ấy nghĩ đến,
Số mệnh không tốt đẹp,
Thấy vậy, các Thích-ca,
“Có sự gì chướng ngại,
697. Thấy họ Thích lo lắng,
“Ta không thấy bất hạnh,
Đối với Thái tử ấy,
Vị này không hạ liệt,
698. Thái tử này sẽ chứng,
Thấy thanh tịnh tối thắng,
Vì lòng từ thương xót,
Và đời sống Phạm hạnh,
699. Thọ mạng ta ở đời,
Đến giữa đời sống Ngài,
Ta không được nghe pháp,
Do vậy ta sầu não,
- Rực rỡ như vàng chói,
Được thợ khéo luyện thành,
Với dung sắc tuyệt mỹ,
Cho Ân sĩ Tư-đà.
- Chói sáng như lửa ngọn,
Vận hành giữa hư không,
Giữa trời thu, mây tịnh,
Được hỷ lạc rộng lớn.
- Đưa lên giữa hư không,
Có hàng ngàn vòng chuyền,
Có tán vàng lông thú,
Kẻ cầm lọng, phát trần.
- Tên Kanhasiri,²⁴
Trên tấm chăn màu vàng,
Lại trên đầu Thái tử,
Tâm ân sĩ phấn khởi,
Đưa tay bông Thái tử.
- Con trai dòng họ Thích,
Các tướng số, chú thuật,
Thốt lên lời như sau:
Tối thượng loài hai chân.”
- Số mệnh của tự mình,
Vị ấy rơi nước mắt,
Hỏi ân sĩ đang khóc:
Sẽ xảy cho Thái tử?”
- Vị ân sĩ trả lời:
Xảy đến cho Thái tử,
Chướng ngại sẽ không có,
Chớ có lo lắng gì.
- Tối thượng quả Bồ-đề,
Sẽ chuyển bánh xe pháp,
Vì hạnh phúc nhiều người,
Được truyền bá rộng rãi.
- Còn lại không bao nhiêu,
Ta sẽ bị mạng chung,
Bạc Tinh Cần Vô Tỷ,
Bất hạnh và khổ đau.

²⁴ Một tên khác của Asita.

700. Sau khi khiến họ Thích,
Bậc sống theo Phạm hạnh,
Vị ấy vì lòng từ,
Khích lệ nó học pháp,
701. “Khi con nghe tiếng Phật,
Bậc đã đạt Bồ-đề,
Hãy đi đến chỗ ấy,
Và sống đời Phạm hạnh,
702. Như vậy được khuyên bảo,
Vị thấy ở tương lai,
Do vậy Nālaka,
Sống với căn hộ trì,
703. Khi nghe tin pháp luân,
Đến thấy ân sĩ vương,
Hỏi Mâu-ni tối thắng,
Như A-tư-đà khuyên,
[Kệ mở đầu đã xong]
704. Lời Asita (A-tư-đà) này,
Con hỏi Gotama,
705. Không nhà, con đi đến,
Con hỏi bậc Ân sĩ,
Con đường đạo tối thượng,
706. Thế Tôn đáp như sau:
Là đạo hạnh Mâu-ni,
Hãy đến lắng tai nghe,
Hãy vững trí, an thần,
707. Hãy tu hạnh Sa-môn,
Giữa khen chê trong làng,
Sống hạnh thật an tịnh,
708. Tiếng cao, thấp phát ra,
Nữ nhân hay cảm dỗ,
709. Hãy từ bỏ dâm dục,
Đôi hữu tình yếu mạnh,
710. Ta thế nào, họ vậy,
Lấy ngã làm ví dụ,
Sanh hoan hỷ rộng lớn,
Bước ra khỏi nội thành;
Thương con trai của chị,
Bậc Tinh Cần Vô Tỷ.
Từ người khác nói lên,
Đã đi con đường pháp,
Hỏi kỹ về đạo pháp,
Dưới bậc Thế Tôn ấy.”
Bởi vị nghĩ hạnh phúc,
Đường tối thắng thanh tịnh.
Với phước đức chất chứa,
Chờ đợi bậc Chiến Thắng.
Được bậc Chiến Thắng chuyển,
Nālaka thành tín,
Pháp Mâu-ni tối thượng,
Trong buổi gặp gỡ trước.
Con biết là như thật,
Bậc Giải Thoát Mọi Pháp.
Tìm hạnh người khát sĩ,
Hãy nói lên cho con,
Đưa đến đạo Mâu-ni.
Khó hành, khó thành tựu,
Ta sẽ cho ông biết,
Ta sẽ nói cho ông,
Hãy kiên trì, bền chí.
Không dễ bị dao động,
Hãy chế ngự tâm sân,
Không cống cao kiêu mạn.
Như lửa trong rừng cây,
Chớ cảm dỗ ân sĩ.
Xả mọi dục cao thấp,
Không đối nghịch, tham đắm.
Họ thế nào, Ta vậy,
Chớ giết, chớ bảo giết.

711. Hãy bỏ dục, bỏ tham,
Bậc Có Mắt hành đạo,
712. Bụng đói, ăn chừng mực,
Vị ấy không ham dục,
713. Sau khi đi khát thực,
Đi đến dưới gốc cây,
714. Bậc hiền trí hành thiền,
Hành thiền dưới gốc cây,
715. Khi đêm hết, sáng đến,
Chớ vui khi được mời,
716. Ẩn sĩ không đi gấp,
Tìm ăn, cắt nói chuyện,
717. Nếu được, thật là tốt,
Nghĩ vậy, cả hai mặt,
718. Đi với bát cầm tay,
Chớ khinh đồ cho ít,
719. Bậc Sa-môn thuyết giảng,
Nhưng đến bờ bên kia,
Tuy vậy, chớ nghĩ rằng,
720. Tỷ-kheo nào không tham,
Đoạn tận hành thiện ác,
721. Ta sẽ dạy cho ông,
Nhớ dụ dao dính mật,
Với lưỡi ẩn nóc họng,
722. Tâm chớ có thụ động,
Không hôn hám, độc lập,
723. Hãy tập ngồi một mình,
Sống một mình được gọi,
Nếu ưa thích một mình,
724. Sau khi nghe tiếng nói,
Hãy hành thiền, bỏ dục,
Tăng trưởng tâm và tín.
- Đây phàm phu bị nắm,
Vượt địa ngục, loài người.²⁵
Ít dục, không tham lam,
Không dục, thật tịch tịnh.
Ẩn sĩ vào rừng sâu,
Sửa soạn ngồi an tịnh.
Hoan hỷ trong rừng sâu,
Thỏa mãn sở thích mình.
Cần phải đi đến làng,
Được đồ cúng trong làng.
Đến làng, giữa gia đình,
Không nói chuyện liên hệ.
Không được, cũng là tốt,
Vị ấy trở về cây.
Không cầm, đáng như cầm,
Không chê người đem cho.
Con đường cao và thấp,
Không có hai con đường,
Trải nghiệm này một lần.
Vị ấy cắt dòng chảy,
Vị ấy không sâu nảo.²⁶
Thức tri hạnh ẩn sĩ,
Lo tu (phòng đứt lưỡi),
Hãy hạn chế bao tử.²⁷
Nhưng chớ nghĩ quá nhiều,
Sống cứu cánh Phạm hạnh.
Sống đúng hạnh Sa-môn,
Là hạnh bậc Ẩn sĩ,
Sau chói sáng mười phương.
Của các bậc hiền sĩ,
Mong đệ tử của Ta,

²⁵ Tham chiếu: *Dh. v. 127*; *Pháp cú kinh* “Đao trượng phàm” 法句經刀杖品 (T.04. 0210.18. 0565a29); *Xuất diệu kinh* “Niệm phàm” 出曜經念品 (T.04. 0212.6. 0649a06); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Ái lạc phàm” 法集要頌經愛樂品 (T.04. 0213.5. 0779c23).

²⁶ Xem *Kv. 69*, *Parihāṇikathā* (Vấn đề hoại lìa quả vị A-la-hán).

²⁷ Xem *CNid. 38*, *Udayamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Udaya).

- | | |
|--|---|
| 725. Hỷ học các dòng nước,
Dòng nước nhỏ chảy ồn, | Từ khe núi vực sâu,
Biển lớn thì im lặng. |
| 726. Cái gì trống kêu to,
Ngu như ghè voi nước, | Cái gì đầy yên lặng,
Bậc trí như ao đầy. |
| 727. Khi Sa-môn nói nhiều,
Tự biết nên thuyết pháp, | Nói liên hệ đến đích,
Tự biết nên nói nhiều. ²⁸ |
| 728. Ai biết, biết tự chế,
Vị ấy là ẩn sĩ,
Vị ấy là ẩn sĩ, | Ai biết không nói nhiều,
Xứng đáng hạnh ẩn sĩ,
Đạt được hạnh ẩn sĩ. |

§12. KINH HAI PHÁP TÙY QUÁN (*Dvayatānupassanāsutta*) (Sn. 139)

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú tại Sāvattthi, ở Đông Viên, tại lầu đài của mẹ Migāra. Lúc bấy giờ, trong ngày trai giới (*Uposatha*), vào ngày rằm trăng tròn, trong đêm rằm, Thế Tôn ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoàn vây. Rồi Thế Tôn nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, nói với các Tỷ-kheo:

(1) Nay các Tỷ-kheo, phàm có những thiện pháp nào thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng, đưa đến giác ngộ; nay các Tỷ-kheo, đối với các thiện pháp thuộc bậc Thánh có khả năng hướng thượng đưa đến giác ngộ ấy, do lý do gì các ông nghe những pháp ấy?

Nay các Tỷ-kheo, các ông có thể được hỏi như vậy; các ông có thể trả lời cho những người hỏi câu hỏi ấy như sau: “Vì muốn có như thật trí đối với hai pháp.” Và các ông nói: “Thế nào là hai?” “Đây là khổ, đây là khổ tập”, đây là tùy quán pháp thứ nhất. “Đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, như vậy, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại; và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|--|--|
| 729. Ai không tuệ tri khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Vị ấy không biết đường, | Và nguyên nhân của khổ,
Được đoạn tận không dư,
Đưa đến khổ an tịnh. |
| 730. Không có tâm giải thoát,
Vị ấy không có thể, | Không có tuệ giải thoát,
Đoạn tận sanh và già. |
| 731. Những ai tuệ tri khổ,
Và chỗ khổ hoàn toàn,
Vị ấy biết con đường, | Và nguyên nhân của khổ,
Được đoạn tận không dư,
Đưa đến khổ an tịnh. |

²⁸ Xem Miln. 414, *Kumbhaṅgapañho* (Câu hỏi về tính chất của chum nước).

732. Đầy đủ tâm giải thoát,
 Những vị ấy có thể,
 Đoạn tận sanh và già.

Với trí tuệ giải thoát,
 Với trí tuệ giải thoát,

(2) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: “Có thể có chơn chánh tùy quán hai pháp, theo một pháp môn khác không?” Các ông cần phải trả lời: “Có thể có.” Có thể có như thế nào? “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên sanh y”, đây là tùy quán pháp thứ nhất. “Do sự đoạn diệt, ly tham, các sanh y không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại; và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

733. Chính do duyên sanh y, Các khổ được sanh khởi,
 Tất cả các khổ đau, Sai biệt ở trên đời,
 Ai chính do vô minh, Tạo nên sự sanh y,
 Kẻ ngu ấy gặp khổ, Nối tiếp nhau sanh trưởng;
 Do vậy vị hiểu biết, Không tạo lên sanh y,
 Tùy quán được nguyên nhân, Của sanh và của khổ.

(3) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: “Có thể có chơn chánh tùy quán hai pháp theo một pháp môn khác không?” Các ông cần phải trả lời: “Có thể có.” Có thể có như thế nào? “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên vô minh”, đây là tùy quán pháp thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp, không có phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, được chờ đợi là một trong hai quả sau đây: Được chánh trí ngay trong hiện tại; và nếu có dư y, chứng quả Bất hoàn.

Thế Tôn nói như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo Sư lại nói thêm:

734. Những ai tiếp tục rơi, Dòng luân chuyển sanh tử,
 Đến hữu này hữu khác, Sanh thú do vô minh.
735. Vô minh, đại si mê, Đưa đến luân chuyển dài,
 Chúng sanh, minh đạt được, Không còn phải tái sanh.

(4) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên các hành”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, các hành không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là pháp tùy quán thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|--|---|
| 736. Phàm khổ gì hiện hữu,
Do đoạn diệt các hành, | Tất cả duyên các hành;
Khổ không có hiện hữu. |
| 737. Do biết nguy hiểm này,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Như vậy khổ được diệt, | Khổ do duyên các hành,
Do phá hoại các tướng,
Biết như thực là vậy. |
| 738. Bậc hiền trí chánh kiến,
Nhiếp phục ma kiết sử, | Hiểu biết với chánh trí,
Không đi đến tái sanh. |

(5) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thức”, đây là tùy quán pháp thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, thức không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|--|--|
| 739. Phàm khổ gì hiện hữu,
Với thức được đoạn diệt, | Tất cả do duyên thức,
Khổ không có hiện hữu. |
| 740. Do biết nguy hiểm này,
Tỷ-kheo tịnh chỉ thức, | Khổ do duyên các thức,
Không dục ái, tịch tịnh. |

(6) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên xúc”, đây là tùy quán pháp thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, xúc không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|---|---|
| 741. Những ai xúc chi phối,
Những người hành tà đạo, | Chạy theo dòng sanh hữu,
Xa rời diệt kiết sử. |
| 742. Những ai liễu tri xúc,
Do họ thắng tri xúc, | Nhờ trí, thích an tịnh,
Không dục ái, tịch tịnh. |

(7) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thọ”, đây là tùy quán pháp thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, thọ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chọn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|---|---|
| 743. Với lạc thọ, khổ thọ,
Nội thọ và ngoại thọ, | Hay bắt khổ bắt lạc,
Phàm có cảm thọ gì. |
| 744. Biết được đây là khổ,
Thấy từng xúc hoại diệt,
Tỷ-kheo diệt các thọ, | Giả dối, bị hủy hoại,
Như vậy tại nơi đây,
Không dục ái, tịch tịnh. |

(8) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên ái”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, ái không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là pháp tùy quán thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|---|---|
| <p>745. Người có ái bạn đường,
Đến hữu này, hữu khác,</p> <p>746. Do biết nguy hiểm này,
Ly ái, không chấp thủ,</p> | <p>Bị luân chuyển dài dài,
Luân chuyển không dừng nghỉ.</p> <p>Chính ái tác thành khổ,
Chánh niệm, Tỷ-kheo hành.²⁹</p> |
|---|---|

(9) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thủ”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, thủ không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|---|--|
| <p>747. Do duyên thủ có hữu,
Từ sanh nên có chết,</p> <p>748. Do vậy bậc hiền trí,
Nhờ thắng trí sanh diệt,</p> | <p>Do hữu đi đến khổ,
Đây nguyên nhân của khổ.</p> <p>Diệt thủ nhờ chánh trí,
Không đi đến tái sanh.</p> |
|---|--|

(10) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên khởi xướng”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, khởi xướng không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

Nay các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|--|--|
| <p>749. Phàm khổ gì hiện hữu,
Do đoạn diệt khởi xướng,</p> <p>750. Do biết nguy hiểm này,
Từ bỏ mọi khởi xướng,</p> <p>751. Do đoạn tận hữu ái,
Vượt khỏi sanh luân chuyển,</p> | <p>Tất cả duyên khởi xướng,
Khổ không có hiện hữu.</p> <p>Khổ do duyên khởi xướng,
Không khởi xướng, giải thoát.</p> <p>Tâm Tỷ-kheo tịch tịnh,
Vị ấy không tái sanh.</p> |
|--|--|

(11) Nay các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên thức ăn”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, thức ăn không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là tùy quán pháp thứ hai.

²⁹ Kệ 746-47, xem A. II. 10, *Taṇhuppādasutta* (Kinh Ái sanh); It. 8, *Taṇhāsamyojanasutta* (Kinh Ái kiết sử); It. 109, *Taṇhuppādasutta* (Kinh Ái sanh); J. IV. 351, *Mahāvāṇijajāta* (Chuyện vị đại thương nhân), số 493.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | | |
|-------------|--|--|
| 752. | Phàm khổ gì hiện hữu,
Do đoạn diệt thức ăn, | Tất cả duyên thức ăn,
Khổ không có hiện hữu. ³⁰ |
| 753. | Do biết nguy hiểm này,
Liễu tri mọi thức ăn, | Khổ do duyên thức ăn,
Không y mọi thức ăn. |
| 754. | Nhờ chánh trí không bệnh,
Thọ dụng các thức ăn,
Vị đạt được trí tuệ, | Đoạn diệt các lậu hoặc,
Giác sát, trú Chánh pháp,
Không rơi vào ước lượng. |

(12) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Phàm có khổ gì hiện hữu, tất cả đều do duyên dao động”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Do đoạn diệt, ly tham, dao động không có dư tàn, khổ không có hiện hữu”, đây là pháp tùy quán pháp thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | | |
|-------------|--|--|
| 755. | Phàm khổ gì hiện hữu,
Do đoạn diệt dao động, | Tất cả duyên dao động,
Khổ không có hiện hữu. |
| 756. | Do biết nguy hiểm này,
Do vậy bỏ dao động,
Không có gì chướng ngại,
Vị Tỷ-kheo bộ hành, | Khổ do duyên dao động,
Chặn dừng lại các hành,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Khắp tất cả chân trời. |

(13) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Ai có nương tựa, thì bị dao động”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Ai không có nương tựa, không bị dao động”, đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chơn chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | | |
|-------------|---|---|
| 757. | Không nương tựa, không động,
Chấp hữu này hữu khác, | Nương tựa có chấp thủ,
Không vượt được luân hồi. |
| 758. | Sau khi rõ biết được,
Trong các sự nương tựa,
Không nương tựa y chỉ,
Vị Tỷ-kheo bộ hành, | Nguy hiểm tai hại này,
Có sợ hãi lớn lao,
Không chấp thủ, chánh niệm,
Khắp tất cả chân trời. |

(14) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Có thể có như thế nào?” Này các Tỷ-kheo, “các pháp vô sắc an tịnh hơn các sắc pháp”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. “Sự đoạn diệt an tịnh hơn các pháp vô sắc”, đây là pháp tùy quán thứ hai.

³⁰ Tham chiếu: *Ud.* 45, *Upasenasutta* (Kinh *Upasena*); *Pe.* 1; *Xuất diệu kinh* “Sa-môn phẩm” 出曜經沙門品 (T.04. 0212.33. 0764c15); *Pháp tập yếu tụng kinh* “Bật-sô phẩm” 法集要頌經苾芻品 (T.04. 0213.32. 0796b16).

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|--|--|
| <p>759. Chúng sanh thuộc Sắc giới,
Không tuệ tri đoạn diệt,</p> <p>760. Những ai liễu tri sắc,
Giải thoát trong đoạn diệt,</p> | <p>Chúng sanh trú Vô sắc,
Chúng đi đến tái sanh.</p> <p>Khéo an trú vô sắc,
Họ từ bỏ sự chết.³¹</p> |
|--|--|

(15) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Có thể có như thế nào?” Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: “Đây là sự thật”, cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: “Cái này là hư vọng”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: “Đây là hư vọng”, cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: “Cái này là chơn thật”, đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

- | | |
|---|---|
| <p>761. Hãy xem thế giới này,
Hoan hỷ với phi ngã,
Nghĩ rằng danh sắc này,</p> <p>762. Dầu họ nghĩ thế nào,
Danh sắc là hư vọng,</p> <p>763. Niết-bàn không hư ngụy,
Họ thắng tri chơn thật,</p> | <p>Với thế giới chư thiên,
An trú trên danh sắc,
Là chơn thật không ngụy.</p> <p>Khi danh sắc đổi khác,
Giả dối, sống tạm bợ.</p> <p>Bậc Thánh chơn thật biết,
Không ái dục, tịch tịnh.</p> |
|---|---|

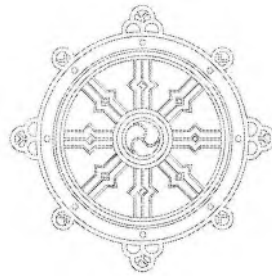
(16) Này các Tỷ-kheo, có thể các ông được hỏi thêm nữa như sau: ... “Có thể có như thế nào?” Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: “Đây là an lạc”, cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: “Cái này là khổ”, đây là pháp tùy quán thứ nhất. Này các Tỷ-kheo, cái gì được thế giới với chư thiên, các Ma, các Phạm thiên; được thế giới này với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, với chư thiên và loài người suy tưởng: “Đây là khổ”, cái ấy được các vị Thánh khéo thấy như thật với chánh trí tuệ: “Cái này là lạc”, đây là pháp tùy quán thứ hai.

Này các Tỷ-kheo, do Tỷ-kheo chon chánh tùy quán hai pháp,... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

³¹ Kệ 760-61, xem S. I. 132, *Upacālāsutta* (Kinh *Upacālā*); It. 35, *Paññāparihīnasutta* (Kinh *Thối đạo khỏi trí tuệ*); It. 61, *Santatarasutta* (Kinh *An tịnh hơn*).

- | | |
|---|--|
| <p>764. Sắc, tiếng, hương, vị, xúc,
Khả lạc, hỷ, khả ý,</p> <p>765. Thế giới với chư thiên,
Khi chúng bị hoại diệt,</p> <p>766. Bạc Thánh thấy là lạc,
Đây hoàn toàn trái ngược,</p> <p>767. Điều người khác gọi lạc,
Điều người khác gọi khổ,</p> <p>768. Hãy xem pháp khó biết,
Kẻ bị che, tối tăm,
Bạc thiện, được rộng mở,</p> <p>769. Kẻ ngu dầy có gần,
Cũng không có thiện xảo,</p> <p>770. Bị hữu tham chiến bại,
Roi vào Ma chi phối,</p> <p>771. Ai ngoài các bậc Thánh,
Do chánh trí đạo ấy,</p> | <p>Tất cả những pháp này,
Khi nào chúng hiện hữu.</p> <p>Xem chúng là khả lạc,
Mới thấy chúng là khổ.³²</p> <p>Khi có thân đoạn diệt,
Điều mọi giới được thấy.</p> <p>Bạc Thánh gọi là khổ,
Bạc Thánh biết là lạc,</p> <p>Kẻ không thấy mê mờ.
Kẻ không thấy, tối mù,
Bạc thấy được ánh sáng,</p> <p>Cũng không biết con đường,
Đối Chánh pháp Phật dạy.</p> <p>Bị trôi theo dòng hữu,
Pháp này khó chánh giác.</p> <p>Xứng đáng đạo Chánh giác.
Chứng Vô lậu Niết-bàn.</p> |
|---|--|

Thế Tôn thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi pháp này được giảng, tâm của hơn sáu mươi Tỷ-kheo giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.



³² Kệ 765-70, xem S. IV. 126, *Paṭhamarūpārāmasutta* (Kinh thứ nhất về thích sắc).

IV. PHẨM NHÓM TÁM (AṬṬHAKAVAGGA)

§1. KINH VỀ DỤC (*Kāmasutta*)¹ (Sn. 151)

- | | | |
|------|---|--|
| 772. | Ai ao ước được dục,
Chắc tâm ý hoan hỷ, | Nếu dục được thành tựu,
Được điều con người muốn. |
| 773. | Nếu người có dục ấy,
Các dục ấy bị diệt, | Ước muốn được sanh khởi,
Bị khổ như tên đâm. |
| 774. | Ai tránh né các dục,
Chánh niệm vượt thoát được, | Như chân tránh đầu rắn,
Ái triền này ở đời. |
| 775. | Người nào tham đắm dục,
Người nô tỳ, phục vụ, | Ruộng đất, vàng, bò, ngựa,
Nữ nhân và bà con. |
| 776. | Như người không sức lực,
Tai họa giẫm đạp nó,
Như nước ulla tràn vào, | Bị các dục chinh phục,
Khổ đau bước theo nó,
Chiếc thuyền bị vỡ nát. |
| 777. | Do vậy người thường niệm,
Bỏ dục vượt bậc lưu, | Từ bỏ các loại dục,
Tắt thuyền đến bờ kia. |

§2. KINH HANG ĐỘNG TÁM KỆ (*Guhaṭṭhakasutta*)² (Sn. 151)

- | | | |
|------|--|--|
| 778. | Chúng sanh vào trong hang,
Người có thái độ vậy,
Hạnh viễn ly với nó,
Các dục ở trong đời, | Chấp chặt, bị bao trùm,
Chìm sâu trong si mê,
Như vậy thật xa rời,
Không dễ gì đoạn tận. |
| 779. | Dục cầu làm nhân duyên,
Họ rất khó giải thoát,
Đền giải thoát cho mình;
Họ mong việc chưa lại,
Những dục này hiện tại, | Bị lạc, hữu trói buộc,
Không thể có người khác,
Họ cầu việc đã qua,
Họ tham đắm các dục,
Và những dục quá khứ. |

¹ Tham chiếu: Ud. 57, *Soṇasutta* (Kinh Soṇa); J. IV. 172, *Kāmajātaka* (Chuyện dục tham) số §467; MNid. 1, *Kāmasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về dục); Netti. 5, *Desanāhāravibhaṅga* (Phân tích cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo); Netti. 63, *Otarānāhāravibhaṅga* (Phân tích cách truyền đạt bằng sự liệt kê); Pe. 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyaḥhūmi* (Phần thứ hai về Sự hình thành giáo pháp); Vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

² Tham chiếu: Ud. 57, *Soṇasutta* (Kinh Soṇa); MNid. 22, *Guhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về hang); Pe. 1, *Ariyasaccappakāsanapaṭṭhamabhūmi* (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế); Vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

780. Ai tham đắm các dục,
Họ xan tham, keo kiệt,
Khi rơi vào đau khổ,
Ở đây, sau khi chết,
Bị trói buộc si mê,
An trú trên bất chánh,
Họ sầu muộn, than khóc,
Tương lai sẽ thế nào?
781. Do vậy ở tại đây,
Để mình biết những gì,
Do nhân duyên như vậy,
Vì rằng bậc Thánh nói:
Con người cần học tập,
Là bất chánh ở đời;
Mà sống không bất chánh,
Ngắt thay sanh mạng này!
782. Ta thấy ở trên đời,
Đi đến khát ái này,
Phàm những người thấp kém,
Chưa viễn ly khát ái,
Loài người run, sợ hãi,
Trong những loại sanh hữu.
Than van trước miệng chết,
Đối với hữu, phi hữu.
783. Hãy nhìn những người ấy,
Như cá chỗ ít nước,
Thấy được sự kiện này,
Không làm sự việc gì,
Run sợ trong tự ngã,
Trong dòng sông khô cạn,
Hãy sống không của ta,
Khiến tham đắm các hữu.
784. Hãy nhiếp phục ước muốn,
Nhờ liễu tri các xúc,
Cái gì tự ngã trách,
Bậc trí không bị nhớp,
Đối với hai cực đoan,
Không còn có tham đắm,
Cái ấy không có làm,
Bởi những gì thấy nghe.
785. Do liễu tri các tướng,³
Bậc Mâu-ni không nhiễm,
Với mũi tên rút ra,
Không cầu mong đời này,
Vượt qua khỏi bực lưu,
Đối với mọi chấp thủ,
Sở hành không phóng dật,
Không mong ước đời sau.

§3. KINH SAI LẠC TÁM KỆ (*Dutṭhaṭṭhakasutta*)⁴ (Sn. 153)

786. Thật có một số người,
Và thật cũng có người,
Dầu có lời nói gì,
Do vậy bậc Mâu-ni,
Nói với ý sai lạc,
Nói lên ý chơn thật.
Ăn sĩ không liên hệ,
Không chỗ nào hoang vu.
787. Người ước muốn dắt dẫn,
Làm sao từ bỏ được,
Khi tự mình tác thành,
Họ biết như thế nào,
Thiên trú điều sở thích,
Điều tà kiến của mình,
Quan điểm riêng của mình,
Họ sẽ nói như vậy.
788. Người không có ai hỏi,
Biết đến những giới cấm,
Lại nói cho người khác,
Của tự cá nhân mình,

³ Danh sắc.

⁴ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 61, *Dutṭhaṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về xấu xa); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- Bậc thiện xảo nói rằng,
Nếu ai tự nói lên,
789. Vị Tỷ-kheo an tịnh,
Không tán thán giới đức,
Bậc thiện xảo nói rằng,
Với vị ấy đề cao,
790. Với những ai, các pháp,
Được đặt ra phía trước,
Khi đã thấy lợi ích,
Y đây và an trú,
791. Đối với các định kiến,
Khi tích trữ càng nhiều,
Do vậy là con người,
Có khi quyết từ bỏ,
792. Đối với bậc trí tịnh,
Về hữu và phi hữu,
Bậc trí tịnh từ bỏ,
Vị ấy không chấp thủ,
793. Với ai có chấp thủ,
Với ai không chấp thủ,
Chính đối với vị ấy,
Vị ấy đã tẩy sạch,
- Như vậy không Thánh pháp,
Lời tán thán tự ngã.
Sống hết sức tịch tịnh,
Nói rằng “Tôi là vậy”;
Như vậy là Thánh pháp,
Ở đời không khởi lên.
Được sắp xếp, tác thành,
Không phải là thuần tịnh,
Trên tự thân của mình,
Duyên nơi sự dao động.
Không dễ gì vượt qua,
Sự chấp trước các pháp,
Đối với trú xứ ấy,
Có khi chấp nhận pháp.
Không có định kiến sẵn,
Ở nơi nào trên đời.
Man trá và kiêu mạn,
Điều gì khiến người đi.
Hay chỉ trích các pháp,
Lấy gì có thể nói?
Ngã, phi ngã đều không,
Mọi tà kiến ở đời.

§4. KINH THANH TỊNH TÁM KỆ (*Suddhatthakassutta*)⁵ (Sn. 154)

- 794.** Ta thấy vị thanh tịnh,
Sự thanh tịnh con người,
Nắm giữ quan điểm này,
Vị này sẽ xem trí,
Vị tối thượng, không bệnh,
Với tri kiến đạt được,
Xem đây là tối thượng,
Là tùy quán thanh tịnh.
795. Nếu thanh tịnh con người,
Hay với trí vị ấy,
Vị ấy có sanh y,
Vị ấy nói như vậy,
Do tri kiến đạt được,
Từ bỏ sự đau khổ,
Ngoài Thánh đạo được tịnh,
Do tri kiến cá nhân.
796. Bà-la-môn không nói,
Với điều được thấy nghe,
Với công đức, ác đức,
Từ bỏ mọi chấp ngã,
Ngoài Thánh đạo được tịnh,
Ngủ, nếm, xúc, giới đức,
Vị ấy không nhiễm trước,
Không làm gì ở đời.

⁵ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 83, *Suddhatthakassuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về trong sạch); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- | | |
|--|---|
| <p>797. Từ bỏ tri kiến cũ,
Đi đến sự tham đắm,
Họ nắm giữ, chấp trước,
Như khi thả cành này,</p> <p>798. Người tự mình chấp nhận,
Đi chỗ cao chỗ thấp,
Người có trí rộng lớn,
Có trí không đi đến,</p> <p>799. Vị ấy đạt thù thắng,
Phàm có điều thấy nghe,
Với vị tri kiến vậy,
Không bị ai ở đời,</p> <p>800. Họ không tác thành gì,
Họ không có nói lên,
Không dính líu tham đắm,
Họ không tạo tham vọng,</p> <p>801. Với vị Bà-la-môn,
Sau khi biết và thấy,
Tham ái không chi phối,
Vị ấy ở đời này,</p> | <p>Y chỉ tri kiến mới,
Không vượt qua ái dục,
Họ từ bỏ, xa lánh,
Rồi lại nắm cành khác.</p> <p>Các chủng loại giới cấm,
Sống bị tường chi phối;
Nhờ trí tuệ quán pháp,
Các pháp cao và thấp.</p> <p>Trong tất cả các pháp,
Hay ngủ, nếm, xúc chạm,
Sống đời sống rộng mở,
Có thể chi phối được.</p> <p>Họ không đề cao gì,
Đây tôi thắng thanh tịnh,
Mọi chấp trước, triền phược,
Bất cứ đâu ở đời.</p> <p>Đã vượt khỏi biên giới,
Không có kiến, chấp trước,
Cũng không tham, ly tham,
Không chấp thủ gì khác.</p> |
|--|---|

§5. KINH TỐI THẮNG TÁM KỆ (*Paramatthakasutta*)⁶ (Sn. 156)

- | | |
|---|--|
| <p>802. Ai thiên trú trong kiến,
Ở đời đặt kiến ấy,
Người ấy nói tất cả,
Do vậy không vượt khỏi,</p> <p>803. Khi nó thấy lợi ích,
Đối với vật thấy nghe,
Vị ấy ở tại đây,
Nó thấy mọi người khác,</p> <p>804. Người y chỉ kiến ấy,
Các bậc thiện nói rằng,
Do vậy đối thấy nghe,
Bậc Tỷ-kheo không có,</p> <p>805. Chớ có tác thành ra,
Từ ở nơi chánh trí,</p> | <p>Xem kiến ấy tối thắng,
Vào địa vị tối thượng,
Người khác là hạ liệt,
Sự tranh luận ở đời.</p> <p>Đến với tự ngã nó,
Ngủ, nếm, xúc, giới đức,
Liền chấp trước, nắm giữ,
Là hạ liệt thấp kém.</p> <p>Thấy người khác hạ liệt,
Đây là sự trói buộc,
Ngủ, nếm, chạm, giới cấm,
Y chỉ, nương tựa vào.</p> <p>Tri kiến ở trên đời,
Hay từ nơi giới đức,</p> |
|---|--|

⁶ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 101, *Paramatthakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về tối thắng); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- Không bận tâm so sánh,
Không có suy nghĩ đến,
806. Đoạn tận, từ bỏ ngã,
Không tác thành, dựng nên,
Chon thật giữa tranh chấp,
Vị ấy không đi theo,
807. Với ai không hướng nguyện,
Với hữu và phi hữu,
Vị ấy không an trú,
Từ bỏ mọi chấp thủ,
808. Đối vị ấy ở đây,
Được ngủ, nếm, xúc chạm,
Vị Bà-la-môn ấy,
Không ai ở đời này,
809. Họ không tác thành gì,
Các pháp không được họ,
Không một Phạm chí nào,
Đi đến bờ bên kia,
- Tự ngã bằng người khác,
Đây “liệt” hay đây “thắng.”
Không chấp thủ sự gì,
Dù nương tựa nơi trí,
Không theo phe phái nào,
Một loại tri kiến nào.
Về cả hai cực đoan,
Hay đời này, đời sau,
Tại một trú xứ nào,
Đối với tất cả pháp.
Những gì được thấy nghe,
Chút suy tưởng cũng không,
Không chấp thủ, tri kiến,
Có thể chi phối được.
Họ không đề cao gì,
Chấp trước, nắm giữ gì,
Bị giới cấm dất dấn,
Vị ấy không trở lui.

§6. KINH GIÀ (*Jarāsutta*)⁷ (*Sn.* 158)

810. Sinh mạng này ngắn thay,
Nếu ai sống hơn nữa,
811. Loài người sâu vì ngã,
Trống không là đời này,
812. Vì loài người nghĩ rằng,
Cái ấy bị sự chết,
Biết vậy bậc hiền trí,
Cái này ngã của ta,
813. Như những gì hiện lên,
Con người khi tỉnh dậy,
Cũng vậy ở đời này,
Rồi sẽ chết mất đi,
814. Các loại hạng người ấy,
Nên họ được gọi tên,
Với người đã chết đi,
Vì chỉ có tên sông,
- Trong trăm năm rồi chết,
Rồi cũng chết vì già.
Mọi chấp thủ vô thường,
Thấy vậy sống không nhà.
Cái này là của tôi,
Làm hoại diệt hư tàn,
Không gọi, không hướng đến,
Cái này là của ta.
Trong giấc ngủ mộng寐,
Không còn thấy được gì,
Người được ưa, ái luyện,
Không ai còn thấy được.
Được thấy và được nghe,
Tên này hay tên khác.
Chỉ được gọi tên không,
Sẽ được còn tồn tại.

⁷ Tham chiếu: *Ud.* 57, *Soṇasutta* (Kinh Sona); *MNid.* 116, *Jārasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về sự già); *Pe.* 1, *Ariyasaccappakāsanapaṭhamabhūmi* (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế); *Vin.* I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- | | |
|--|---|
| <p>815. Tham đắm cái của ta,
Sầu khổ và than van,
Do vậy bậc ân sĩ,
Đã sống một đời sống,</p> <p>816. Đối với vị Tỷ-kheo,
Sống tu tập tâm ý,
Nếp sống vậy được nói,
Và không nêu tự ngã,</p> <p>817. Vị ân sĩ không tựa,
Không làm thành thương yêu,
Do vậy trong sầu than,
Như nước trên lá cây,</p> <p>818. Giống như một giọt nước,
Như nước trên bông sen,
Đối với vật thấy nghe,
Cũng vậy bậc ân sĩ,</p> <p>819. Do vậy bậc tẩy sạch,
Điều được thấy được nghe,
Vị ấy muốn thanh tịnh,
Vị ấy không tham đắm,</p> | <p>Họ không có từ bỏ,
Cùng xan tham, keo kiết,
Sau khi bỏ chấp thủ,
Thấy được sự an ổn.</p> <p>Sống thanh vắng một mình,
Hướng đến hạnh viễn ly,
Hòa hợp với vị ấy,
Trong hiện hữu của mình.</p> <p>Không y chỉ một ai,
Không tác thành ghét bỏ,
Trong xan tham, keo kiết,
Không dính ướt làm nhơ.</p> <p>Không dính ướt hoa sen,
Không dính ướt làm nhơ,
Được ngủi, nếm, xúc chạm,
Không dính ướt tham đắm.</p> <p>Không có suy tư đến,
Được ngủi, nếm, xúc chạm,
Không có dựa gì khác,
Cũng không có ly tham.</p> |
|--|---|

§7. KINH TISSA METTEYYA (*Tissametteyyasutta*)⁸ (Sn. 160)

- | | |
|---|--|
| <p>820. Tissa Metteyya,
Thế Tôn hãy nói lên,
Đắm say về dâm dục,
Sẽ học tập lời Ngài,</p> <p>821. Thế Tôn nói như sau:
Ai đắm say dâm dục,
Roi vào đường tà vậy,</p> <p>822. Ai trước sống một mình,
Như xe bị nghiêng ngã,
Được gọi là phạm phu,</p> <p>823. Tiếng tốt có từ trước,
Thấy vậy hãy học tập,</p> <p>824. Chi phối bởi suy tư,
Nghe tiếng trách người khác,</p> | <p>Tôn giả nói như sau:
Sự tai hại của người,
Sau khi nghe, chúng con,
Lời dạy về viễn ly.</p> <p>Hồi này Metteyya,
Quên mất lời giảng dạy,
Nếp sống ấy không thánh.</p> <p>Nay rơi vào dâm dục,
Người ấy ở trong đời,
Được gọi là hạ liệt.</p> <p>Giờ đây bị tổn giảm,
Từ bỏ sự dâm dục.</p> <p>Trầm ngâm như kẻ khốn,
Kẻ này bị thất vọng.</p> |
|---|--|

⁸ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sonà); MNid. 138, *Tissametteyyasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Tissametteyya); Pe. 1, *Āriyasaccappakāsapāthamabhūmi* (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

825. Bị người khác buộc tội,
Trở thành người tham lớn,
Nó làm các đạo kiếm,
Chấp thủ điều vọng ngôn.
826. Được danh là hiền trí,
Nếu rơi vào dâm dục,
An trú, sống một mình,
Sâu nảo như kẻ ngu.
827. Thấy nguy hại như vậy,
Kiên trì sống cô độc,
Bậc ẩn sĩ trước sau,
Không thực hành dâm dục.
828. Hãy học tập viễn ly,
Không nghĩ mình tối thắng,
Đây hạnh Thánh tối thượng,
Dầu gần được Niết-bàn.
829. Sở hành bậc ẩn sĩ,
Bậc vượt khỏi bực lưu,
Trống không, không mong dục,
Được các người ở đời,
Ganh tị và thêm muốn.

§8. KINH PASŪRA (*Pasūrasutta*)⁹ (Sn. 161)

830. Ở đây, chính thanh tịnh,
Họ nói trong pháp khác,
Họ nói chỗ y chỉ,
Mỗi người mỗi an trú,
Họ thuyết giảng như vậy,
Không có sự thanh tịnh,
Ở đây là thanh tịnh,
Trong sự thật của mình.
831. Những ai muốn tranh luận,
Họ công kích lẫn nhau,
Họ đi đến người khác,
Họ muốn được tán thán,
Sau khi vào hội chúng,
Họ gọi nhau là ngu,
Và khởi lên tranh luận,
Họ gọi chúng thiện xảo.
832. Ham mê thích tranh luận,
Ước muốn được tán thán,
Khi bị đánh thất bại,
Bị chê, họ nổi giận,
Ở giữa các hội chúng,
Họ sợ hãi thất bại,
Họ trở thành rùn chí,
Kẻ tìm lỗi người khác.
833. Khi các nhà thẩm sát,
Tuyên bố cuộc tranh luận,
Kẻ nói lời hạ liệt,
Họ rên rỉ, than van,
Phê bình các câu hỏi,
Đi đến chỗ thất bại,
Than khóc và sâu nảo,
Nó đã đánh bại ta.
834. Giữa các vị Sa-môn,
Trong các tranh luận này,
Do thấy rõ như vậy,
Dầu có được tán thán,
Các tranh luận khởi lên,
Có chiến thắng, chiến bại.
Không vui thích tranh luận,
Cũng không lợi ích gì.
835. Hay trong tranh luận này,
Sau khi đã nói lên,
Nó được lời tán thán,
Chính giữa các hội chúng,

⁹ Tham chiếu: Ud. 57, *Soṇasutta* (Kinh Soṇa); MNid. 160, *Pasūrasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về *Pasūra*); Pe. 1, *Ariyasaccappakāsanapaṭhamabhūmi* (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế); Vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- | | | |
|------|--|---|
| | Do vậy nó vui cười,
Đạt được mục đích ấy, | Nó tự hào kiêu hãnh,
Như tâm ý đã có. |
| 836. | Cái làm nó cống cao,
Tuy vậy nó vẫn nói,
Khi thấy được như vậy,
Bậc thiện xảo nói rằng, | Cũng là đất hại nó,
Lời cống cao, kiêu mạn,
Hãy đừng có tranh luận,
Thanh tịnh không do vậy. |
| 837. | Cũng như bậc anh hùng,
Đến la hét muốn tìm,
Ôi, anh hùng hãy đến,
Từ trước đã không có, | Được đồ ăn vua nuôi,
Một địch thủ anh hùng,
Chỗ nào có vị ấy,
Sự đấu tranh như vậy. |
| 838. | Những ai chấp tri kiến,
Tuyên bố, thuyết giảng rằng:
Ông hãy nói với họ,
Ông hãy nói thêm rằng, | Tranh luận về kiến ấy,
Chỉ đây là sự thật,
Ở đây không tranh luận,
Ở đây không địch thủ. |
| 839. | Cuộc chiến đấu đã tàn,
Không có sự chống đối,
Hỡi này Pasūra!
Với người không chấp thủ, | Những ai sống như vậy,
Giữa kiến này, kiến khác,
Ông được gì nơi họ,
Một sự gì tối thượng? |
| 840. | Vậy ông hãy đi đến,
Với tâm ý suy tư,
Khi đến gặp tranh luận,
Ông thật không thể nào, | Suy tư, ngẫm nghĩ kỹ,
Trên những loại tri kiến,
Với bậc đã tẩy sạch,
Cùng vị ấy tiến bước. |

§9. KINH MĀGAṆḌIYA (*Māgaṇḍiyasutta*)¹⁰ (Sn. 163)

[Thế Tôn:]

- | | | |
|------|---|--|
| 841. | Sau khi thấy khát ái,
Không thể có ưa muốn,
Sao, với bao đầy tràn,
Ta không có ước muốn, | Bắt lạc và tham đắm,
Đối với sự dâm dục.
Nước tiểu, phân uế này,
Với chân động chạm nó. |
|------|---|--|

[Māgaṇḍiya:]

- | | | |
|------|--|---|
| 842. | Nếu Ngài không ước muốn,
Nữ nhân được mong cầu,
Hãy nói như thế nào,
Giới cấm và sinh mạng, | Ngọc báu như thế này,
Bởi rất nhiều đế vương,
Là tri kiến của Ngài,
Cùng sự hữu phát sanh. |
|------|--|---|

¹⁰ Bản CST viết Māgaṇḍiya. Bản Tích Lan, PTS và Thái Lan viết Māgaṇḍiya. Tham chiếu: S. III. 9, *Hāliddikānisutta* (Kinh Hāliddikāni); Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 180, *Māgaṇḍiyasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về Māgaṇḍiya); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

843. Thế Tôn liền trả lời,
Với Ta không có nói,
Sau khi quán sát kỹ,
Trong tất cả tri kiến,
Ta thấy biết rõ ràng,
844. Māgaṇḍiya nói:
Ngài nói vị ân sĩ,
Còn về ý nghĩa này,
Thế nào bậc hiền trí,
845. Thế Tôn nói như sau:
Không phải từ tri kiến,
Không phải từ giới cấm,
Người ta nói như vậy,
Không kiến, không truyền thống,
Từ bỏ tất cả chúng,
Bậc thiện không y chỉ,
846. Māgaṇḍiya nói:
Từ truyền thống, từ trí,
Thanh tịnh được đưa đến.
Cũng không phải không kiến,
Không giới luật, giới cấm,
Con nghĩ rằng pháp vậy,
Vì rằng thật có người,
847. Thế Tôn nói như sau:
Nếu y vẫn tri kiến,
Chính do những chấp thủ,
Từ đó ông không thấy,
Do vậy ông cho rằng,
848. Bằng ta, thắng hơn ta,
Ai suy nghĩ như vậy,
Ai không bị dao động,
Như vậy đối vị ấy,
849. Sao Bà-la-môn ấy,
Đây chính là nói láo,
Với ai không hề có,
Do đâu nó có thể,
850. Rời bỏ mọi nhà cửa,
Ân sĩ không thân thiết,
- Cho Māgaṇḍiya:
“Ta nói như thế này,”
Sự chấp thủ trong pháp,
Ta không có chấp trước,
Tịch tịnh trong nội tâm.
Các lý thuyết quyết định,
Không nắm giữ thuyết nào,
Của hai chữ nội tịnh,
Hiểu biết hai chữ ấy?
Này Māgaṇḍiya,
Từ truyền thống, từ trí,
Thanh tịnh được đem đến.
Nhưng cũng không phải là,
Không trí, không giới cấm,
Không chấp thủ sự gì,
Không ước muốn sanh hữu.
Nếu không từ tri kiến,
Không phải từ giới cấm,
Người ta nói như vậy,
Không truyền thống, không trí,
Thanh tịnh được đem đến,
Là pháp kẻ ngu si,
Nhờ kiến đến thanh tịnh.
Này Māgaṇḍiya,
Ông còn tiếp tục hỏi,
Đi đến sự ngu si,
Một chút gì về tướng,
Pháp này là ngu si.
Hay thấp kém hơn ta,
Do vậy đấu tranh khởi,
Bởi ba vấn đề ấy,
Không bằng, không thù thắng.
Lại nói: “Đây sự thật”,
Để gây nên tranh luận;
Bằng nhau, không bằng nhau.
Mắc vào tranh luận được.
Sống là kẻ không nhà,
Với một ai ở làng,

- | | | |
|------|---|--|
| | Trống không các dục vọng,
Không nói chuyện tranh luận, | Không xem trọng sự gì,
Với một ai ở đời. |
| 851. | Vị ấy sống viễn ly,
Bậc Long tượng không chấp,
Như cây sen có gai,
Không bị nước và bùn,
Như vậy bậc ẩn sĩ,
Không bị dục và đời, | Mọi sự việc ở đời,
Và không nói đến chúng,
Sanh ra ở trong nước,
Mắc dính và thấm ướt,
Nói an tịnh, không tham,
Mắc dính và thấm ướt. |
| 852. | Bậc trí không do kiến,
Đi đến sự kiêu mạn,
Không để cho hành động,
Không để bị chi phối, | Cũng không do thọ tướng,
Không có tham dự vào,
Cho truyền thống dặt dắn,
Trong trú xứ của ý. |
| 853. | Người không ưa thích tướng,
Vị được Tuệ giải thoát,
Và những ai chấp thủ,
Người ấy sống xung đột, | Không có bị trói buộc,
Không có sự si mê,
Tư tưởng và tri kiến,
Với mọi người ở đời. |

§10. KINH TRƯỚC KHI BỊ HỦY HOẠI (*Purābheda sutta*)¹¹ (Sn .166)

- | | | |
|------|--|--|
| 854. | Người sống đời an tịnh,
Con hỏi Gotama, | Kiến và giới thế nào,
Là bậc người tối thượng? |
| 855. | Thế Tôn đáp như sau:
Không y chỉ ban đầu,
Không kể đến vật giữa, | Ly ái trước thân hoại,
Không y chỉ cuối cùng,
Không có ưa thích nào. |
| 856. | Không phần nộ, không sợ,
Nói hòa nhã, không động, | Không khoa đại, không hỏi,
Bậc ẩn sĩ thận ngôn. |
| 857. | Không ước vọng tương lai,
Thấy viễn ly giữa xúc, | Không sầu muộn quá khứ,
Không để kiến dặt dắn. |
| 858. | Sống riêng, không man trá,
Không xông xáo, nhàm chán, | Không muốn, không xan tham,
Không được nói hai lưỡi. |
| 859. | Không mê vật khả ái,
Nhu hòa nhưng ứng biện, | Cũng không có quá mạn,
Không vọng tín, không tham. |
| 860. | Không tu tập vì lợi,
Không bị ái kích thích, | Không được lợi không sân,
Không đam mê các vị. |
| 861. | Thường trú xả, chánh niệm,
Bằng, hơn hay thua người, | Ở đời không nghĩ mình,
Vị ấy không bông bột. |

¹¹ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 209, *Purābheda suttaniddeso* (Diễn giải kinh trước khi hoại rã); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- | | |
|--|--|
| <p>862. Không y chỉ một ai,
Vị ấy không có ái,</p> <p>863. Ta gọi vị an tịnh,
Vị ấy không triền phược,</p> <p>864. Vị ấy không con cái,
Không có gì nắm lấy,</p> <p>865. Phàm phu có buộc tội,
Vị ấy không quan tâm,</p> <p>866. Không tham, không xan lẫn,
Không nói bằng, nói thấp,
Vì vị ấy vượt khỏi,</p> <p>867. Ai không có vật gì,
Không đi đến các pháp,</p> | <p>Biết pháp, không y chỉ,
Đối với hữu, phi hữu.</p> <p>Không mong cầu các dục,
Vượt khỏi các tham trước.</p> <p>Thú vật, ruộng, đất đai,
Là ta, là không ta.</p> <p>Hoặc Sa-môn, Phạm chí,
Trong lời nói không động.</p> <p>Ăn sĩ không nói cao,
Không đi đến đặt để,
Những gì được đặt để.</p> <p>Không có, không sâu muộn,
Vị ấy gọi an tịnh.</p> |
|--|--|

§11. KINH TRANH LUẬN (*Kalahavivādasutta*)¹² (Sn. 168)

[Người hỏi:]

- | | |
|---|--|
| <p>868. Từ đâu được khởi lên,
Than van và sầu muộn,
Mạn và tăng thượng mạn,
Từ đâu chúng sanh nhiều,</p> | <p>Các tranh luận, đấu tranh,
Cùng với tánh xan tham,
Kể cả với hai lưỡi,
Mong Ngài hãy nói lên?</p> |
|---|--|

[Thế Tôn:]

- | | |
|--|---|
| <p>869. Từ ái sanh khởi nhiều,
Than van và sầu muộn,
Mạn và tăng thượng mạn,
Các tranh luận, đấu tranh,
Những lời nói hai lưỡi,</p> | <p>Các tranh luận, đấu tranh,
Cùng với tánh xan tham,
Kể cả với hai lưỡi,
Đều liên hệ xan tham,
Khởi lên từ tranh luận.</p> |
|--|---|

[Người hỏi:]

- | | |
|--|---|
| <p>870. Do những nhân duyên nào,
Hay những tham lam nào,
Ước vọng và thành đạt,
Khiến loài người được sanh,</p> | <p>Khả ái sanh ở đời?
Được lưu hành ở đời?
Là do nhân duyên nào?
Trong thời gian tương lai.</p> |
|--|---|

[Thế Tôn:]

- | | |
|---|---|
| <p>871. Do ước muốn làm nhân,
Hay với những tham lam,
Ước vọng và thành đạt,
Khiến loài người được sanh,</p> | <p>Khả ái sanh ở đời,
Được lưu hành ở đời,
Do ước muốn làm nhân,
Trong thời gian tương lai.</p> |
|---|---|

¹² Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 254, *Kalahavivādasuttaniddeso* (Diễn giải kinh cãi cọ và tranh cãi); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

[Người hỏi:]

872. Ước muốn sanh ở đời,
Hay cả những quyết định,
Phần nộ và vọng ngữ,
Hoặc là những pháp nào,

[Thế Tôn:]

873. Khả ý, bất khả ý,
Do y chỉ nơi chúng,
Sau khi thấy trong sắc,
Chúng sanh mới làm được,

874. Phần nộ và vọng ngữ,
Những pháp này lưu hành,
Kẻ nghi hãy học tập,
Sau khi biết các pháp,

[Người hỏi:]

875. Khả ý, bất khả ý,
Do cái gì không có,
Còn về ý nghĩa này,
Hãy nói cho chúng con,

[Thế Tôn:]

876. Do nhân duyên cảm xúc,
Nếu không có cảm xúc,
Còn về ý nghĩa này,
Ta nói cho ông rõ,

[Người hỏi:]

877. Còn cảm xúc ở đời,
Hay các loại chấp thủ,
Do cái gì không có,
Cái gì không hiện hữu,

[Thế Tôn:]

878. Do duyên danh và sắc,
Do nhân các ước muốn,
Nếu ước muốn không có,
Do sắc không hiện hữu,

[Người hỏi:]

879. Sở hành như thế nào,
An lạc và khổ đau,

Là do nhân duyên nào?
Do nhân nào được sanh?
Cùng với cả nghi hoặc,
Được Sa-môn nói đến?

Được gọi vậy ở đời,
Ước muốn được sanh khởi.
Cả hữu và phi hữu,
Những quyết định ở đời.
Cùng với cả nghi hoặc,
Khi pháp đôi có mặt,
Trên con đường chánh trí,
Do Sa-môn thuyết giảng.

Là do nhân duyên nào?
Họ không có hiện hữu?
Về phi hữu và hữu,
Nguyên nhân gì chúng sanh?

Khả ý, bất khả ý,
Họ cũng không hiện hữu,
Về phi hữu và hữu,
Nguyên nhân này chúng sanh.

Do nhân gì sanh khởi?
Do từ đâu sanh nhiều?
Ngã sở hữu không có?
Khiến không có cảm xúc?

Nên có các cảm xúc,
Nên có những chấp thủ,
Ngã sở hữu cũng không,
Khiến không có cảm xúc.

Sắc pháp không hiện hữu?
Thế nào không có mặt?

Hãy nói lên cho con,
Chúng con muốn được biết,

[Thế Tôn:]

880. Không có tướng các tướng,
Phi tướng cũng không có,
Do sở hành như vậy,
Do nhân duyên các tướng,

Không có như thế nào,
Tâm ý con là vậy.

Không có tướng vô tướng,
Vô hữu tướng cũng không,
Sắc pháp không hiện hữu,
Hý luận được hình thành.

[Người hỏi:]

881. Ngài đã nói chúng con,
Có điều nữa hỏi Ngài,
Bậc hiền trí nói rằng,
Nghĩa là ở đời này,
Hay là chúng muốn nói,

Những điều chúng con hỏi,
Mong Ngài trả lời cho,
Như thế này tối thượng,
Thanh tịnh vượt nhân gian,
Có điều gì khác nữa?

[Thế Tôn:]

882. Bậc hiền trí nói rằng,
Nghĩa là ở đời này,
Nhưng có người nói rằng,
Lại một số thiện nhân,

Như thế là tối thượng,
Thanh tịnh vượt nhân gian,
Chính là sự hoại diệt,
Nói rằng: “Không dư y.”

883. Biết được những pháp ấy,
Biết vậy bậc ẩn sĩ,
Biết được nên giải thoát,
Bậc hiền không tìm đến,

Đều nương tựa y chỉ,
Suy tư trên y chỉ,
Không đi đến tranh luận,
Cả hữu và phi hữu.

§12. KINH NHỮNG VẤN ĐỀ NHỎ BÉ (*Cūḷabyūhasutta*)¹³ (Sn. 171)

[Người hỏi:]

884. Mỗi người tự thiên chấp,
Do chấp thủ sai biệt,
Ai biết như thế này,
Ai chỉ trích điểm này,

Về tri kiến của mình,
Bậc thiện xảo nói lên,
Vị ấy biết được pháp,
Vị ấy không hoàn toàn.

885. Do chấp thủ như vậy,
Họ nói kẻ khác ngu,
Trong những lời nói này,
Hay tất cả vị này,

Họ tranh luận với nhau,
Không có khéo thiện xảo,
Lời nói ai chơn thật,
Là những bậc khéo nói?

[Thế Tôn:]

886. Nếu không có chấp thuận,
Nói kẻ khác là ngu,

Pháp của các người khác,
Tuệ như vậy thấp kém,

¹³ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sona); MNid. 284, *Cūḷabyūhasuttaniddeso* (Diễn giải kinh những vấn đề nhỏ bé); Vin. I. 179; Phật thuyết Nghĩa túc kinh 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- Tất cả là ngu si,
Tất cả tri kiến này,
- 887.** Nếu các cuộc tranh luận,
Trí tuệ được thanh tịnh,
Họ không có một ai,
Và tri kiến của họ,
- 888.** Ta không có nói rằng:
Các người ngu với nhau,
Vớ tri kiến tự mình,
Do vậy các người khác,
- [Người hỏi:]
- 889.** Một số người nói rằng:
Họ nói các người khác,
Do chấp thủ như vậy,
Vì sao bậc Sa-môn,
- [Thế Tôn:]
- 890.** Sự thật chỉ có một,
Khi có sự hiểu biết,
Nhưng họ tự mình khen,
Do vậy bậc Sa-môn,
- [Người hỏi:]
- 891.** Vì sao họ nói lên,
Vì sao bậc thiện xảo,
Nếu các sự thật ấy,
Hay họ chỉ nhớ đến,
- [Thế Tôn:]
- 892.** Thật sự các sự thật,
Từ các luồng tư tưởng,
Do họ suy nghĩ đến,
Họ nói có hai pháp,
- 893.** Các pháp được thấy nghe,
Họ y cứ pháp này,
An trú các quyết định,
Họ nói các người khác,
- 894.** Vì rằng đôi người khác,
Tự mình gọi chính mình,
Do chính mình khen mình,
Khinh thường các người khác,
- Có tuệ thật thấp kém,
Đều chỉ là thiên chấp.
Được tri kiến gạn lọc,
Thiện xảo trí sáng suốt,
Là trí tuệ hạ liệt,
Được hoàn toàn viên mãn.
“Đây chính là sự thật.”
Cùng nhau nói như vậy,
Họ nói là chơn thật,
Được họ xem là ngu.
- “Đây mới là sự thật”,
Là trống không, giả dối,
Họ tranh luận, đấu tranh,
Không cùng nói một lời?
- Không sự thật thứ hai,
Hội chúng không tranh luận,
Các sự thật khác nhau,
Không cùng nói một lời.
- Những chơn thật sai khác?
Lại nói lời tranh luận?
Là nhiều và sai biệt,
Những suy luận của họ?
- Không có nhiều sai biệt,
Về thường còn ở đời,
Tư tưởng các tri kiến,
Sự thật và giả dối.
Ngủ, nếm, xúc, giữ giới,
Họ suy tư, nhìn thấy,
Họ chê cười người khác,
Là ngu si, bất thiện.
Họ xem là ngu si,
Là thiện xảo tốt đẹp,
Vị ấy gọi thiện xảo,
Lời người ấy là vậy.

895. Vị ấy quá say mê,
Nên trở thành kiêu mạn,
Tự mình với tâm ý,
Và tri kiến của họ,
Vớ tri kiến của mình,
Viên mãn tự ý mình,
Làm lễ Quán đảnh mình,
Được nghĩ đạt như thế.
Nó là hạng hạ liệt,
Kẻ kia cũng liệt tuệ,
Bậc hiền trí hiểu biết,
Giữa các bậc Sa-môn.
896. Nếu người khác nói rằng:
Như vậy đối tự mình,
Nếu tự nó sáng suốt,
Không có ai ngu si,
Sai khác với pháp này,
Không là người hoàn toàn,
Tuyên bố thật rộng rãi,
Họ quá sức đam mê.
897. Những ai tuyên bố pháp,
Đi ngược lại thanh tịnh,
Như vậy các ngoại đạo,
Do lòng tham tri kiến,
Chính đây là thanh tịnh,
Trong các pháp sai khác,
An trú cách khác nhau,
Con đường riêng của mình.
898. Những ai tuyên bố rằng,
Họ nói không thanh tịnh,
Như vậy các ngoại đạo,
Họ kiên trì tuyên bố,
Con đường riêng của mình,
Nói người khác là ngu?
Đem lại sự tranh cãi,
Không được pháp thanh tịnh.
899. Ai kiên trì tuyên bố,
Sao ở đây có thể,
Vị ấy tự bản thân,
Người khác nói họ ngu,
Tự mình lượng sức người,
Chỉ tăng thêm tranh luận.
Mọi quyết định, chủ trương,
Không tạo ra tranh cãi.
900. An trú trên quyết định,
Vị ấy ở trên đời,
Khi từ bỏ tất cả,
Con người ở trên đời,

§13. KINH NHỮNG VẤN ĐỀ TO LỚN (*Mahābyūhasutta*)¹⁴ (Sn. 174)

[Người hỏi:]

901. Với những ai thiên vị,
Chỉ đây là sự thật,
Tất cả những người ấy,
Hay chính tại ở đây,
Đối với tri kiến này,
Họ cãi cọ, tranh luận,
Đem lại sự chỉ trích,
Họ được lời tán thán?

[Thế Tôn:]

902. Đây chỉ là nhỏ bé,
Ta nói về hai quả,
Sau khi thấy như vậy,
Nên thấy rằng an ổn,
Không đủ đem an tịnh,
Của các loại đấu tranh;
Chớ có nên tranh luận,
Không phải đấu, tranh luận.

¹⁴ Tham chiếu: Ud. 57, *Sonassutta* (Kinh Sonā); MNid. 304, *Mahābyūhasuttaniddeso* (Diễn giải kinh những vấn đề to lớn); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

903. Phàm những thế tục này,
Bậc trí không dựa vào,
Vớ vật được thấy, nghe,
Đã không có dính mắc,

904. Bậc xem giới tối thượng,
Chấp thủ giới cấm xong,
Ở đây họ tu tập,
Họ chỉ khéo nói năng,

905. Nếu có ai vi phạm,
Người ấy sẽ run sợ,
Và người ấy ham muốn,
Như lữ hành lạc đoàn,

906. Hoặc người ấy đoạn hết,
Cùng với các sở hành,
Không còn có cố gắng,
Người ấy sống từ bỏ,

907. Người y chỉ khô hạnh,
Kẻ dựa vào nghe thấy,
Họ là hạng nói lớn,
Chưa đoạn được tham ái,

908. Vớ ai có nỗ lực,
Họ mới phải run sợ,
Vớ những ai ở đời,
Do gì, khiến họ sợ,

[Người hỏi:]

909. Có những người tuyên bố,
Nhưng người khác lại nói,
Ai nói lời chơn thật,
Hay tất cả hạng này,

910. Vớ pháp tự của mình,
Chỉ trích pháp người khác,
Do chấp thủ như vậy,
Mọi thế tục tự mình,

[Thế Tôn:]

911. Nếu có bị người khác,
Như vậy giữa các pháp,
Kẻ phàm phu nói rằng,
Cương quyết tự đề cao,

Được sanh giữa phàm phu,
Tất cả thế tục này,
Không khởi ý muốn thích,
Sao nay lại dính mắc.

Nói tịnh nhờ chế ngự,
Họ an trú như vậy.
Do đây được thanh tịnh,
Họ bị hữu dắt dẫn.

Giới hạnh và giới cấm,
Vì sở hành khiếm khuyết.
Cầu mong được thanh tịnh,
Khi sống xa gia đình.

Tất cả giới cấm thủ,
Có tội, không có tội,
Thanh tịnh, không thanh tịnh,
Không theo giữ an tịnh.

Người y chỉ nhàm chán,
Hay ngủi, nếm, xúc chạm,
Tán thán sự thanh tịnh,
Đối với hữu, phi hữu.

Cầu mong và ham muốn,
Ở nơi các định kiến;
Không có sanh và chết,
Họ tham vọng cái gì?

Pháp này là tối thượng,
Pháp ấy là hạ liệt.
Giữa hai hạng người này,
Đều là hạng khéo nói?

Nói pháp này viên mãn,
Là thấp kém, hạ liệt;
Họ luận tranh, đấu tranh,
Họ nói là chơn thật.

Khinh rẻ là hạ liệt,
Không gì thù thắng sao?
Pháp người khác hạ liệt,
Pháp mình không hạ liệt.

912. Như mọi người tôn thờ,
Giống như họ tán thán,
Tất cả những lời nói,
Sự thanh tịnh đối họ,
913. Với người Bà-la-môn,
Sau khi đã nghiên cứu,
Do vậy nên vị ấy,
Không thấy pháp người khác,
914. Họ nói: “Tôi thấy biết,
Họ đi đến quan điểm,
Vị ấy đã thấy vậy,
Vượt qua được quan điểm,
915. Người có mắt thấy được,
Sau khi thấy được chúng,
Hãy để người ấy thấy,
Bậc thiện xảo không nói,
916. Người đã có cuồng tín,
Vì đã có thiên vị,
Y chỉ nơi cái gì,
Người tuyên bố thanh tịnh,
917. Phạm chí không rơi vào,
Không theo các tri kiến,
Biết được các thể tục,
Các người khác học hỏi,
918. Không chấp thủ triền phược,
Giữa tranh luận khởi lên,
Sống an tịnh, hỷ xả,
Các người khác học hỏi,
919. Từ bỏ lậu hoặc cũ,
Không đi đến ước muốn,
Vị hiền trí như vậy,
Không tham dính ở đời,
920. Không có sự thù hằn,
Phàm có thấy nghe gì,
Ân sĩ không hệ lụy,
Không đặt đẽ, sắp xếp,
- Chánh pháp của tự mình,
Mọi sở hành bản thân,
Trở thành lời chơn thật,
Tự mỗi người tác thành.
- Không người khác lãnh đạo,
Chấp thủ trong các pháp,
Vượt khỏi các tranh luận,
Có thể thù thắng hơn.
- Cái này là như vậy.”
Thanh tịnh nhờ tri kiến,
Cần gì kiến người khác,
Thanh tịnh nhờ pháp khác.
- Cả danh và cả sắc,
Sẽ biết chúng là vậy,
Các dục nhiều hay ít,
Thanh tịnh là nhờ dục.
- Không đưa đến thanh tịnh,
Với tri kiến tác thành,
Nơi đây là tinh sạch,
Thấy ở đây như vậy.
- Thời gian và ước lượng,
Không bà con với trí,
Do phạm phu chấp thủ,
Vị ấy sống hỷ xả.
- Ân sĩ sống ở đời,
Không theo phe phái nào,
Giữa những người không tịnh,
Vị ấy sống không học.
- Không tạo lậu hoặc mới,
Không cuồng tín, chấp thủ,
Thoát khỏi các tà kiến,
Không bị ngã chỉ trích.
- Đối với tất cả pháp,
Hay ngửi, nếm, xúc chạm,
Đã đặt gánh nặng xuống,
Không phải kiêng, không cầu.

§14. KINH CON ĐƯỜNG MAU CHÓNG (*Tuvaṭṭakasutta*)¹⁵ (Sn. 179)

- | | |
|--|--|
| <p>921. Con hỏi bậc Đại Tiên,
Con đường đến viễn ly,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Không có sự chấp thủ,</p> | <p>Bậc Bà Con Mặt Trời,
Con đường đến an tịnh,
Làm thế nào tịch tịnh,
Một vật gì ở đời?</p> |
| <p>922. Thế Tôn đáp như sau:
Gốc rễ các hý luận,
Tất cả phải chấm dứt,
Sau khi nhiếp phục chúng,</p> | <p>Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Mọi tư tưởng “tôi là”,
Phàm có nội ái nào,
Thường chánh niệm học tập.</p> |
| <p>923. Phàm có loại pháp gì,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Chớ tự hào, kiêu hãnh,
Trạng thái ấy không gọi,</p> | <p>Được thắng tri hoàn toàn,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Bất cứ một pháp nào,
Sự bình an tịch tịnh.</p> |
| <p>924. Chớ có nghĩ như sau:
Đây là hạ liệt hơn,
Do phải bị xúc chạm,
Hãy chớ để tự mình,</p> | <p>Cái kia là tốt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Với các sắc sai biệt,
An trú trên vọng tưởng.</p> |
| <p>925. Hãy giữ được an tịnh,
Tỷ-kheo không cầu tìm,
Với người được an tịnh,
Đã không có tự ngã,</p> | <p>Về phía tự nội tâm,
An tịnh từ chỗ khác,
Từ phía tự nội tâm,
Từ đâu có vô ngã.</p> |
| <p>926. Như chính giữa trung ương,
Sóng biển không có sanh,
Cũng vậy này Tỷ-kheo,
Không dục vọng, tham luyến,</p> | <p>Của biển cả đại dương,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Hãy đứng lặng không động,
Đối sự gì ở đời.</p> |
| [Người hỏi:] | |
| <p>927. Vị có mắt rộng mở,
Pháp có thể chế ngự,
Bậc Hiền thiện, mong Ngài,
Hay về biệt giải thoát,</p> | <p>Đã tuyên bố rõ ràng,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Tuyên bố rõ con đường,
Hoặc về pháp thiên định?</p> |
| [Thế Tôn:] | |
| <p>928. Chớ có những con mắt,
Hãy chặn đứng lỗ tai,
Lại chớ nên đắm say,
Chớ xem là của ta,</p> | <p>Đầy rẫy những tham đắm,
Nghe câu chuyện của làng,
Các mùi vị ngon lành,
Mọi sự vật ở đời!</p> |
| <p>929. Trong khi được cảm giác,
Tỷ-kheo không than van,</p> | <p>Với các loại cảm xúc,
Bất cứ một điều gì;</p> |

¹⁵ Tham chiếu: Ud. 57, *Sōṇasutta* (Kinh Sona); MNid. 338, *Tuvaṭṭakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh một cách nhanh chóng); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- Vị ấy không cầu mong,
Và không có run sợ,
- 930.** Các đồ ăn thô được,
Các món ăn nhai được,
Chớ có cất chứa chúng,
Chớ có quá lo âu,
- 931.** Hãy tu tập thiền định,
Chớ ưa thích trạo cử,
Đối với các chỗ ngồi,
Tỷ-kheo hãy an trú,
- 932.** Ngủ nghỉ có chừng mực,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Hãy từ bỏ dâm dục,
- 933.** Chớ có dùng bùa chú,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không tính ngày thọ thai,
- 934.** Tỷ-kheo không run sợ,
Cũng không có công cao,
Hãy từ bỏ tham ái,
Kể luôn cả phần nộ,
- 935.** Tỷ-kheo không an trú,
Lại không có chỉ trích,
Khi ở tại thôn làng,
Chớ có vì lợi dưỡng,
- 936.** Tỷ-kheo không nên nói,
Và cũng không nói lời,
Chớ có học tập theo,
Chớ có thốt ra lời,
- 937.** Chớ có bị dắt dẫn,
Không cố ý làm nên.
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề trí tuệ,
- 938.** Sau khi phần uất nghe,
Của các vị Sa-môn,
Chớ có phản ứng họ,
Bậc hiền lành an tịnh,
- Dầu loại sanh hữu nào,
Rơi vào các kinh hoàng.
Cùng với các đồ uống,
Các đồ vải mặc được,
Những đồ vật nhận được,
Nếu không thô được chúng.
Chớ làm kẻ lang thang,
Đừng rơi vào phóng dật,
Cùng với các chỗ nằm,
Những chỗ không tiếng động.
Chớ có ngủ quá nhiều,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Man trá, cười, chơi đùa,
Bỏ ưa thích trang điểm.
Atharva Vệ-đà,
Coi tướng và xem sao,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không hành nghề lang băm.
Khi bị người chỉ trích,
Khi được khen, tán thán,
Cùng với tánh xan tham,
Cùng với nói hai lưỡi.
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Bất cứ tại chỗ nào,
Không tức giận một ai,
Nói chuyện với quần chúng.
Khoa trương quá mức độ,
Có dụng ý lợi dưỡng,
Lối sỗ sàng trang tráo,
Khiêu khích xung đột ai.
Rơi vào lời nói láo,
Điều man trá, giả dối,
Về vấn đề sinh mạng,
Và vấn đề giới hạnh.
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Hay những kẻ phạm phụ,
Với những lời thô ác,
Không phản pháo một ai.

939. Sau khi rõ biết được,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Rõ biết sự tịch tịnh,
Chớ có sống phóng dật,
940. Bạc đã được chiến thắng,
Tự mình thấy được pháp,
Do vậy hãy học tập,
Với tâm tư cung kính,
Thế Tôn nói như vậy.
- Pháp này là như vậy,
Sáng suốt và chánh niệm,
Được gọi “sự an tịnh”,
Trong lời dạy Cù-đàm.
Không ai chiến thắng nổi,
Không nghe theo tin đồn,
Luôn luôn không phóng dật,
Lời dạy đức Thế Tôn,

§15. KINH CHẤP TRƯỞNG (*Attadaṇḍasutta*)¹⁶ (Sn. 182)

941. Từ người cầm các trượng,
Hãy xem các loài người,
Ta sẽ nói sợ hãi,
942. Thấy loài người vùng vẫy,
Thấy họ chống đối nhau,
943. Đòi toàn không cốt lõi,
Muốn cho mình ngôi nhà,
944. Cuối cùng là xung đột,
Đây Ta thấy mũi tên,
945. Ai bị mũi tên đâm,
Ai rút mũi tên ra,
946. Ở đây, sự học tập,
Phàm triền phược ở đời,
Rõ các dục hoàn toàn,
947. Chơn thật, không xông xáo,
Không phần nộ, ẩn sĩ,
948. Người nghĩ đến Niết-bàn,
Không sống với phóng dật,
949. Không rơi vào nói láo,
Cần liễu tri ngã mạn,
950. Không hoan hỷ uẩn cũ,
Trong tổn giảm, không sâu,
951. Ái, Ta gọi bộc lưu,
Sở duyên gọi rúng động,
- Sợ hãi được sanh ra,
Trong khi đấu tranh nhau,
Như Ta đã được biết.
Như cá trong nước cạn,
Ta rơi vào sợ hãi.
Mọi phương đều dao động,
Ta không thấy nhà ở.
Thấy vậy, Ta chán ngắt,
Khó thấy, gắn vào tim.
Chạy khắp mọi phương hướng;
Không chạy, không chìm xuống.
Đã được nói rõ lên,
Chớ liên hệ với chúng,
Tự học tập Niết-bàn.
Không man trá, hai lưỡi,
Vượt tham ác, xan tham.
Bỏ ngủ, nhác, thụ miên,
Không an trú quá mạn.
Không tham ái các sắc,
Sống từ bỏ bạo ác.
Không mong mỏi uẩn mới,
Không liên hệ tham ái,
Mong cầu cứ tiếp nối,
Bùn dục khó vượt qua.

¹⁶ Tham chiếu: Ud. 57, *Sōṇasutta* (Kinh Sona); MNid. 401, *Attadaṇḍasuttaniddeso* (Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

- | | |
|---|---|
| <p>952. Ăn sĩ giữ chân thật,
Vị từ bỏ tất cả,</p> <p>953. Biết vậy, gọi người biết,
Chon chánh sống ở đời,</p> <p>954. Ai ở đây vượt dục,
Không sầu, không tham muốn,</p> <p>955. Trước ông làm khô cạn,
Ở giữa không nắm giữ,</p> <p>956. Toàn diện đối danh sắc,
Không có gì không sầu,</p> <p>957. Không nghĩ “đây của tôi”,
Người không có tự ngã,</p> <p>958. Không ganh tị, không tham,
Được hỏi Ta nói lên,</p> <p>959. Bậc ly dục rõ biết,
Thoát ly các sở hành,</p> <p>960. Bậc ăn sĩ không nói,
An tịnh, ly xan tham,
Thế Tôn giảng như vậy.</p> | <p>Phạm chí trú đất liền,
Thật được gọi an tịnh.</p> <p>Biết pháp, không y cứ,
Không tham ái một ai.</p> <p>Ái khó vượt ở đời,
Cắt dòng không trôi buộc.</p> <p>Sau ông không vật gì,
Ông sẽ sống an tịnh.</p> <p>Không gì nghĩ “của ta”,
Không có già ở đời.</p> <p>Không nghĩ “đây của người”,
Không sầu vì không ngã.</p> <p>Không dục, thường đồng đẳng,
Lợi ích bậc bất động.</p> <p>Vị ấy không sở hành,
Thấy an ổn khắp nơi.</p> <p>Bằng nhau, thua, hơn nhau,
Không nhận, không bác bỏ,</p> |
|---|---|

§16. KINH SĀRIPUTTA (*Sāriputtasutta*)¹⁷ (Sn. 185)

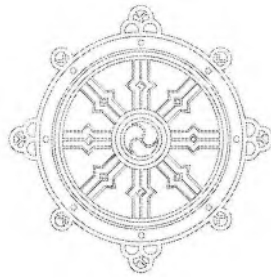
- | | |
|---|--|
| <p>961. Xá-lợi-phất nói vậy,
Chưa từng được nghe ai,
Như tiếng bậc Đạo sư,</p> <p>962. Bậc Có Mắt xuất hiện,
Quét sạch mọi u ám,</p> <p>963. Bậc Giác Ngộ độc lập,
Ngài đến ở đời này,
Con đến với câu hỏi,</p> <p>964. Vị Tỷ-kheo nhàm chán,
Tại gốc cây, nghĩa địa,</p> <p>965. Tại chỗ cao thấp ấy,
Khiến Tỷ-kheo không run,</p> <p>966. Bao nguy hiểm ở đời,
Trong hướng đi bất tử,</p> | <p>Trước con chưa từng thấy,
Tiếng nói thật ngọt ngào,
Từ cõi Đâu-suất đến.</p> <p>Đời này và thiên giới,
Độc cư, chứng an lạc.</p> <p>Như thật không man trá,
Lãnh đạo các đồ chúng,
Từ nhiều người trôi buộc.</p> <p>Thường ngồi nơi trống không,
Hay hang sâu trong núi.</p> <p>Có bao nhiêu sợ hãi,
Tại trú xứ vắng lặng?</p> <p>Tỷ-kheo cần chinh phục,
Tại trú xứ xa vắng?</p> |
|---|--|

¹⁷ Tham chiếu: Ud. 57, *Soṇasutta* (Kinh Soṇa); MNid. 444, *Sāriputtasuttaniddeso* (Diễn giải kinh về *Sāriputta*); Vin. I. 179; *Phật thuyết Nghĩa túc kinh* 佛說義足經 (T.04. 0198. 0174b12).

967. Ngôn ngữ và hành xử,
Có bao nhiêu giới cấm,
968. Chấp nhận học tập gì,
Thông minh, giữ chánh niệm,
Trên tự ngã của mình,
969. Thế Tôn bèn trả lời:
Với người biết nhàm chán,
Khi sử dụng sàng tọa,
Với ai muốn giác ngộ,
Ta sẽ nói điều ấy,
970. Vị Tỷ-kheo có trí,
Không có sợ năm điều,
Các loại ruồi, mối bay,
Xúc chạm của loài người,
971. Vị ấy không nên sợ,
Khi đã được thấy biết,
Bậc tìm đến chí thiện,
Cần phải lo khắc phục,
972. Khi thọ lãnh bệnh hoạn,
Với lạnh và cực nóng,
Cảm xúc nhiều bởi chúng,
Cần tinh tấn, cần mẫn,
973. Chớ ăn trộm, ăn cắp,
Hãy cảm xúc từ tâm,
Khi rõ biết tâm tư,
Hãy gột sạch, tẩy sạch,
974. Chớ để bị chi phối,
Hãy đào chúng tận gốc,
Đối những gì khả ái,
Hãy hoàn toàn nhiếp phục,
975. Thiên trọng về trí tuệ,
Hãy chặn đứng, loại bỏ,
Hãy khắc phục bất lạc,
Hãy khắc phục bốn pháp,
976. Ta sẽ ăn những gì?
Thật khó khăn ta ngủ?
- Của vị ấy là gì?
Tỷ-kheo cần tinh tấn?
Vị Tỷ-kheo nhất tâm,
Tây sạch các cấu uế,
Như thợ lọc vàng bạc?
Này Sāriputta,
Có gì là khoan khoái,
Tại chỗ tịnh trống không,
Sống đúng với tùy pháp,
Như Ta đã quán tri.
Chánh niệm, sống có giới,
Đáng sợ hãi ở đời:
Cùng các loài bò sát,
Cùng các loại bốn chân.
Tri kiến của người khác,
Nhiều sợ hãi của chúng,
Thấy được các nguy hiểm,
Tất cả nguy hiểm khác.
Khi cảm xúc đói khổ,
Cần phải nhiếp phục chúng,
Kẻ không có nhà cửa,
Lòng hết sức kiên trì.
Chớ nói lời nói láo,
Đối kẻ yếu, kẻ mạnh,
Trong tình trạng dao động,
Phân hắc ám đen tối.
Bởi phẫn nộ, quá mạn,
Và an trú như vậy,
Hay đối không khả ái,
Chớ để bị chi phối.
Hoan hỷ trong chí thiện,
Nguy hiểm ách nạn ấy,¹⁸
Đối trú xứ vắng lặng,
Khiến sầu muộn than van:
Và được ăn tại đâu?
Nay ta ngủ tại đâu?

¹⁸ Năm triền cái của thiền.

- Với những tư tưởng ấy,
Bậc Hữu học không nhà,
- 977.** Với đồ ăn, vải mặc,
Cần ước lượng vừa đủ,
Chế ngự đối với chúng,
Dầu phần uất không nói,
- 978.** Với mắt cúi nhìn xuống,
Chú tâm vào thiền định,
Cố gắng tu tập xả,
Hãy cắt đứt, trừ khử,
- 979.** Bị buộc tội bằng lời,
Phá hoại sự cứng rắn,
Nói lên những lời nói,
Không để tâm suy tư,
- 980.** Lại nữa, năm loại uế,
Hãy học nhiếp phục chúng,
Đối với sắc và tiếng,
Cùng đối các cảm xúc,
- 981.** Hãy chế ngự ước muốn,
Vị Tỷ-kheo chánh niệm,
Rồi đúng thời vị ấy,
Với chuyên tâm nhất trí,
- Vị ấy có thể than,
Hãy nhiếp phục trừ chúng.
Đúng thời thâm hoạch được,
Hài lòng ở nơi đây,
Sống nhiếp phục trong làng,
Những lời độc, thô ác.
Chân không đi lang thang,
Với rất nhiều tỉnh giác,
Tự ngã khéo định tĩnh,
Các nghi ngờ hối tiếc.
Chánh niệm, tâm hoan hỷ,
Giữa các đồng Phạm hạnh,
Hiền thiện và đúng thời,
Gièm pha, vu khống người.
Hiện có ở trên đời,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Đối với vị và hương,
Hãy chế ngự tham ái.
Đối với những pháp ấy,
Tâm tư khéo giải thoát,
Chơn chánh suy tư pháp,
Sẽ đoạn tận hắc ám.



V. PHẨM CON ĐƯỜNG ĐẾN BỜ BÊN KIA (PĀRĀYANAVAGGA)

§1. BÀI KỆ MỞ ĐẦU (*Vatthugāthā*)¹ (Sn. 190)

982. Từ thành phố đẹp đẽ,
Có vị Bà-la-môn,
Hướng tâm vô sở hữu,
Của các Kosala,
Thông đạt các chú thuật,
Hướng phía Nam bước tới.
983. Trong nước Assaka,
Vị ấy sống trên bờ,
Nuôi sống bằng trái cây,
Gần xứ Aḷaka,
Sông Godhāvari,
Bằng đồ ăn lượm lặt.
984. Gần chỗ vị ấy ở,
Vớ tài sản thâu thập,
Có làng đất rộng rãi,
Tổ chức tế đàn lớn.
985. Đại tế đàn lễ xong,
Trong khi bước vào am,
Vị ấy trở về am,
Một Phạm chí khác đến.
986. Chân sưng húp, run rẩy,
Người ấy bước đến gần,
Răng dơ, đầu lấm bụi,
Và xin năm trăm tiền.
987. Sau khi thấy vị ấy,
Hỏi thăm an lành không,
Bāvarī mời ngồi,
Rồi nói lời như sau:
- [Bāvarī:]
988. “Những gì tôi cho được,
Phạm chí hãy tin tôi,
Tôi đã cho tất cả,
Tôi không có năm trăm.”
- [Phạm chí:]
989. Nếu điều ta xin ông,
Sau bảy ngày, đầu ông,
Tôn giả không đáp ứng,
Sẽ bị vỡ bảy mảnh!
990. Sau khi làm chú thuật,
Những lời nói đáng sợ,
Kẻ man trá tuyên bố,
Nghe những lời nói ấy,
Phạm chí Bāvarī,
Cảm thấy lòng đau khổ.
991. Gầy ốm, không uống ăn,
Vớ tâm tư như vậy,
Bị tên sầu muộn đăm,
Ý khó vui trong thiền.
992. Thấy lo sợ, buồn khổ,
Muốn bạn được hạnh phúc,
Một thiên nhân đi đến,
Nói với Bāvarī:

¹ Xem CNid. 1, *Vatthugāthā* (Kệ ngôn dẫn chuyện).

[Thiên nhân:]

993. Kẻ man trá muốn tiền,
Về đầu, đánh bẻ đầu,

Không rõ biết về đầu,
Trí ấy nó không có.

[Bāvarī:]

994. Nay bạn, nếu bạn biết,
Về đầu, đánh bẻ đầu,

Hãy nói câu hỏi tôi,
Chúng tôi nghe lời người.

[Thiên nhân:]

995. Tôi không biết việc này,
Về đầu, đánh bẻ đầu,

Trí này tôi không có,
Bậc Chiến Thắng thấy được.

[Bāvarī:]

996. Vậy ai có thể biết,
Về đầu, đánh bẻ đầu,

Trên quả đất tròn này,
Thiên nhân nói tôi biết.

[Thiên nhân:]

997. Từ thành Kapila,
Xuất hiện ra ở đời,
Của Vua Okkāka,

Bậc Lãnh Đạo Thế Giới,
Là con cháu hậu duệ,
Thích tử chiếu hào quang.

998. Vị ấy, Chánh Đẳng Giác,
Đã đi đến bờ kia,
Đạt được cả sức mạnh,
Bậc Có Mắt thấy được,
Đạt được sự diệt tận,
Được giải thoát, diệt tận,

Hỡi này Bà-la-môn,
Đối với tất cả pháp,
Của tất cả thắng trí,
Trong tất cả các pháp,
Của tất cả các nghiệp,
Đối với các sanh y.

999. Bậc Giác Ngộ, Thế Tôn,
Hãy đến hỏi vị ấy,

Bậc Có Mắt thuyết pháp,
Vị ấy sẽ trả lời.

1000. Nghe tiếng Chánh Đẳng Giác,
Sầu muộn được giảm bớt,

Bāvarī phấn khởi,
Được hoan hỷ rất nhiều.

1001. Vị Bāvarī ấy,
Cảm thấy lòng cảm động,
Ở tại thôn làng nào,
Ở tại quốc độ nào,
Tại đây tôi sẽ đi,
Bậc Vô Thượng Loài Người.

Hoan hỷ và phấn khởi,
Hỏi vị thiên nhân ấy:
Ở tại thị trấn nào,
Lãnh đạo thế giới trú?
Đánh lễ bậc Giác Ngộ,

[Thiên nhân:]

1002. Ở tại Sāvatti,
Bậc Chiến Thắng an trú,
Với hiểu biết thù thắng,
Vị ấy là Thích tử,
Bậc Ngưu Vương Loài Người,
Biết rõ đánh vỡ đầu.

Trong thành Kosala,
Với trí tuệ rộng lớn,
Rộng rãi và cùng khắp;
Không gánh nặng, vô lậu,
Biết rõ về đỉnh đầu,

1003. Rồi vị Bà-la-môn,
Là những vị thông đạt,

[Bāvarī:]

Hãy đến các thanh niên,
Những lời ta nói lên.

1004. Vị ấy rất khó gặp,
Nay sanh ra ở đời,
Hãy đi gặp Xá-vệ,

[Các đệ tử:]

1005. Kính thưa Bà-la-môn,
Sau khi thấy vị ấy,
Chúng con chưa được biết,

[Bāvarī:]

1006. Trong những kệ, bùa chú,
Có nói đến tướng tốt,
Có nói ba mươi hai,

1007. Ai có trên thân thể,
Chỉ có hai sanh thú,

1008. Nếu trú tại gia đình,
Không dùng trượng dùng kiếm,

1009. Nếu vị ấy xuất gia,
Rộng mở màn vô minh,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

1010. Với tâm ý hãy hỏi,
Kệ chú, đệ tử ta,

1011. Nếu vị ấy là Phật,
Với lời vị ấy đáp,

1012. Nghe lời Bāvarī,
Tất cả là Phạm chí,
Tissa Metteya,

1013. Cùng với Dhotaka,
Nanda, Hemaka,
Với Jatukaṇṇi,

1014. Và Bhadrāvudha,
Phạm chí Posāla,
Là bậc có trí tuệ,
Là vị đại ân sĩ,

Cho gọi các đệ tử,
Về bùa chú, kệ tụng.

Ta sẽ nói, hãy nghe,

Rất hiếm hiện ở đời,
Được danh bậc Chánh Giác,
Thấy được bậc Vô Thượng.

Thế nào chúng con biết,
Biết vị ấy là Phật,
Hãy nói chúng con biết!

Được truyền lại đến nay,
Của một bậc Đại nhân,
Trọn đủ được liên tục.

Đủ tướng đại nhân ấy,
Không có cái thứ ba.

Chinh phục quả đất này,
Giáo hóa đúng Chánh pháp.

Bỏ nhà, sống không nhà,
Vị ấy được trở thành,
Bậc Ứng Cúng Vô Thượng.

Sanh, tánh tướng của ta,
Về đầu, đánh bẻ đầu.

Thấy rõ, không ngăn ngại,
Các câu hỏi bởi ý.

Mười sáu người đệ tử,
Tên là Ajita,
Puṇṇaka, Mettagū,

Và Upasīva,
Todeyya, Kappa,
Là bậc danh hiền trí

Cùng với Udaya,
Và Mogharāja,
Cùng với Piṅgiya,
Tất cả những vị ấy,

1015. Mỗi người có đồ chúng,
Tu thiền, ưa thiền định,
Đã tạo được nền tảng,
Có danh xưng ở đời,
Bậc có trí sáng suốt,
Từ đời trước của mình.
1016. Đánh lễ Bāvarī,
Tất cả đều bện tóc,
Mặt hướng về phía Bắc,
Thân phía hữu hướng ngài,
Mặc áo vải da thú,
Tất cả họ ra đi.
1017. Trước hết, họ đi ngang,
Của xứ Aḷaka,
Tiếp đến Ujjeni,
Tiếp đến Vedisa,
Đến Patitṭhāna,
Rồi Māhissati,
Và đến Gonaddha,
Vanasavhaya.
1018. Đi đến Kosambī,
Rồi đến Sāvatti,
Kế đến Setavyā,
Rồi đến tòa lâu đài,
Đi đến Sāketa,
Là thành phố tối thượng,
Kapilavatthu,
Tên Kusinārā.
1019. Rồi đi đến Pāvā,
Tiếp đến Vesālī,
Rồi Pāsānaka,
Và thành phố Bhoga,
Thành phố Magadha,
Ngôi điện đẹp, khả ái.
1020. Như khát có nước mát,
Nóng bức gặp bóng mát,
Người buôn được lợi lớn,
Họ gấp leo ngọn núi.
1021. Thế Tôn trong lúc ấy,
Ngài đang thuyết Chánh pháp,
Giống như con sư tử,
Dẫn đầu chúng Tỷ-kheo,
Cho các vị Tỷ-kheo,
Rống tiếng rống trong rừng.
1022. Ajita thấy Phật,
Như mặt trăng ngày rằm,
Như mặt trời vàng chói,
Được tròn đầy viên mãn.
1023. Và thấy thân thể Ngài,
Hoan hỷ đứng một bên,
Đầy đủ các tướng tốt,
Hỏi câu hỏi tâm ý.
- [Ajita:]
Nói dòng họ, các tướng,
Phạm chí dạy bao nhiêu?
1024. Hãy nói về thọ sanh,
Về tối thượng kẻ chủ,
[Thế Tôn:]
Dòng họ Bāvarī,
Thông đạt ba Vệ-đà.
1025. Tuổi thọ trăm hai mươi,
Trên thân thể ba tướng,
Về từ vựng, lễ nghi,
Tốt đỉnh pháp của mình.
1026. Về tướng và truyền thuyết,
Dạy học được năm trăm,
[Ajita:]
Hãy nói lên tường tận,
Để chúng con không nghi.
1027. Bậc Vô Thượng đoạn ái,
Các tướng Bāvarī,

[Thế Tôn:]

1028. Lưỡi che kín mặt mày,
Cổ da bọc âm tạng,
Lông trắng giữa hai mày,
Hãy biết vậy thanh niên.

1029. Không nghe câu hỏi gì,
Quần chúng rất ngạc nhiên,
Chỉ nghe câu trả lời,
Chấp tay tự suy nghĩ.

[Dân chúng:]

1030. Thiên, Phạm thiên, Đế-thích,
Ai với ý hỏi Ngài,
Hay Sujampati,
Xin nói cho được biết?

[Ajita:]

1031. Bāvarī tìm hỏi,
Thế Tôn hãy trả lời,
Về đầu, đánh bể đầu,
Đoạn nghi hoặc chúng con,
Ôi, thưa bậc Tiên Nhân!

[Thế Tôn:]

1032. Vô minh là đỉnh đầu,
Minh là đánh bể đầu,
Liên hệ dục tình tấn,
Liên hệ với thiền định.
Vớ lòng tin, chánh niệm,

1033. Vớ cảm thọ lớn mạnh,
Đắp áo da một bên,
Thanh niên tự chế ngự,
Vớ đầu, đánh lễ chân.

[Ajita:]

1034. Phạm chí Bāvarī,
Tâm phấn khởi đẹp ý,
Cùng đệ tử, thưa Ngài,
Lễ chân bậc Có Mắt.

[Thế Tôn:]

1035. Phạm chí Bāvarī,
Cùng với các đệ tử!
Thọ mạng được lâu dài,
Hãy sống được an lạc,
Mong ông sống an lạc,
Hồi này kẻ thanh niên.

1036. Bāvarī và ông,
Cơ hội đến hãy hỏi,
Có mọi nghi ngờ gì,
Tùy theo ý ông muốn.

1037. Được bậc Chánh Đẳng Giác,
Ajita liền ngồi,
Cho cơ hội tốt đẹp,
Chấp tay hỏi Như Lai,
Hỏi câu hỏi thứ nhất,
Chính ngay tại chỗ ấy,

(Kệ mở đầu đã xong.)

§2. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN AJITA (*Ajitamāṇavapucchā*)² (Sn. 197)

1038. Tôn giả Ajita: Do gì đời bị che?

² Xem S. II. 47, *Bhūtasutta* (Kinh Sanh); CNid. 6, *Ajitamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Ajita); Netti. 10, *Vicayahāravibhaṅga* (Phân tích cách truyền đạt bằng sự tìm hiểu); Netti. 70, *Sodhanahāravibhaṅga* (Phân tích cách truyền đạt bằng sự làm rõ); Pe. 1, *Ariyasaccappakāsaṇapaṭhamabhūmi* (Phân thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế); Pe. 81, *Hāravibhaṅgapañcamabhūmi* (Phân thứ năm về Phân tích phạm trù).

- Do gì không chói sáng?
Làm uesthiêm cuộc đời?
- 1039.** Thế Tôn liền đáp lại:
Do xan tham, phóng dật,
Ta nói do mong cầu,
Chính là sự đau khổ,
- 1040.** Tôn giả Ajita:
Cái gì ngăn dòng nước?
Chế ngự được dòng nước?
- 1041.** Thế Tôn liền đáp lại:
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm được Ta gọi,
Và chính do trí tuệ,
- 1042.** Tôn giả Ajita:
Cùng với danh và sắc,
Hãy nói điều con hỏi,
- [Thế Tôn:]
- 1043.** Câu hỏi gì ông hỏi,
Ta sẽ đáp cho ông.
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Chính do đoạn diệt thức,
- [Ajita:]
- 1044.** Những ai biết tư sát,
Cùng với bậc Hữu học,
Được hỏi Ngài hãy nói,
Bậc thận trọng sáng suốt,
- [Thế Tôn:]
- 1045.** Chớ tham đắm các dục,
Thiện xảo trong các pháp,
Sống đời sống du phương.
- Hãy nói lên cái gì,
Cái gì sợ hãi lớn?
Đời bị vô minh che,
Đời không được chói sáng,
Nên đời bị uesthiêm,
Nên có sợ hãi lớn.
Mọi nơi dòng nước chảy,
Hãy nói lên cái gì,
Cái gì đóng dòng nước?
Hỡi này Ajita,
Chánh niệm ngăn chặn lại,
Chế ngự các dòng nước,
Đóng lại các dòng nước.
Trí tuệ và chánh niệm,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Từ đâu chúng bị diệt?
- Hỡi này Ajita,
Chỗ nào danh và sắc,
Không còn lại dư tàn,
Danh sắc được đoạn diệt.
- Các pháp thuộc hữu vi,
Nhiều vị ở đời này,
Về nếp sống của họ?
Hãy nói lên thưa Ngài!
- Giữ tâm tư an tịnh,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,

§3. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TISSA METTEYYA (*Tissametteyyamāṇavapucchā*)³ (Sn. 199)

- 1046.** Tissa Metteyya:
Với ai không dao động?
Ở giữa không dính lúu,
Ở đời ai vượt khỏi,
- Ai thỏa mãn ở đời,
Ai thắng tri hai biên,
Ai, Ngài gọi đại nhân?
Thêu dệt, các ái nhiễm?

³ Xem A. III. 399, *Majjhiesutta* (Kinh Trung đạo); CNid. 9, *Tissametteyyamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Tissametteyya).

1047. Thế Tôn liền đáp rằng:
Giữa dục sống Phạm hạnh,
Tỷ-kheo lặng tính toán,
Hồi này Metteyya,
Không ái, luôn chánh niệm,
An tịnh không dao động.
1048. Ai thắng tri hai biên,
Không dính lúu bị nhiễm,
Vị ấy ở đời này,
Chặng giữa nhờ trí tuệ,
Ta gọi là đại nhân,
Vượt khỏi sự thù ghét,
Các ái nhiễm tham muốn.

§4. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PUNṆAKA (*Punṇakamāṇavapucchā*)⁴ (Sn. 199)

1049. Tôn giả Punṇaka:
Thấy rõ được cội gốc,
Liên hệ đến mục đích,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Tế đàn cho chư thiên,
Con hỏi bậc Thế Tôn,
Với ai không dao động,
Con đến với câu hỏi,
Bậc ẩn sĩ, loài người,
Do họ y chỉ gì,
Đã tổ chức rộng lớn?
Hãy trả lời cho con.
1050. Thế Tôn bèn đáp rằng:
Bậc ẩn sĩ, loài người,
Đã tổ chức rộng lớn,
Khi họ thành già yếu,
Vì rằng họ hy vọng,
Hồi này Punṇaka!
1051. Tôn giả Punṇaka:
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Tế đàn cho chư thiên,
Họ không có phóng dật,
Họ vượt qua già chết,
Con hỏi đức Thế Tôn,
Bậc ẩn sĩ, loài người,
Đã tổ chức rộng lớn,
Thế Tôn nghĩ thế nào,
Trên con đường tế đàn,
Được hay không thừa Ngài?
Con mong Ngài trả lời.
1052. Thế Tôn trả lời rằng:
Họ hy vọng tán thán,
Họ cầu nguyện các dục,
Chuyên tâm lo tế đàn,
Họ không vượt già chết,
Hồi này Punṇaka,
Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Do duyên vì lợi dưỡng,
Ưu thích, tham sanh hữu,
Ta nói lên như vậy.
1053. Tôn giả Punṇaka:
Nhưng không thể vượt qua,
Thời ai sống ở đời,
Nếu họ chuyên tế đàn,
Già, chết với tế đàn,
Trong thế giới nhân, thiên,

⁴ Xem A. I. 132, *Ānandasutta* (Kinh Tôn giả Ānanda); A. II. 44, *Samādhībhāvanāsutta* (Kinh Định tu tập); CNid. 11, *Punṇakamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Punṇaka).

- Đã vượt qua già chết,
Con hỏi đức Thế Tôn,
1054. Thế Tôn trả lời rằng:
Ai tính toán cao thấp,
Ai không bị dao động,
An tịnh, không phun khói,⁵
Vị ấy vượt già chết,
- Ai được vậy thừa Ngài?
Ngài trả lời cho con.
Hỡi này Punṇaka,
Ước lượng vậy ở đời,
Bất cứ đâu ở đời,
Không phiền não, không cầu,
Ta nói lên như vậy.

§5. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN METTAGŪ

(*Mettagūmaṇavapucchā*)⁶ (Sn. 201)

- 1055.** Tôn giả Mettagū:
Mong Thế Tôn trả lời,
Con nghĩ Ngài hiền trí,
Từ đâu ở trong đời,
Với nhiều loại như vậy?
- 1056.** Thế Tôn trả lời rằng:
Ông hỏi ta vấn đề,
Ta sẽ nói cho ông,
Chính do duyên sanh y,
Với nhiều loại như vậy,
- 1057.** Những ai vì vô minh,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Do vậy kẻ hiểu biết,
Vì thấy sự sanh khởi,
- Con xin hỏi Thế Tôn,
Vấn đề con đã hỏi,
Tự ngã đã tu tập,
Đau khổ này khởi lên,
- Hỡi này Mettagū,
Sanh khởi của khổ đau,
Như Ta đã được biết.
Nên khổ được khởi lên,
Khác biệt ở trong đời.
- Tác thành các sanh y,
Tiếp tục được sanh khởi;
Không nên tạo sanh y,
Của sanh và đau khổ.

[Mettagū:]

- 1058.** Điều chúng con đã hỏi,
Nay xin hỏi câu khác,
Thế nào bậc hiền trí,
Vượt khỏi sanh và già,
Mong rằng bậc Ẩn sĩ,
Đúng như Ngài đã biết,
- 1059.** Thế Tôn trả lời rằng:
Ta sẽ nói cho ông,
Không do trao truyền lại,
Vị ấy sống chánh niệm,
- Ngài đã đáp chúng rồi,
Mong Ngài giải đáp cho.
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Cùng sâu muộn than khóc?
Hãy khéo trả lời con,
Pháp nhĩ là như vậy.
- Hỡi này Mettagū,
Pháp thiết thực hiện tại,
Sau khi biết pháp ấy,
Vượt tham ái ở đời.

[Mettagū:]

- 1060.** Thừa bậc Đại ẩn sĩ,
Con hết sức hoan hỷ,

⁵ Chỉ cho phần nộ.

⁶ Xem CNid. 14, *Mettagūmaṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Mettagū).

- Chánh pháp vô thượng ấy,
Sống gìn giữ chánh niệm,
- 1061.** Thế Tôn đáp lại rằng:
Phàm ông rõ biết gì,
Hãy từ bỏ thích thú,
Chớ để cho ý thức,
- 1062.** An trú vậy, chánh niệm,
Sau khi bỏ sở hành,
Đối với sanh và già,
Ở đây biết được vậy,
- [Mettagū:]
- 1063.** Con cảm thấy hoan hỷ,
Đoạn tận được sanh y,
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Vì pháp này được Ngài,
- 1064.** Những vị ấy chắc chắn,
Những người mà được Ngài,
Biết bậc Long Tượng rồi,
Mong Thế Tôn thường hằng,
- [Thế Tôn:]
- 1065.** Vị Bà-la-môn nào,
Không có sở hữu gì,
Chắc chắn vị như vậy,
Đã đến được bờ kia,
- 1066.** Người ấy sau khi biết,
Không dính ái triền này,
Vị ấy ly tham ái,
Ta nói rằng vị ấy,
- Sau khi biết pháp ấy,
Vượt tham ái ở đời.
Hỡi này Mettagū,
Trên, dưới, ngang, ở giữa,
Hãy từ bỏ chấp thủ,
An trú trên sanh hữu.
Tỷ-kheo không phóng dật,
Đưa đến ngã sở hữu,
Sầu muộn và than khóc,
Sẽ từ bỏ đau khổ.
- Lời nói bậc Đại sĩ,
Được Ngài khéo tuyên thuyết;
Đã đoạn tận đau khổ,
Rõ biết là như vậy.
Có thể đoạn đau khổ,
Thường thường dạy giáo hóa.
Con xin đánh lễ Ngài,
Giáo hóa dạy dỗ con.
- Được thắng tri có trí,
Không ái luyến dục hữu,
Vượt qua bực lưu này,
Hoàn toàn, không nghi ngờ.
Thông suốt ở đời này,
Về hữu và phi hữu;
Không phiền lụy, không cầu,
Đã vượt khỏi sanh già.

§6. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN DHOTAKA

(*Dhotakamāṇavapucchā*)⁷ (Sn. 204)

- 1067.** Tôn giả Dhotaka:
Mong Ngài trả lời cho,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Chúng con sẽ tự mình,
- Con xin hỏi Thế Tôn,
Con chờ đợi lời Ngài,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Học tập giới Niết-bàn.

⁷ Xem MNid. 22, *Guhapṭṭhakasuttaniddeso* (Diễn giải kinh nhóm tám về hàng); CNid. 19, *Dhotakamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Dhotaka); Netti. 128, *Sāsanapaṭṭhāna* (Sự hình thành giáo pháp); Kv. 188, *Paravitāraṇakathā* (Vấn đề siêu phàm của bậc A-la-hán).

1068. Thế Tôn đáp lại rằng:
Ở đây ông nhiệt tâm,
Từ đây nghe tuyên bố,

[Dhotaka:]

1069. Con thấy ở thế giới,
Sở hành của Phạm chí,
Con đánh lễ chính Ngài,
Kính thưa bậc Thích Tử,
Tất cả mọi nghi ngờ.

[Thế Tôn:]

1070. Hỡi này Dhotaka,
Giải thoát cho một ai,
Khi pháp được ông biết,
Như vậy ông vượt khỏi,

[Dhotaka:]

1071. Hãy giáo hóa từ mẫn,
Để con được rõ biết,
Như vậy con sẽ sống,
Sở hành ở đời này,

1072. Thế Tôn liền nói rằng:
Ta sẽ giảng cho ông,
Không do xưa truyền lại,
Hãy sống giữ chánh niệm,

[Dhotaka:]

1073. Con cảm thấy hoan hỷ,
Pháp tịch tịnh vô thượng,
Con sẽ sống chánh niệm,

1074. Thế Tôn lời đáp lại:
Phàm ông rõ biết gì,
Sau khi được rõ biết,
Chớ tạo nên khát ái,

Hỡi này Dhotaka,
Sáng suốt và chánh niệm,
Tự học tập Niết-bàn.

Chư thiên và loài người,
Không một gì sở hữu.
Bậc Có mắt cùng khắp,
Hãy giải thoát cho con,

Ta sẽ không đi đến,
Có nghi ngờ ở đời,
Là tối thượng, tối thắng,
Dòng nước chảy mạnh này.

Ôi, bậc Đại Phạm thiên!
Pháp viễn ly vô thượng,
Như trời, không áp bức,
An tịnh và độc lập.

Hỡi này Dhotaka,
Pháp tịch tịnh hiện tại,
Sau khi biết pháp này,
Vượt tham ái ở đời.

Pháp bậc Đại sĩ giảng,
Sau khi biết pháp này,
Vượt tham ái ở đời.

Hỡi này Dhotaka,
Cao, thấp, ngang, chặng giữa,
Tham ái này ở đời,
Với hữu và phi hữu.

§7. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UPASĪVA

(*Upasīvamāṇavapucchā*)⁸ (Sn. 205)

1075. Tôn giả Upasīva:
Một mình không y chỉ,

Kính thưa bậc Thích Tử,
Con không thể vượt khỏi,

⁸ Xem CNid. 22, *Upasīvamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Upasīva).

- Dòng nước lớn mạnh này,
 Hãy nói cho sở duyên,
 Có thể vượt qua khỏi,
- 1076.** Đây lời dạy Thế Tôn:
 Biết gìn giữ chánh niệm,
 Ông sẽ vượt bậc lưu,
 Ngày đêm ngời nhận thấy,
 Ái diệt là Niết-bàn.
- 1077.** Upasīva nói:
 Đối với tất cả dục,
 Từ bỏ mọi gì khác,
 Tưởng giải thoát tối thượng,
 Không tiếp tục đi tới?
- 1078.** Thế Tôn nói như sau:
 Ai hoàn toàn ly tham,
 Y chỉ không có gì,
 Được giải thoát hoàn toàn,
 Tại đây vị ấy trú,
- [Upasīva:]
- 1079.** Nếu vị ấy tại đây,
 Trong một số nhiều năm,
 Nếu vị ấy tại đây,
 Với vị được như vậy,
- 1080.** Đây lời Thế Tôn nói:
 Cũng giống như ngọn lửa,
 Đi đến chỗ tận cùng,
 Cũng vậy vị ấy, đi
 Đến chỗ tận cùng,
- [Upasīva:]
- 1081.** Vị đi đến tận cùng,
 Hay vị ấy thường hằng,
 Lành thay bậc Ẩn sĩ,
 Có vậy con hiểu được,
- 1082.** Thế Tôn nói như sau:
 Người đi đến tận cùng,
 Với gì, nói đến nó,
 Khi tất cả các pháp,
 Mọi con đường nói phô,
- Kính thưa bậc Biển Nhãn,
 Y chỉ sở duyên này,
 Dòng nước chảy mạnh này.
 Nay Upasīva,
 Không mong đợi vật gì,
 Nương tựa: “Không có gì”,
 Đoạn dục, ly nghi ngờ,
- Ai là người ly tham,
 Y chỉ không có gì,
 Được giải thoát hoàn toàn,
 Tại đây vị ấy trú,
- Nay Upasīva,
 Đối với tất cả dục,
 Từ bỏ mọi gì khác,
 Tưởng giải thoát tối thượng,
 Không tiếp tục đi tới.
- An trú không đi tiếp,
 Ôi, bậc Có Biển Nhãn,
 Được mát lạnh giải thoát,
 Còn có thức hay không?
 Hỏi Upasīva!
 Bị gió mạnh thổi tắt,
 Không thể nói về đâu,
 Được giải thoát danh thân,
 Không có thể định danh.
- Có phải không hiện hữu,
 Đạt được sự không bệnh?
 Hãy trả lời cho con,
 Pháp như thật Ngài giảng.
 Hỏi Upasīva!
 Không thể còn ước lượng,
 Không còn có cái ấy,
 Đã được nhỏ hẳn lên,
 Được nhỏ lên sạch hết.

§8. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN NANDA

(Nandamāṇavapucchā)⁹ (Sn. 207)

1083. Tôn giả Nanda nói:
 Có ẩn sĩ ở đời,
 Họ gọi là ẩn sĩ,
 Hay thành tựu đời sống?

Quần chúng có nói rằng,
 Ngài nghĩ như thế nào?
 Vị có đầy đủ trí,

[Thế Tôn:]

1084. Các bậc thiện nói rằng:
 Không phải vì tri kiến,
 Được gọi là ẩn sĩ,
 Những ai diệt quân lực,

Ở đời, này Nanda,
 Vì truyền thống, vì trí,
 Ta chỉ gọi ẩn sĩ,
 Không phiền não, không cầu.

1085. Tôn giả Nanda thưa:
 Nói rằng sự thanh tịnh,
 Có người lại nói rằng,
 Có người lại nói rằng,
 Bạch Thế Tôn, như vậy,
 Vậy Ngài nghĩ thế nào,
 Sanh và già thừa Ngài?
 Mong Ngài trả lời con.

Có Sa-môn, Phạm chí,
 Là nhờ thấy, nhờ nghe,
 Thanh tịnh do giới cấm,
 Thanh tịnh do nhiều pháp,
 Là sở hành của họ,
 Họ có thể vượt qua,
 Con kính hỏi Thế Tôn,

1086. Thế Tôn nói Nanda:
 Nói rằng sự thanh tịnh,
 Có người lại nói rằng,
 Có người lại nói rằng,
 Dầu họ ở tại đây,
 Ta nói họ không vượt,

Sa-môn, Phạm chí này,
 Là nhờ thấy, nhờ nghe,
 Thanh tịnh do giới cấm,
 Thanh tịnh do nhiều pháp,
 Với sở hành như vậy,
 Khỏi sanh và khỏi già.

1087. Tôn giả Nanda thưa:
 Nói rằng sự thanh tịnh,
 Có người lại nói rằng,
 Có người lại nói rằng,
 Thừa Ẩn sĩ, Ngài nói,
 Vậy ai có thể được,
 Có thể vượt qua được,
 Con xin hỏi Thế Tôn,

Sa-môn, Phạm chí này,
 Là nhờ thấy, nhờ nghe,
 Thanh tịnh do giới cấm,
 Thanh tịnh do nhiều pháp,
 Họ không vượt bậc lưu,
 Giữa thế giới trời, người,
 Sanh và già, thừa Ngài?
 Mong Ngài trả lời con.

1088. Thế Tôn nói Nanda:
 Sa-môn, Bà-la-môn,
 Những ai ở đời này,
 Điều được nghe, được thấy,

Ta không nói tất cả,
 Bị sanh, già che lấp.
 Đoạn tận khắp tất cả,
 Ngủ, nếm, xúc, giới cấm,

⁹ Xem CNid. 26, Nandamāṇavapucchā (Câu hỏi của thanh niên Nanda).

Và đoạn nhiều pháp khác,
Ta nói những người ấy,

Liều ái đạt, vô lậu,
Vượt qua được bậc lưu.

[Nanda:]

1089. Con cảm thấy hoan hỷ,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
“Những ai ở đời này,
Điều được nghe, được thấy,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Ta nói những người ấy,

Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Về chấm dứt sanh y:
Đoạn tận khắp tất cả,
Ngủ, nếm, xúc, giới cấm,
Liều ái, đạt vô lậu,
Vượt qua khỏi bậc lưu.”

§9. CÁC CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN HEMAKA

(*Hemakamāṇavapucchā*)¹⁰ (Sn. 209)

1090. Tôn giả Hemaka:
Đã trả lời cho con,
Trước đã như thế nào,
Tất cả đều truyền thống,
Vậy con không hoan hỷ.

Những ai trong thời trước,
Về lời dạy Cù-đàm,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả tăng suy tư,

1091. Ngài nói pháp cho con,
Nói pháp đoạn khát ái,
Vượt ái trước ở đời.

Ôi, mong bậc Ân sĩ!
Biết xong, sống chánh niệm,

[Thế Tôn:]

1092. Hemaka ở đây,
Được nghe và được thấy,
Tẩy sạch ước muốn tham,

Đối các pháp khả ái,
Ngủ, nếm, xúc, nhận thức,
Là Niết-bàn bất tử.

1093. Biết vậy giữ chánh niệm,
Vị ấy thường an tịnh,

Hiện tại đạt tịch tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.

§10. CÁC CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN TODEYYA

(*Todeyyamāṇavapucchā*)¹¹ (Sn. 210)

1094. Tôn giả Todeyya:
Ai sống không có ái,
Giải thoát của vị ấy,

Ai sống không dục vọng,
Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Giải thoát như thế nào?

1095. Đây lời nói Thế Tôn:
Ai sống không dục vọng,
Ai vượt khỏi nghi hoặc,
Không có gì khác hơn.

Hỡi này Todeyya,
Ai sống không có ái,
Giải thoát của vị ấy,

¹⁰ Xem CNid. 29, *Hemakamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Hemaka).

¹¹ Xem CNid. 131, *Todeyyamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Todeyya).

[Todeyya:]

1096. Vị sống không ước vọng,
Vị ấy có trí tuệ,
Ôi, kính bậc Biến Nhân!
Để con có thể biết,
Ôi, kính bậc Thích Tử!

Hay sống có ước vọng,
Hay tác thành trí tuệ,
Hãy trả lời con rõ,
Thế nào là ẩn sĩ,

[Thế Tôn:]

1097. Vị sống không ước vọng,
Vị ấy có trí tuệ,
Như vậy Todeyya,
Không có sở hữu gì,

Không có ước vọng nào,
Không tác thành trí tuệ,
Hãy biết bậc ẩn sĩ,
Không tham dính dục hữu.

§11. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN KAPPA

(*Kappamāṇavapucchā*)¹² (Sn. 211)

1098. Tôn giả Kappa nói:
Trong dòng nước mạnh chảy,
Thưa Ngài hãy nói lên,
Bị già chết chinh phục,
Để không có khổ khác,

Những ai đứng giữa nước,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Hòn đảo cho những kẻ,
Ngài nói con, hòn đảo,
Giống như đau khổ này.

1099. Thế Tôn nói Kappa:
Trong dòng nước mạnh chảy,
Ta nói ông, hòn đảo,
Già và chết chinh phục.

Những ai đứng giữa nước,
Giữa sợ hãi lớn lao,
Cho những ai đang bị,

1100. Hòn đảo vô song này,
Ta nói ông, Niết-bàn,

Không sở hữu, chấp trước,
Già chết được đoạn diệt.

1101. Biết vậy giữ chánh niệm,
Không rơi vào ma lục,

Hiện tại đạt tịch tịnh,
Không tùy tùng theo ma.

§12. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN JATUKAṆṆI

(*Jatukaṇṇimāṇavapucchā*)¹³ (Sn. 212)

1102. Jatukaṇṇi nói:
Không tham đắm dục vọng,
Để hỏi bậc Vô dục,
Bậc sanh với con mắt,
Thế Tôn hãy như thật,

Được nghe bậc Anh hùng,
Nên con đã đến đây
Đã thoát khỏi bực lưu,
Hãy nói đường an tịnh,
Nói cho con được biết.

¹² Xem CNid. 32, *Kappamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Kappa).

¹³ Xem CNid. 34, *Jatukaṇṇimāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Jatukaṇṇi).

1103. Chinh phục dục vọng xong,
Nnhư mặt trời chiếu sáng,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Người trí tuệ bé nhỏ,
Ở đây con đoạn được,
Thế Tôn sống ở đời,
Cõi đất với hào quang,
Hãy nói pháp cho con,
Do rõ biết pháp này,
Kể cả sanh và già.
1104. Thế Tôn nói như sau:
Hãy nhiếp phục lòng tham,
Hãy nhìn hạnh xuất ly,
Chớ chấp chờ, từ bỏ,
Hỡi Jatukanna!
Đối với các dục vọng,
Đưa đến sự an ổn,
Sự vật gì ở đời.
1105. Những gì có trước ông,
Đừng có sự vật gì,
Ở giữa ông không chấp,
Hãy làm nó khô cạn,
Ở phía đằng sau ông,
Ông sẽ sống an tịnh.
1106. Hỡi này Bà-la-môn!
Hoàn toàn không tham đắm,
Chính do lậu hoặc này,
Đối với danh và sắc,
Không có các lậu hoặc,
Bị thần chết chi phối.

§13. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN BHADRĀVUDHA

(*Bhadrāvudhamāṇavapucchā*)¹⁴ (Sn. 213)

1107. Bhadrāvudha nói:
Bậc Thiện Thệ nói lên,
Bất động, bỏ hỷ ái,
Bậc bỏ sự đặt để,
Từ đây họ ra đi.
Con có lời yêu cầu,
Bậc bỏ nhà, đoạn ái,
Giải thoát, vượt bậc lưu,
Nghe xong bậc Long Tượng,
1108. Quần chúng sai biệt ấy,
Họ ao ước khát vọng,
Ôi, Anh hùng chiến thắng!
Pháp Ngài dạy thế này,
Từ quốc độ tụ họp,
Được nghe lời của Ngài,
Ngài hãy khéo trả lời,
Như vậy họ hiểu biết.
1109. Thế Tôn nói như sau:
Hãy nhiếp phục tất cả,
Trên, dưới, cả bề ngang,
Những ai có chấp thủ,
Này Bhadrāvudha,
Mọi tham ái, chấp thủ,
Và kẻ luôn chằng giữa,
Sự gì ở trong đời,
Chính do sự việc ấy,
Ác ma theo người ấy.
1110. Do vậy bậc hiểu biết,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Phàm có sở hữu gì,
Nhìn xem quần chúng này,
Không có chấp thủ gì,
Trong tất cả thế giới;
Vị ấy không mong ước,
Là chúng sanh chấp thủ,
Trong lãnh vực của ma,
Bị tham dính chấp trước.

¹⁴ Xem CNid. 36, *Bhadrāvudhamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Bhadrāvudha).

§14. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN UDAYA**(Udayamāṇavapucchā)¹⁵ (Sn. 214)**

- | | |
|---|---|
| <p>1111. Tôn giả Udaya:
Về tất cả mọi pháp,
Bậc an tọa không bụi,
Bậc không có lậu hoặc,
Hãy nói trí giải thoát,</p> <p>1112. Đây lời Thế Tôn nói:
Đoạn ước muốn dục vọng,
Và trừ bỏ hôn trầm,</p> <p>1113. Ta nói trí giải thoát,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,</p> | <p>Con đến với câu hỏi,
Để hỏi bậc tu thiền,
Trách nhiệm đã làm xong,
Đã đạt bờ bên kia,
Để phá hoại vô minh.</p> <p>Hỡi này Udaya,
Và ưu phiền, cả hai,
Ngăn chặn mọi hối hận.</p> <p>Để phá hoại vô minh,
Suy tư pháp đi trước.</p> |
|---|---|

[Udaya:]

- | | |
|--|---|
| <p>1114. Đòi cái gì trói buộc,
Do đoạn được cái gì,</p> | <p>Cái gì đòi vận hành?
Được gọi là Niết-bàn?</p> |
|--|---|

[Thế Tôn:]

- | | |
|--|--|
| <p>1115. Đòi bị hỷ trói buộc,
Do đoạn được khát ái,</p> | <p>Suy tầm là sở hành,
Được gọi là Niết-bàn.</p> |
|--|--|

[Udaya:]

- | | |
|--|--|
| <p>1116. Người sở hành chánh niệm,
Con đến hỏi Thế Tôn,</p> | <p>Thức được diệt thế nào?
Nghe lời Thế Tôn nói.</p> |
|--|--|

[Thế Tôn:]

- | | |
|--|---|
| <p>1117. Ai không có hoan hỷ,
Sở hành chánh niệm vậy,</p> | <p>Với nội và ngoại thọ,
Thức đạt được hoại diệt.</p> |
|--|---|

§15. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN POSĀLA**(Posālamāṇavapucchā)¹⁶ (Sn. 215)**

- | | |
|---|--|
| <p>1118. Tôn giả Posāla:
Không mong cầu, đoạn nghi,
Con đến với câu hỏi,</p> <p>1119. Với ai sắc tướng diệt,
Nhìn thấy nội và ngoại,
Con hỏi bậc Thích-ca,
Có thể bị dắt dẫn?</p> | <p>Vị nói về quá khứ,
Đã đến bờ bên kia,
Của hết thấy các pháp.</p> <p>Đoạn tận hết thấy thân,
Thật sự không có gì,
Thế nào người như vậy,</p> |
|---|--|

¹⁵ Tham chiếu: Sn. 115, *Vāseṭṭhasutta* (Kinh *Vāseṭṭha*); M. II. 196, *Vāseṭṭhasutta* (Kinh *Vāseṭṭha*), số 98; A. I. 133, *Sāriputtasutta* (Kinh *Sāriputta*); Dh. v. 386; CNid. 38, *Udayamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Udaya); Pháp cú kinh “Phạm chí phẩm” 法句經梵志品 (T.04. 0210.35. 0572b20).

¹⁶ Xem CNid. 40, *Posālamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Posāla).

1120. Thế Tôn bèn đáp rằng:
Như Lai được thắng tri,
Rõ biết vị an trú,
Hỡi này Posāla,
Tất cả nơi thức trú,
Giải thoát, đạt cứu cánh.
1121. Biết được sự tác thành,
Biết hỷ là kiết sử,
Tại đây thấy như vậy,
Thuộc về vô sở hữu,
Do thắng tri như vậy,
Do thắng tri như vậy,
Đây là trí như thật,
Đã thành tựu Phạm hạnh.

§16. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN MOGHARĀJA

(*Mogharājamāṇavapucchā*)¹⁷ (Sn. 216)

1122. Mogharāja nói:
Bậc Có Mắt họ Thích,
Nhưng con được nghe rằng,
Đã hai lần con hỏi,
Vị Thiên nhân, Ấn sĩ,
Ngài chưa trả lời con,
Cho đến lần thứ ba,
Sẽ trả lời cho con.
1123. Đời này và đời sau,
Con không rõ quan điểm,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Gotama lừng danh.
1124. Vị thầy được thù diệu,
Cần nhìn đời thế nào,
Con đến với câu hỏi,
Để thần chết không thấy?

[Thế Tôn:]

1125. Này Mogharāja,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhỏ lên ngã tùy kiến,
Hãy nhìn đời trống không,
Thần chết không thấy được,
Hãy nhìn đời như vậy,

§17. CÂU HỎI CỦA THANH NIÊN PĪNGIYA

(*Piṅgiyamāṇavapucchā*)¹⁸ (Sn. 217)

1126. Tôn giả Pīngiya:
Không còn có dung sắc,
Mất không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mạng chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.

¹⁷ Tham chiếu: Dh. v. 170; Ap. II. 486, *Mogharājattheraapadāna* (Ký sự về Trưởng lão Mogharāja); MNid. 401, *Attadaṇḍasuttaniddeso* (Diễn giải kinh uế hạnh của bản thân); CNid. 42, *Mogharājamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Mogharāja). Netti. 5, *Desānāhāravibhaṅga* (Phân tích cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo); Pe. 23, *Sāsanapaṭṭhānadutiyaḥmūmi* (Phần thứ hai về Sự hình thành giáo pháp); Kv. 1, *Puggalakathā* (Văn đề hiện hữu của một thực ngã); Pháp cú kinh “Thuật Phật phẩm” 法句經述佛品 (T.04. 0210.22. 0567a01); Pháp cú thí dụ kinh “Thuật Phật phẩm” 法句譬喻經述佛品 (T.04. 0211.22. 0594b05); Xuất diệu kinh “Quán phẩm” 出曜經觀品 (T.04. 0212.28. 0736b06); Pháp tập yếu tụng kinh “Quán sát phẩm” 法集要頌經觀察品 (T.04. 0213.27. 0791b03).

¹⁸ Xem CNid. 44, *Piṅgiyamāṇavapucchā* (Câu hỏi của thanh niên Pīngiya).

1127. Thế Tôn đáp lại rằng:
Thấy được sự tác hại,
Chúng sanh sống phóng dật,
Do vậy Pīṇgiya,
Hãy từ bỏ sắc pháp,

[Pīṇgiya:]

1128. Bốn phương chính, bốn phụ,
Như vậy có mười phương,
Không có sự việc gì,
Không nghe, ngửi, nếm, xúc,
Hãy nói đến Chánh pháp,
Con ngay tại đời này,

1129. Thế Tôn nói như sau:
Thấy chúng sanh loài người,
Bị già nua đốt cháy,
Do vậy Pīṇgiya,
Hãy từ bỏ khát ái,

Hỡi này Pīṇgiya,
Trong các loại sắc pháp,
Bị phiền lụy trong sắc,
Ông chớ có phóng dật,
Chớ đi đến tái sanh.

Cộng thêm trên và dưới,
Và trong thế giới này,
Mà Ngài không thấy được,
Và không thức tri được;
Nhờ rõ biết pháp này,
Đoạn tận được sanh già.

Hỡi này Pīṇgiya,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua chinh phục,
Ông chớ có phóng dật,
Không còn bị tái sanh.

§18. CÁC KỆ NGÔN KẾT LUẬN TÁN THÁN CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA (*Pārāyanatthutigāthā*)¹⁹ (*Sn.* 219)

Thế Tôn nói như vậy. Trong khi ở tại Magadha, tại điện Pāsāṇaka, Thế Tôn được mười sáu Bà-la-môn đệ tử của Bāvarī tìm đến, được hỏi nhiều câu hỏi và Ngài đã trả lời. Nếu từng câu hỏi một, sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp, thì có thể đi đến bờ bên kia của già chết. Những pháp này có thể đưa người qua bờ bên kia, cho nên pháp môn này cũng được gọi là Pārāyanam: “Con đường đưa đến bờ bên kia.”

1130. Phạm chí Ajita,
Phạm chí Puṇṇaka,
Thanh niên Dhotaka,
Nanda, Hemaka,

1131. Cả hai vị thanh niên,
Và Jatukaṇṇi,
Phạm chí Udaya,
Với Mogharāja,
Cùng với bậc đại sĩ,

1132. Những vị này đi đến,
Bậc hạnh đức đầy đủ,
Bậc Giác Ngộ Tối Thượng,

Tissa Metteyya,
Cùng với Mettagū,
Và Upasīva,

Todeyya, Kappa,
Với Bhadrāvudha,
Phạm chí Posāla,
Là bậc đại hiền trí,
Tên là Pīṇgiya.

Đức Phật, bậc Tiên Nhân,
Những vị này đi đến,
Hỏi câu hỏi tế nhị.

¹⁹ Xem *CNid.* 45.

- | | |
|--|---|
| <p>1133. Đức Phật đã như thật,
Tùy theo các câu hỏi,
Trả lời những câu hỏi,
Được hoan hỷ vui thích.</p> <p>1134. Họ được vui hoan hỷ,
Nhờ Bà Con Mặt Trời,
Dưới chỉ đạo hướng dẫn,</p> <p>1135. Theo từng câu hỏi một,
Ai như vậy hành trì,
Đến được bờ bên kia.</p> <p>1136. Đi được từ bờ này,
Tu tập đạo vô thượng,
Đưa đến bờ bên kia,
Con đường đến bờ kia.</p> | <p>Trả lời các vị ấy,
Và bậc Đại Ân sĩ,
Khiến các Bà-la-môn,</p> <p>Nhờ Phật, bậc Có Mắt,
Họ hành trì Phạm hạnh,
Bậc trí tuệ tuyệt diệu.</p> <p>Tùy đức Phật thuyết giảng,
Đi được từ bờ này,</p> <p>Đến được bờ bên kia,
Và chính con đường ấy,
Do vậy được tên gọi,</p> |
|--|---|

§19. CÁC KỆ NGÔN TƯỜNG THUẬT CON ĐƯỜNG ĐI ĐẾN BỜ KIA
(Pārāyanānugītīgāthā)²⁰ (Sn. 221)

Rồi Tôn giả Piṅgiya đi về Godhāvarī và nói lại với Bà-la-môn Bāvarī những điều đã xảy ra.

- | | |
|---|--|
| <p>1137. Tôn giả Piṅgiya:
Con đường đến bờ kia,
Ngài nói lên thế ấy,
Bậc Lãnh Đạo Không Dục,
Làm sao do nhân gì,</p> <p>1138. Bậc đã đoạn trừ hết,
Bậc đã diệt trừ sạch,
Con sẽ nói tán thán,</p> <p>1139. Bậc quét sạch u ám,
Đã đến tận cùng đời,
Bậc không có lậu hoặc,
Vị được gọi sự thật,
Con được hầu vị ấy.</p> <p>1140. Như chim bỏ rừng hoang,
Cũng vậy con từ bỏ,
Con đạt đến biển lớn,</p> <p>1141. Những ai trong đời khác,
Lời dạy bậc Cù-đàm,</p> | <p>Con sẽ đọc tụng lên,
Ngài được thấy thế nào,
Bậc Vô Cấu, Quảng Trí,
Bậc Niết-bàn An Tĩnh,
Ngài nói điều không thật.</p> <p>Uế nhiễm và si mê,
Kiêu mạn và gièm pha,
Âm thanh vi diệu ấy.</p> <p>Phật-đà, bậc Biến Nhãn,
Đã vượt qua sanh hữu,
Đoạn tận mọi đau khổ,
Hỡi vị Bà-la-môn,</p> <p>Đến ở rừng nhiều trái,
Những bậc thấy nhỏ nhen,
Chẳng khác con thiên nga.</p> <p>Đã nói cho con nghe,
Như vậy đã xảy ra,</p> |
|---|--|

²⁰ Xem CNid. 49.

Như vậy sẽ xảy đến,
Chỉ làm tăng nghi ngờ.

1142. Chỉ một vị an trú,
Sanh trưởng gia đình quý,
Cù-đàm, bậc Quảng Tuệ,
1143. Ai thuyết pháp cho con,
Đến ngay không chờ đợi,
Vị ấy không ai sánh.

[Bāvarī:]

1144. Hỡi này Piṅgiya,
Sống xa lánh vị ấy,
Bậc Cù-đàm Quảng Tuệ,
1145. Vị thuyết pháp cho người,
Đến ngay không chờ đợi,
Vị ấy không ai sánh?

[Piṅgiya:]

1146. Hỡi này Bà-la-môn,
Sống xa lánh vị ấy,
Gotama Quảng Tuệ,
1147. Vị thuyết pháp cho con,
Đến ngay không chờ đợi,
Vị ấy không ai sánh.
1148. Chính con thấy vị ấy,
Ngày đêm không phóng dật,
Con trải qua suốt đêm,
Do vậy con nghĩ rằng,
1149. Với tín và với hỷ,
Không làm con xa rời,
Chính tại phương hướng nào,
Chính ở phương hướng ấy,
1150. Với con tuổi đã già,
Do vậy thân thể này,
Với tâm tư quyết chí,
Vì rằng, thưa Phạm chí,
1151. Nằm dài trong vũng bùn,
Con đã bơi qua lại,
Con đã thấy đức Phật,

Tất cả là tin đồn,

Quét sạch các hắc ám,
Vị ấy chiếu hào quang,
Cù-đàm, bậc Quảng Trí.
Pháp thiết thực hiện tại,
Ái diệt vượt đau khổ,

Sao ông lại không thể,
Chỉ trong một chốc lát?
Bậc Cù-đàm Quảng Trí.
Pháp thiết thực hiện tại,
Ái diệt, vượt đau khổ,

Con không có thể được,
Chỉ trong một chốc lát,
Gotama Quảng Trí.
Pháp thiết thực hiện tại,
Ái diệt, vượt đau khổ,

Với ý, với con mắt,
Kính thưa Bà-la-môn,
Đánh lễ, kính vị ấy,
Con không xa vị ấy.

Với ý luôn chánh niệm,
Lời dạy Gotama!
Bậc Quảng Tuệ đi đến,
Con được dắt dẫn đến.

Yếu đuối không sức mạnh,
Không đến được chỗ ấy,
Con thường hằng đi đến,
Ý con cột vị ấy.

Vùng vầy vật qua lại,
Đảo này đến đảo khác,
Vượt bực lưu vô lậu.

Đến đây, khi họ đang nói, đức Phật hiện ra và nói:

- | | |
|---|--|
| 1152. Cũng như Vakkali,
Với Bhadrāvudha,
Cũng vậy ông đã được,
Hỡi này Piṅgiya,
Đến được bờ bên kia, | Nhờ tin được giải thoát,
Āḷavi, Cù-đàm,
Giải thoát nhờ lòng tin.
Ông sẽ đi đến được,
Của thế giới thần chết. |
|---|--|

[Piṅgiya:]

- | | |
|--|---|
| 1153. Được nghe lời Ân sĩ,
Bạc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Không cứng cõi, biện tài. | Con tăng trưởng tịnh tín,
Đã vén lên tấm màn, |
| 1154. Thắng tri các chư thiên,
Bạc Đạo sư chấm dứt,
Với những ai tự nhận, | Biết tất cả cao thấp,
Tất cả các câu hỏi,
Còn có chỗ nghi ngờ. |
| 1155. Không run rẩy, dao động,
Chắc chắn con sẽ đi,
Như vậy con thọ trì, | Không ai có thể sánh,
Tại đây con không nghi,
Như tâm người tín giải. |

